

Số 205

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

**Sức mạnh
của người lãnh đạo**

Tr. 4

Thi và rừng

Tr. 10

Tâm triền phước

Tr. 12



TÔN HOA SEN

Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

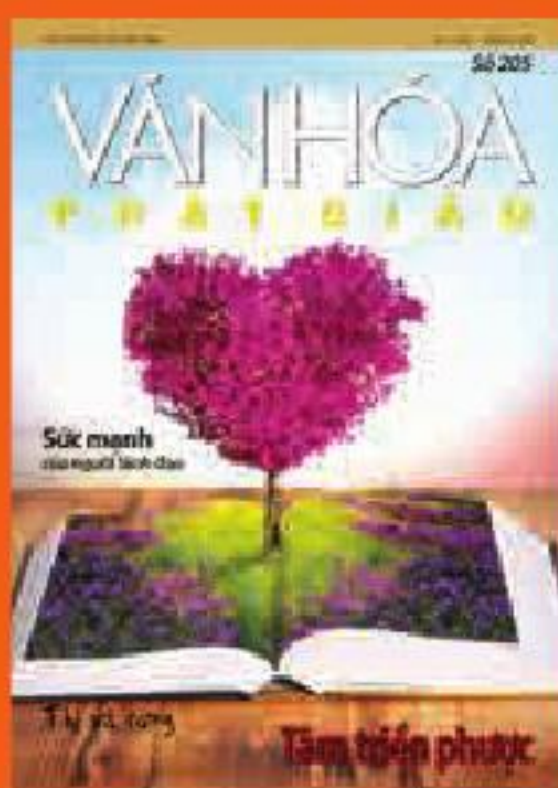


HOA SEN GROUP

**TẠP CHÍ EUROMONEY BÌNH CHỌN TẬP ĐOÀN HOA SEN
LÀ "CÔNG TY ĐƯỢC QUẢN LÝ TỐT NHẤT CHÂU Á NĂM 2014"**
www.hoasengroup.vn



<http://tieulun.hopto.org>



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUÂN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Tri sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, ĐD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, ĐD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhpg@gmail.com
Tên tài khoản:
Tap chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Sức mạnh của người lãnh đạo (Nguyễn Cẩn)	4
Nguyễn Trãi trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du (Phạm Tuấn Vũ)	7
Thi và rừng (Cao Huy Hóa)	10
Tâm triễn phước (Nhật Hoa)	12
Tánh thấy (Nguyễn Thế Đăng)	16
Thiền, tại sao không! (Trung Hữu)	19
Chuyện cánh đồng lúa (Tấn Nghĩa)	22
Mạn đàm Nghiệp và Vô thường (Hoàng Tá Thích)	25
Tại sao chúng ta phải tìm nơi nương náu (Yongey Mingyur Rinpoche - Nguyễn Văn Nghệ dịch)	28
Phật giáo và các sinh vật (Sharon Callahan - Hoàng Nguyên Đức dịch)	30
Đình Đồng Tỉnh làng tôi (Vũ Huế)	32
Văng cảnh Thiền viện Trúc Lâm Phương Nam (Thanh Tâm)	34
Người con nuôi (Hương Đức)	36
Mùa hè cơ cực của trẻ xa quê (Nguyễn Hoàng Duy)	39
Hiếu sâu sắc "Lương y như từ mẫu" (Nguyễn Hữu Đức)	42
Đèn đỏ dưới chân cầu (Lê Hải Đăng)	44
Bảo vệ trẻ em trên báo chí (Nguyễn Văn Toàn)	46
Lễ ở làng và chiếc kính cận (Hoa Sầu Đông)	48
Dưới mái hiên nhà (Linh Lan)	49
Thơ (Trường Khánh, Trà Kim Long, Nguyễn Dũng, Lý Thị Minh Châu, Hoàng Tá Thích, Vĩnh Hiền)	50
Giọt nước mắt muộn màng (Mang Viên Long)	52
Bông bí vàng (Trúc Chi)	56
Vò tương, vại nhút quê mình (Lê Lam Hồng)	57
Lời cảm ơn cuộc sống	58

Bìa 1: Rừng cây, nguồn giấy. Nguồn: shutterstock.com

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Vừa qua, sáng ngày 9-7-2014, tại thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tổ chức Đại lễ Cầu nguyện Hòa bình cho Biển Đông và tưởng niệm, cầu siêu cho các anh hùng, liệt sĩ cùng đồng bào tử nạn. Buổi lễ thể hiện quyết tâm của người Phật tử Việt Nam trong việc giữ gìn chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải, biển đảo của đất nước trên tinh thần hòa bình. Nhân sự kiện này, Văn Hóa Phật Giáo xin chia sẻ với quý độc giả những suy niệm về các hành vi ngang ngược của Trung Quốc gần đây, ngày càng đẩy mạnh sự khiêu khích trên Biển Đông trong lúc chiến sĩ và ngư dân ta vẫn can đảm đấu tranh bằng sự bình tĩnh và kiên quyết. Chúng ta tin tưởng rằng chính nghĩa sẽ thắng, việc đấu tranh bằng mọi biện pháp hòa bình và trí tuệ sẽ thắng, mọi tham vọng bá quyền chỉ kết thúc trong sự thất bại ê chề như lịch sử đã chứng minh.

Chúng ta đang tiến dần đến ngày Vu-lan. Số báo đặc biệt mừng Vu-lan Phật lịch 2558 đang được chuẩn bị. Chúng tôi mong mọi quý vị cộng tác viên tích cực đóng góp bài vở cho số báo Vu-lan thêm phong phú.

Gần đây, chúng tôi lại nhận được nhiều cuộc điện thoại nhắc nhở rằng báo đặt mua dài hạn không đến được tay quý độc giả, bên cạnh những lời phàn nàn về việc báo phát hành trễ. Đã nhiều năm qua, VHPG luôn luôn giữ đúng việc phát hành báo vào ngày 1 và 15 hàng tháng. Trong phạm vi các quận nội thành TP.HCM, chúng tôi đã có nhiều cố gắng để khắc phục việc gửi báo trễ; nhưng ở xa hơn, chúng tôi chưa thể làm gì hơn được vì còn lệ thuộc vào một số đầu mối khác. Riêng việc mất báo, thường thường, ngay khi nhận được khiếu nại, chúng tôi đã nhanh chóng gửi báo bổ sung; rất nhiều khi, sau khi đã gửi báo bổ sung, chúng tôi được độc giả phản hồi là đã nhận được liên tiếp hai tờ báo cùng một số! Chúng tôi chỉ biết mong quý vị thông cảm và xin quý vị nhắc nhở ngay mỗi khi có những điều chưa vừa ý.

Trước mùa Vu-lan, xin kính chúc quý độc giả thành toàn hiếu hạnh. Xin thành tâm nguyện cầu Tam bảo gia hộ cho đất nước ta được hưởng thanh bình để phát triển; xin nguyện cầu thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



**Này các Tỳ-kheo, hãy là những người thọ trì Pháp của ta,
không phải là những người thừa tự tài vật.**

Trung Bộ - Kinh Thừa tự Pháp



Sức mạnh của người lãnh đạo

NGUYỄN CẦN



Nguồn: danviet.vn

Sức mạnh của người xưa

Đọc sử, có ai ngạc nhiên chẳng khi thấy nhà Trần chặn đứng được cuộc xâm lăng của nhà Nguyên nhờ đã đánh tan hai đợt tấn công hung hãn của quân Mông Cổ tiến vào nước ta chỉ cách nhau không đầy ba năm, lần trước vào tháng 1 năm 1285, lần sau vào tháng 12 năm 1287? Mỗi cuộc chiến ấy, quân Mông Cổ huy động trên dưới 50 vạn quân; đạo quân cực kỳ thiện chiến và nổi tiếng tàn bạo thời ấy đã nhanh chóng tung vó ngựa khuất phục phần lớn thế giới khắp từ Âu sang Á. Chiến công oanh liệt của quân dân Đại Việt ngày ấy là nhờ bấy giờ vua Trần Nhân Tông đã đoàn kết được toàn dân, phát huy được năng lực các tướng sĩ, huy động được tài lực, nhân lực của cả nước đánh thắng giặc, bảo vệ toàn vẹn nền độc lập cho nước nhà. Công lao của những tướng lĩnh kiệt xuất như Trần Hưng Đạo, Trần Khánh Dư, Phạm Ngũ Lão... được ghi nhận; vai trò cố vấn của Thượng hoàng Trần Thánh Tông là đáng kể nhưng vua Trần Nhân Tông mới chính là linh hồn của cuộc kháng chiến kiên hùng

đó. Bằng phong thái ung dung tự tại, ứng xử theo lý tùy duyên, *tâm nhìn trí tuệ* trong chỉ đạo chiến lược, ông đã đem lại cho quân dân nhà Trần sức mạnh phi thường đưa đến thắng lợi cuối cùng.

Có thể nói, hơn mười bốn năm làm vua (1278 - 1293), dù tuổi đời còn trẻ, Trần Nhân Tông đã dành hết sức của ngài để hoàn thành tâm nguyện: giữ cơ đồ xã tắc vững bền, ổn định xã hội để nhân tâm an lạc. Trên hết, vào lúc nước nhà nghiêng ngửa trước sự hung hãn và sức mạnh vượt trội về quân sự của quân địch, vị lãnh đạo quân dân Đại Việt lúc ấy đã có sự quyết đoán và cái nhìn sáng suốt.

Khi nhận định tình hình, nhà vua đã nhắc chuyện Việt vương Câu Tiễn khi xưa ở Cối Kê với chỉ một ngàn quân vẫn phục hưng đại nghiệp, hướng chi ta còn nguyên quân lực vùng Thanh – Nghệ chưa dùng, dù ít nhưng mạnh do chính nghĩa, vì lý tưởng bảo vệ Tổ quốc.

*Cối Kê cự sự quân tu ký,
Hoan, Diễn do tôn thập vạn binh*



(Cối Kê việc cũ người nên nhớ,
Hoan Diễn còn kia chực vạn quân).

Lại phải kể đến chân ngôn của dân tộc thể hiện qua lời danh tướng Trần Thủ Độ nói với Trần Thánh Tông trước đó: “Nếu bệ hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu hạ thần trước đã”. Với tinh thần dũng mãnh và quyết liệt ấy, nhà Trần đã thắng lợi, bằng vào sức mạnh toàn dân qua Hội nghị Diên Hồng, khác xa những triều đại mất lòng dân như nhà Mạc, nhà Hồ sau này.

Đầu có thể chặt nhưng không thể cúi

Chân ngôn ấy hôm nay vẫn còn nguyên giá trị. Trong dịp tiếp xúc với cảnh sát biển vào đầu tháng Bảy, nghe báo cáo tình hình anh em bị truy đuổi, tàu bè bị va đập trên Biển Đông, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang khẳng khái nhận xét rằng bất cứ nước nào dùng phương tiện chấp pháp đâm chìm tàu cá ngư dân là không thể chấp nhận được vì thế giới văn minh không

có chỗ cho những hành động như vậy. Ông khẳng định: “Hoàng Sa, Trường Sa là ngư trường truyền thống mà cha ông ta để lại từ nghìn đời nay” và nêu quan điểm dứt khoát “Người dân không có tấc sắt trong tay mà bị tấn công bằng tàu công suất lớn, như vậy là tàn bạo; không thể ý tàu to, súng lớn mà ăn hiếp. Dứt khoát dân tộc này **không cúi đầu chấp nhận**. Chúng ta muốn hòa hiếu, muốn chung sống hòa bình nhưng phải trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và đôi bên cùng có lợi”.

Mặt khác, nhận định về thái độ hòa hiếu trong đấu tranh ở Biển Đông của Việt Nam, Bộ trưởng Nguyễn Văn Nên, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ cho biết: “Đến giờ này, thế giới đều khen ngợi sự kiềm chế, chịu nhịn của Việt Nam vì người ta nói, ở vị thế của một nước từng qua nhiều chiến tranh, đã thấu hiểu đạo lý và rất mực tôn trọng pháp lý, danh giá của Việt Nam đang được nhìn vào...”. Ông cũng thẳng thắn nêu quan điểm rằng lúc này chỉ có thể lấy đạo lý, lấy chính nghĩa để thắng hung tàn, tranh thủ tiếng nói ủng hộ của bạn bè quốc tế. Còn nếu nói về sức chịu đựng của Việt Nam với Trung Quốc thì chúng ta đã chịu đựng mấy nghìn năm nay rồi. Chúng ta từng đánh thắng rồi lại đi cầu hòa, thậm chí là đi cống nạp. Ở cương vị người trưởng phụ khi đối diện với kẻ thù thì chớ vội vàng cầm giáo cầm gươm, phải bình tĩnh để xem kẻ thù từ đâu đến, họ muốn gì, sẽ hại ta bằng cách gì để ứng xử. Có gươm nhưng chúng ta vẫn chịu đựng, không rút gươm ra, vì một mục đích cao hơn thì đó cũng là một hành động anh hùng. Bây giờ nếu rút gươm ra, chỉ có một người ngã xuống trên biển, tình hình sẽ rất nguy hiểm, khó kiểm soát. Vậy nên sự kiềm chế là cần thiết.

Trên tinh thần ấy, Chủ tịch Trương Tấn Sang nhắc lại, “Chúng ta kiềm chế không phải nhu nhược, yếu hèn, mà thể hiện thái độ hòa hiếu, thể hiện chính nghĩa với mục tiêu bảo vệ bằng được độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ”.

Bài học nào cho ngày nay

Học tập người xưa, chúng ta phải làm gì để tăng cường sức mạnh nội tại của dân tộc, chứ khoan nói đến sức mạnh bên ngoài như tàu bè súng ống... Bài học Trung Quốc đời nhà Thanh cường thịnh biết bao mà thảm bại dưới tay Nhật Bản với lực lượng ít hơn. Vì sao? Gần đây chính Tân Hoa xã cũng phải nhìn nhận nếu xảy ra chiến tranh với Nhật, khả năng người Trung Quốc thua cũng rất cao do tình trạng tham nhũng trong hàng ngũ tướng lĩnh không thua gì đời nhà Thanh. Đó là họ còn tránh nói đến tình trạng phân hóa nội bộ, nhân tâm ly tán...

Sức mạnh niềm tin của Trần Nhân Tông có được xuất phát từ cái nhìn hết sức nhân bản đối với người và việc trong thời đại ông. Ông tin ở phẩm chất hướng thiện của mọi con người kinh qua thử thách thực tiễn, hay đúng hơn, ông không hề xem xét con người một cách đơn giản, phù phiếm qua những lăng kính thành phần, giai cấp thông thường. Trong hội nghị tướng lĩnh ở Bình

Than năm 1282 mà ông đích thân chủ trì nhằm đối phó với nguy cơ quân Nguyên Mông gây hấn, vừa bắt gặp chiếc thuyền bán than của Trần Khánh Dư - một tướng tài nhưng cũng lắm tật - lướt qua bên đoàn thuyền chiến, Trần Nhân Tông đã có ngay lệnh chỉ tha tội cho Dư, gọi Dư lại và cho tiếp tục được dự vào hàng tướng soái cầm quân. Thái độ bao dung của ông không chỉ với Trần Khánh Dư mà còn với các thành phần khác trong vương triều, trong xã hội... Sử còn nhắc chuyện nhà vua không truy xét những thư từ trao đổi gửi cho nhà Nguyên của một số quan chức, vương tử... khi mưu cầu danh lợi... Nhưng muốn có niềm tin nơi toàn dân, việc đầu tiên như nhiều người vẫn nói là phải đạt được sự đồng thuận của các tầng lớp trong xã hội, trong và ngoài nước. Chưa lúc nào mà sự đồng thuận trở thành mệnh lệnh thời đại như lúc này. Đây là cơ hội thống nhất lòng người, nhìn về một hướng, vì mục tiêu chung: bảo vệ chủ quyền Tổ quốc. Có ai đó còn phân vân khi ngợi ca những chiến sĩ bảo vệ Hoàng Sa nên suy nghĩ lại vì họ cũng là những người con của Tổ quốc, ngã xuống vì mảnh đất này - mảnh đất mà cũng chính vua Trần Nhân Tông đã dặn "Một tấc đất của tiền nhân để lại, cũng không được để lọt vào tay kẻ khác".

Nhưng muốn đồng thuận thì không chỉ có sự mở lòng ra đón nhận những ý kiến dù có khác biệt nhưng cũng vì mục tiêu chung: chống mọi kẻ thù xâm lược từ bên ngoài. Còn một loại kẻ thù nữa mà nếu không chống thì cũng khó được lòng dân: kẻ thù bên trong. Tên gọi kẻ nội xâm ấy là tham nhũng. Muốn giữ gìn được nền độc lập dân tộc, bảo vệ thể chế và toàn vẹn lãnh thổ thì không có con đường nào khác, phải loại bỏ "đám giặc" này. Có người băn khoăn khi Trung Quốc đem những giàn khoan, những đoàn tàu to lớn, hiện đại rầm rộ kéo xuống Biển Đông, nếu như không có sự thất thoát khổng lồ của Vinashin, Vinalines thì giờ đây, ngành hàng hải Việt Nam chắc chắn đã lớn mạnh, không đến nỗi "trầy trụa" như những con tàu kiểm ngư đang đối đầu mất cân xứng với quân thù. Nếu như không có những thất thoát rất lớn như vụ Ngân hàng Nông nghiệp hay vụ Công ty Cho thuê Tài chính chẳng hạn thì chúng ta chắc sẽ có thêm tiền trang bị phương tiện, vũ khí... Lúc này, hơn lúc nào hết, chúng ta phải đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng - kiên quyết đánh tan "giặc nội xâm". Làm được điều này, lực ta mạnh hơn, lòng dân đoàn kết hơn. Chúng ta mới đủ sức đấu tranh với mọi lực lượng, mọi thủ đoạn của các thế lực đang chống phá chúng ta, mới bảo vệ vững chắc chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Nhưng cái mất mát đo lường được ấy không thể so sánh nổi với sự đánh mất lòng tin nơi người dân vào sự công bằng, vào tính chính trực của người lãnh đạo! Trước những thất thoát vì thiếu liêm chính, những hành vi vung tay quá trán hay vung tay cho vào túi mình của những người có chức có quyền, chúng ta hiểu vì sao khi nói tới tương

lai đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh phải nhấn mạnh, như một yêu cầu cần thiết mà có thể nói giờ đây đã trở thành một lời tiên đoán nghiệt ngã: *"Một hạt gạo, một đồng tiền là mồ hôi, nước mắt của đồng bào. Vì vậy, ta phải ra sức tiết kiệm. Hoang phí là một tội ác. Có tiết kiệm, không hoang phí xa xỉ thì mới giữ được liêm khiết, trong sạch. Nếu hoang phí xa xỉ, thì ắt phải tìm cách xoay tiền, do đó mà sinh ra hủ bại, nhũng lạm, giả dối. Thậm chí làm chợ đen chợ đỏ, thụt két, buôn lậu. Có cần mới kiệm. Có cần, kiệm mới liêm. Có cần, kiệm, liêm mới chính"*.

Một trong những vị tướng hàng đầu của lịch sử nước Mỹ là tướng Dwight D. Eisenhower đã kết luận:

Để làm lãnh đạo, người ta phải có người đi theo mình. Để có người đi theo, người muốn lãnh đạo phải làm cho họ có lòng vững tin nơi mình. Do đó phẩm chất cao nhất của một người lãnh đạo là người ta không phải thối thác gì về sự liêm chính của người ấy. Thiếu mất sự liêm chính ấy, không thể có sự thành công thật, dầu trong bất cứ lãnh vực gì, trong một trận đấu bóng, trong quân đội hoặc trong văn phòng. Nếu những người chung quanh khám phá anh ta là con người giả dối... người ấy sẽ thất bại.

Theo quan điểm Phật giáo, thiếu liêm chính là một biểu hiện của lòng tham, một trong tam độc, nguồn gốc của mọi khổ đau, vừa đem lại khổ đau, muộn phiền, bất công cho người khác mà cũng là nguồn gốc khổ đau của chính mình.

Sức mạnh của trí tuệ

Sự đoàn kết của toàn dân trong các triều đại thịnh trị như Lý Trần đều mang ảnh hưởng Phật giáo vì các nhà vua thấm nhuần kinh điển, xử lý công việc triều chính, đối ngoại dưới ánh sáng trí tuệ. Đó là cái trí thông suốt, quán xuyên mọi sự: thấy đúng đưa đến hành động đúng. Trước hết là sự nhận định rằng trong mọi hành tác, trí tuệ của số đông là vô cùng cần thiết. Sự chung góp trí tuệ hay cốt lõi của đoàn kết là sức mạnh lớn lao nhất: trí tuệ của nhân dân, và vô cùng quan trọng nữa là trí tuệ của các nhà lãnh đạo.

Một khi có được sức mạnh trí tuệ, người lãnh đạo xử trí bình tĩnh mọi việc không dao động vì hận thù, tham vọng. Ông sẽ không tuyên bố biển nợ, trời kia, đất này, tài sản ấy là của riêng mình. Ông cũng sẽ không vọng ngữ, lộng ngôn, cuồng nộ; vì ông biết những ngọn gió độc do ông thổi ra sẽ thành những cơn bão cuốn cả chế độ của ông, đất nước của ông vào vòng xoáy chết chóc, lụi tàn. Nếu trong lòng ông, gã Hitler đang sống dậy mà tánh Phật trong ông khép lại thì sẽ chỉ mở ra bản chất Ác ma hung hiểm vô cùng.

Đọc lại sử xưa để thấy chúng ta có sẵn những tấm gương cần phải soi, phải làm theo, biến đổi cho phù hợp với thời thế nhưng luôn sáng suốt và tỉnh táo dưới ánh sáng Trí tuệ giác. Được như thế thì lời của Trần Nhân Tông sẽ được thực hiện: *"Non sông nghìn thuở vững âu vàng"*. ■

Nguyễn Trãi

trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du

PHẠM TUẤN VŨ

1 Trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du, nhiều nhân vật lịch sử của Trung Hoa được ông nhắc đến với một thái độ yêu ghét khá rõ ràng. Trong những nhân vật ấy, Khuất Nguyên và Đỗ Phủ có lẽ là hai người được Tố Như kính trọng, yêu mến nhất. Bởi họ không chỉ là những nhân cách vĩ đại mà còn gặp gỡ đại thi hào của chúng ta ở nhiều điểm tương đồng trong cuộc đời cũng như nghệ thuật. Điều này cũng dễ hiểu, bởi ảnh hưởng của những nhân cách và tài năng lớn đối với người đời sau là điều có tính phổ quát, không riêng gì ở Nguyễn Du mà còn ở nhiều tác giả khác, không riêng gì ở nước ta mà trên thế giới đều có hiện tượng này.

Việc Nguyễn Du ngưỡng mộ, cảm thương Linh Quân, Tử Mỹ* của Trung Hoa là điều đã rõ. Thế nhưng việc Tố Như kính phục, yêu quý Ước Trai Nguyễn Trãi của Việt Nam ta thì không phải ai cũng nhận ra. Bởi tình cảm này Tố Như không thể hiện trực tiếp trong thơ, nó ẩn chìm đằng sau những điển cố mà ông sử dụng trong sáng tác của mình. Tuy vậy, dù chỉ nhắc đến một cách gián tiếp, nhưng bằng lòng cảm phục đối với vị anh hùng toàn tài lại chịu số phận oan nghiệt của dân tộc, ta vẫn thấy bóng dáng Ước Trai tiên sinh hiện lên qua những vần thơ được “viết dưới sự thôi thúc của những nỗi niềm không nói ra không được”⁽¹⁾ của Tố Như.

2 Trong bài **Thu dạ kỳ II** 秋夜 (其二), hai câu cuối “Tảo hàn dĩ giác vô y khổ / Hà xứ không khuê thôi mộ chiêm 早寒已覺無衣苦 / 何處空閨催暮砧” (Mới chớm lạnh đã hiểu hết nỗi khổ không có áo mặc / Nơi nào phòng khuê vắng tiếng chày đập vải giục bóng chiều tà) mượn ý từ bài thơ **Thôn xá thu chiêm** 村舍秋砧 (Tiếng chày đập vải mùa thu gần chỗ ở tạm nơi thôn xóm) của Nguyễn Trãi:

Mãn giang hà xứ hưởng đông đình
滿江何處響東丁
Dạ nguyệt thiên kinh cửu khách tình
夜月偏驚久客情
Nhất chủng Tiêu Quan chinh phụ oán
一種蕭關征婦怨



Nguồn: newvietart.com

Tổng tương li hận nhập thu thanh.
總將離恨入秋聲。

Thảo Nguyên dịch thơ ⁽²⁾:

Bập bùng tiếng già vãi đầy sông
Xao xuyến đêm trăng khách náo lòng
Như ải Tiêu Quan chinh phụ oán
Tiếng-hờn hòa với tiếng-thu chung.

Lấy tứ thơ tiếng chày nện vãi vọng khắp sông của người chinh phụ như mang bao nỗi oán hờn trong đêm trăng hiu vắng làm náo lòng khách ở trọ lâu ngày gần đây trong bài thơ trên của Nguyễn Trãi, Nguyễn Du đã khắc họa thành công hình ảnh người thiếu phụ có chồng ra trận trong bài thơ của mình. Ở đây, Tố Như đã học tập Ước Trai và phát triển tứ thơ ở một cấp độ mới. Tác giả không nói gì đến tâm trạng oán hờn của người chinh phụ, nhưng qua nỗi lo chồng sắp vào mùa lạnh không có áo mặc nơi sa trường và qua tiếng chày lặng lẽ mỗi mòn khi chập tối như giục bóng chiều tắt nhanh nơi phòng vắng, ta hiểu ở người vợ không chỉ có nhớ thương, buồn lo mà còn có cả oán hờn. Bởi chính người chinh phụ, trong hoàn cảnh bi đát của riêng mình, mới hiểu hết sức tàn phá ghê gớm của chiến tranh, không chỉ với người ra đi, mà với cả người ở nhà chờ đợi mòn mỏi. Có thể xem **Thôn xá thu châm** của Nguyễn Trãi và **Thu dạ kỳ II** của Nguyễn Du là hai tác phẩm hay viết về đề tài chiến tranh trong dòng thơ khuê tình cung oán ở nước ta nói riêng và thơ ca phương Đông nói chung.

Trong bài **Tái du Tam Điệp sơn** 再踰三疊山, miêu tả phong cảnh đèo Ba Dội nhân lần quay trở lại nơi đây, Nguyễn Du có viết câu “**Chướng tình phong loan sáu** 瘴靜峰巒瘦”, nghĩa là “khói núi tan, dáng núi hao gầy”. Câu này lấy ý từ câu thơ thứ ba trong bài **Giang hành** 江行 của Nguyễn Trãi là “**Vũ quá sơn dung sáu** 雨過山容瘦”, nghĩa là “sau cơn mưa, núi mang dáng gầy”. Như vậy, có thể thấy, câu thơ trên của Nguyễn Trãi đã được Nguyễn Du lặp lại hầu như nguyên vẹn, từ ý thơ đến ngôn từ, cấu trúc câu thơ. Đây là một trong những trường hợp dụng điển đặc biệt mà chúng tôi sẽ trình bày trong phần dưới đây.

Nếu như ở hai bài thơ trên, Tố Như học tập, dẫn lại thơ Ước Trai thì trong bài thơ dưới đây, ông dụng một điển gần liền với một trong những sự kiện đau lòng nhất trong lịch sử dân tộc. Đó là họa tru di tam tộc thảm khốc mà 74 người trong gia đình Nguyễn Trãi phải chịu oan vào năm Nhâm Tuất 1442. Tác phẩm nhắc đến sự kiện này là bài thơ **Độ Phú Nông giang cảm tác** 渡富農江感作:

Nông thủy đông lưu khứ
農水東流去
Thao thao cánh bất hồi
滔滔更不回
Thanh sơn thương vãng sự
青山傷往事
Bạch phát phục trùng lai
白髮復重來



Xuân nhật thương thuyền hợp

春日商船合

Tây phong cổ lũy khai

西風古壘開

Du nhân vô hạn cảm

遊人無限感

Phương thảo biến thiên nhai.

芳草遍天涯.

Trương Chính dịch thơ ⁽³⁾:

Phú Nông dòng nước tràn trề

Luôn luôn chảy mạnh xuôi về hướng đông

Non xanh việc trước đau lòng

Bạc đầu ta lại long đong chốn này

Thuyền buồn xuân hợp tới đây

Lũy xưa bỏ trống gió tây lạnh lùng

Khách qua cảm động không cùng

Chân trời man mác một vùng cỏ thơm.

Trong bài thơ này, Nguyễn Du có nhắc đến một địa danh nổi tiếng. Đó là sông Phú Nông hay Phú Nông giang, còn gọi là sông Luộc, chảy từ sông Hồng sang sông Thái Bình, nằm giữa hai tỉnh Thái Bình và Hưng Yên, là con sông đào cổ, có vai trò quan trọng trong việc trị thủy canh nông của vùng (tên gọi “Phú Nông” có nghĩa là làm cho nghề nông phát triển, giàu lên). “Sông Luộc chảy qua Quỳnh Côi, nơi Nguyễn Du ẩn náu và Hưng Nhân quê của Phạm Đôn Lễ, trạng nguyên đời Hồng Đức, cũng là tổ nghề dệt chiếu. Nghề này lan rộng cả vùng Hải Hậu tạo nên cảnh buôn bán trên bến dưới thuyền tấp nập trên sông Luộc, gần ngã ba sông Hồng. Nơi đây, cũng chính là quê bà Nguyễn Thị Lộ, cô hàng chiếu thông minh xinh đẹp ngày xưa” ⁽⁴⁾, có một mối lương duyên kì ngộ để rồi bà trở thành một tiểu thiếp của Nguyễn Trãi, giữ chức Lễ nghi Học sĩ trong triều được hầu cận bên vua. Bà gắn với thảm kịch án Lệ Chi Viên mùa thu năm Nhâm Tuất. “Chuyện cũ đau lòng” mà cả núi xanh đến bây giờ vẫn còn như nhắc lại chính là họa tru di ba họ mà gia tộc Nguyễn Trãi phải gánh chịu một cách oan khốc, là vết nhơ không bao giờ xóa bỏ được mà triều Lê đã gây ra cho lịch sử dân tộc.

Có thể nói, Nguyễn Du cảm phục, kính trọng Nguyễn Trãi không chỉ ở nhân cách, tài năng và công lao vĩ đại đối với dân tộc của người anh hùng trọn đời “Bui một tắc lòng ưu ái cũ / Đêm ngày cuốn cuộn nước triều đông” mà còn ở những điểm gặp gỡ mà Tố Như tìm thấy ở Ưc Trai tiên sinh. Cũng là một con người cô độc, “Ngã hữu thốn tâm vô dũ ngữ 我有寸心無與語” (Ta có một tắc lòng không biết nói cùng ai), có tài nhưng không được trọng, có lí tưởng cao đẹp nhưng không làm sao thi thố được và cùng số phận suốt đời lao đao. Chưa quá nửa đời mà tóc đã bạc trắng, qua chốn này thấy số mình long đong, cho nên thi nhân viết “Du nhân vô hạn cảm”. Nỗi niềm cảm thương vô hạn ấy, Nguyễn Du dành cho tiền nhân mà có lẽ cũng dành cho cả chính mình.

3 Những lần Nguyễn Trãi xuất hiện trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du đều đặc biệt ở chỗ, Ưc Trai không được nói đến trực tiếp mà thông qua các điển cố, hai điển cố văn học và một điển cố lịch sử. Xét ở phương diện nghệ thuật dụng điển, đây là một hiện tượng khá đặc biệt. Bởi sử dụng điển trong thơ văn thời trung đại là một đặc trưng loại hình có tính phổ quát. Ở nước ta, điển được các nhà văn sử dụng một cách phổ biến và hiệu quả nhưng tuyệt đại đa số là những điển có nguồn gốc từ văn hóa, văn học, lịch sử Trung Hoa. Thế nhưng các điển mà Nguyễn Du sử dụng trong ba bài thơ trên đều là điển Việt, có nguồn gốc từ trong văn học, lịch sử nước nhà. Trong thơ chữ Hán Nguyễn Du, điển cố gốc Hán chiếm một tỉ lệ khá cao nhưng không vì thế mà điển cố Việt mất đi vị trí của nó. Dù rằng xuất hiện với số lượng không nhiều nhưng các điển cố Việt đã được Tố Như sử dụng tài tình, phát huy được hiệu quả thẩm mỹ của chúng, làm cho tác phẩm trở nên gần gũi với tâm thức văn hóa người Việt hơn cũng như thể hiện đầy đủ hơn cảm xúc của tác giả khi viết về một nhân vật lịch sử của dân tộc. Ta còn nhớ ảnh hưởng của Nguyễn Du trong thơ Nôm Nguyễn Công Trứ qua sự tiếp nhận **Truyện Kiều** một cách chủ động, linh hoạt và hiệu quả của Hi Văn*. Cũng vậy, Nguyễn Du đã học tập thơ chữ Hán Ưc Trai và sử dụng nhiều điển cố liên quan đến Nguyễn Trãi. Dù chẳng ai nói ra, nhưng qua việc làm này, ta hiểu người đi sau đã dành cho người đi trước niềm cảm phục, yêu mến sâu sắc.

Có thể nói, Nguyễn Trãi chỉ thoáng xuất hiện trong thơ chữ Hán Tố Như thông qua một số điển cố văn học và lịch sử liên quan đến ông nhưng ta cảm nhận được ở Nguyễn Du tấm lòng cảm thương, kính phục vô bờ đối với một nhân cách vĩ đại có cuộc đời chịu nhiều oan khốc trong lịch sử dân tộc này. Không chỉ có Linh Quân, Tử Mỹ, Ưc Trai cũng là người có ảnh hưởng nhất định đến Tố Như, đúng như nhận định của dịch giả Thảo Nguyên: “Xưa nay chúng ta chỉ biết là Nguyễn Du rất kính phục hai danh nhân cổ người Tàu, đó là Khuất Nguyên và Đỗ Phủ. Nhưng thi hào còn rất yêu quý và kính trọng một vị nữa, đó là Nguyễn Trãi, danh nhân Việt Nam” ⁽⁵⁾. ■

Chú thích:

• Lần lượt là tên hiệu, tên tự và biệt hiệu của Khuất Nguyên, Đỗ Phủ, Nguyễn Công Trứ.

(1): Hoài Thanh, “Tâm tình Nguyễn Du qua một số bài thơ chữ Hán”, in trong **Nguyễn Du, về tác gia và tác phẩm**, Nhiều tác giả, tái bản lần 2, Nxb Giáo Dục, 2001.

(2), (4), (5): Thảo Nguyên, **Độc và dịch thơ chữ Hán của Nguyễn Du**, Nxb Hội Nhà Văn, 2007.

(3): Nguyễn Thạch Giang-Trương Chính (biên khảo và chú giải), **Nguyễn Du niên phổ và tác phẩm**, Nxb Văn Hóa Thông Tin, 2000.

Thi và Ớng

CAO HUY HÓA



Thi cử và rừng cây, có liên quan gì với nhau? - Có chứ! Thí sinh phải làm bài thi trên giấy, các cơ quan tổ chức thi phải dùng giấy, mà giấy là sản phẩm của cây, của rừng. Không có giấy thì không có thi.

Con người trên khắp thế giới dùng giấy càng ngày càng nhiều, từ chuyện tầm thường trong đời sống cá nhân đến chuyện văn hóa, giáo dục, chuyện quốc gia đại sự. Có lẽ ngoài lương thực, thực phẩm, thứ vật chất mà con người dùng nhiều nhất là giấy, từ khi sinh ra cho đến hơi thở cuối cùng, đều đặn nhất là trong quá trình học tập và thi cử.

Có thứ gì cạnh tranh với giấy trong việc phục vụ nhu cầu đa dạng của con người? Thật là thích thú trong thời đại ngày nay, tiến bộ khoa học kỹ thuật, đặc biệt là truyền thông, internet, máy tính, điện thoại di động thông minh... đã chia sẻ nhu cầu đó: Thay vì đọc trên giấy, người ta đọc trên màn hình, nhanh chóng, nhiều định dạng, màu sắc và tiện ích sống động, và ưu việt thì khỏi nói nhiều: email nhanh như điện, nối mọi người trên khắp các đại lục, không chỉ chữ mà còn ảnh, còn giọng nói; thời sự trên internet thì chuyện mới xảy ra là biết liền, không cần đợi báo giấy; còn chuyện a-lô thì cô thôn nữ bên này vẫn liên lạc thường xuyên với người yêu ở bên kia bán cầu, khỏi chữ nghĩa lồi thoi...

Nhưng xin trở về chuyện thi cử. Việc tổ chức hội đồng coi thi, hội đồng chấm thi, việc ra đề, chuyển đề đến các địa phương nhanh chóng và bảo mật..., tất cả mọi sự phức tạp đó không thể diễn ra hoàn hảo nếu không có công nghệ thông tin và truyền thông làm công cụ chính yếu. Tuy thế, nhìn chung, cách tổ chức trường thi, phòng thi, cách phân phối giám thị, cách

quản lý và chấm bài thi... vẫn như thuở nào cách đây mấy chục năm về trước. Liệu công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại có góp phần cải tiến nhiều hơn cách tổ chức thi? Liệu thí sinh có thể làm bài trên máy tính? Thật khó để tổ chức một kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông ở Việt Nam, cũng như thi BAC (tú tài Pháp) đến gần triệu thí sinh trên toàn quốc theo hướng như thế; nhưng nếu thi với quy mô nhỏ hơn và không phải ở tầm mức quốc gia, ví dụ như thi học kỳ, học phần, chứng chỉ... của một lớp, một ngành thuộc trường đại học thì khả năng vẫn dễ ngổ, và thực tế đã có những kỳ thi Anh ngữ được tổ chức cho thí sinh làm bài trên máy tính.

Mới đây, ngày 12-6-2014, báo mạng *Le Figaro.fr* (Pháp) cho biết: Hai người khởi nghiệp trẻ ở Paris (Pháp) vừa tốt nghiệp đại học, Clément Régnier và Charles Zhu, đã sáng tạo một phần mềm, đảm bảo thực hiện làm bài thi và chấm thi trên máy tính. Đây không phải là kỳ công lớn, nhưng phần mềm sáng tạo này rất là phức tạp, liên quan đến nhiều khâu, nhiều đối tượng, nhiều tình huống. Đặc biệt, ngoài việc đảm bảo tính chính xác, tính dễ sử dụng, tính bảo mật... theo yêu cầu của thi cử, phần mềm đã giải quyết được những vấn đề:

- Khi thí sinh bắt đầu thi thì phải vô hiệu hóa tất cả "gia tài" có sẵn trong máy của thí sinh, vô hiệu hóa đĩa CD, USB đưa vào. Không truy cập được internet, như vậy tất nhiên không nhờ cậy được "ông" Google.

- Không đòi hỏi thi ở phòng tin học, vì số thí sinh có thể nhiều hơn số máy tính; mà có thể tổ chức thi tại nhiều phòng học bình thường, hoặc tại giảng đường. Máy tính là của thí sinh (đặc biệt là laptop, máy tính bảng), ngày nay sinh viên nào bên Pháp đều có. Trường hợp đặc biệt, nếu thí sinh không có máy hoặc máy hư, trường cho mượn máy.

- Bài làm của thí sinh, ngay trong thời gian thi, được lưu trữ từng 30 giây, trên hai máy chủ khác nhau của hội đồng thi.

- Đầu giờ thi, giám thị sẽ cho thí sinh một mật khẩu để bắt đầu thâm nhập để thi và làm bài.

Theo kế hoạch, hệ thống thiết bị và phần mềm sẽ được thử nghiệm áp dụng vào 10 kỳ thi trong tháng 7 năm 2014 tại trường Đại học Thương mại. Hai nhà sáng tạo tỏ ra tự tin sẽ thành công.

Những người từng tham gia các hội đồng thi dễ đánh giá lợi ích của tổ chức thi theo phần mềm này. Có thể kể những cảnh tiêu cực và phiền phức sau đây được khắc phục:

- Không còn quay tài liệu, trao đổi trên giấy, hạn chế thí sinh nhìn bài người bên cạnh.

- Thời gian thi sát sao, theo quy định. Thí sinh không thể nán ná khi hết giờ làm bài. Không còn nỗi ám ảnh của giám thị về cảnh mất trật tự khi hết giờ, thí sinh tranh thủ chép bài nhau,...

- Công việc của giám thị là nhàn nhã; đặc biệt, khỏi phải kiểm bài, đếm số trang, đánh số thứ tự. Giám khảo cũng vậy. Bài được lưu trên máy, đưa về cho giám khảo chấm ở nhà hoặc ở trường. Thí sinh cũng khỏe, không đem theo cái gì đến trường thi.

- Không còn cảnh bài thi thất lạc, bài làm tẩy xóa, gạch bỏ khó chấm, giám khảo làm mất bài thi. (Ở Paris, có chuyện thầy để quên bài thi trong tàu điện ngầm đấy nhé!).

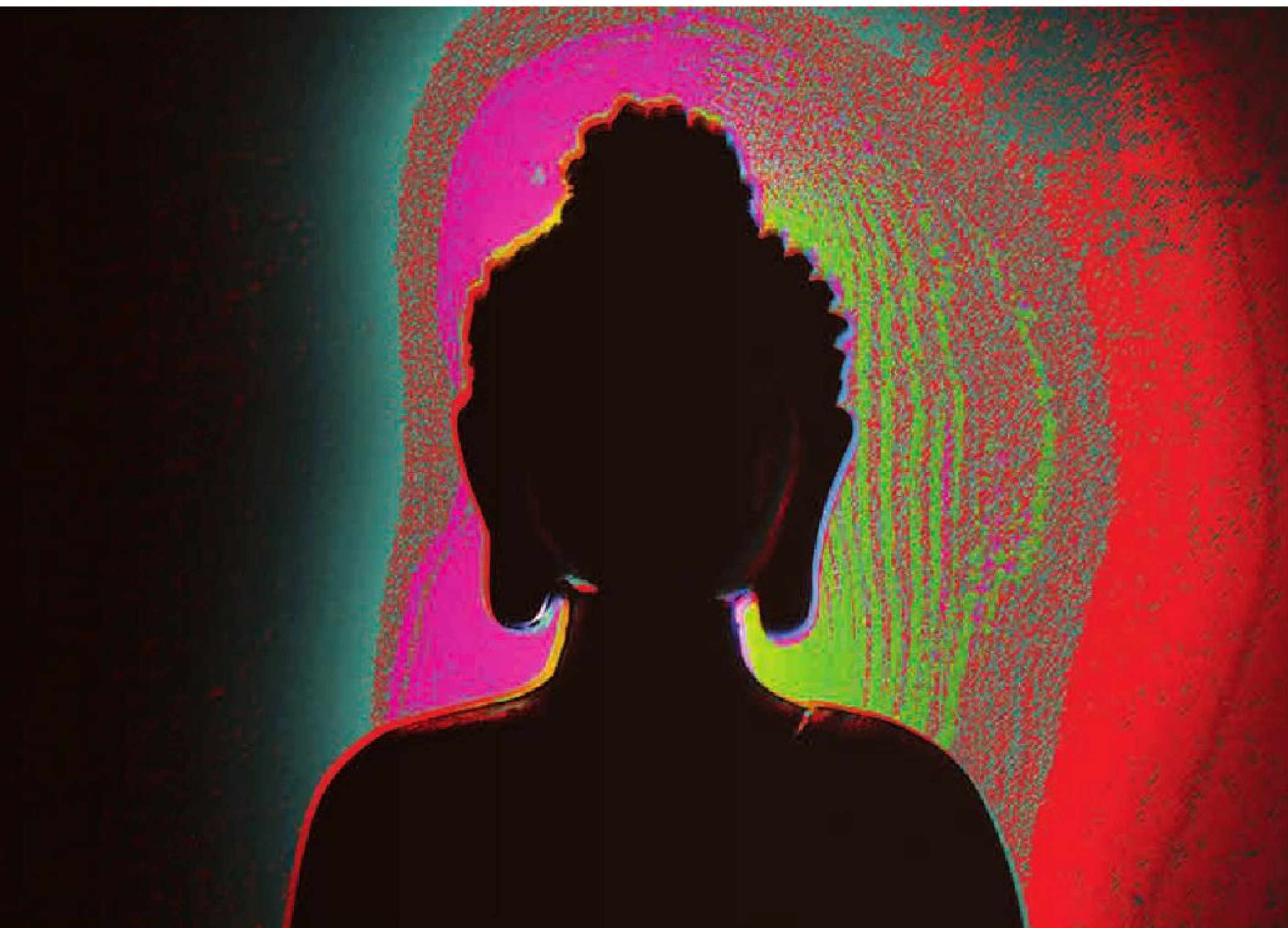
Điều đáng nói thêm là: *lợi ích không chỉ riêng cho việc thi và ngành giáo dục, hai nhà khởi nghiệp trẻ còn nghĩ đến chuyện cây, chuyện rừng*. Hai người đã lấy trường Đại học Sorbonne làm dẫn chứng. Theo tính toán, mỗi sinh viên Đại học Sorbonne, cứ mỗi năm học, tiêu xài 75 tờ giấy cho các kỳ thi trong năm. Trường này hàng năm có khoảng 40.000 sinh viên, tính ra tiêu dùng cho thi mỗi năm hết 15 tấn giấy, quy ra 375 cây. Nếu nhiều trường đều tổ chức thi trên máy tính cho sinh viên hàng năm, thì tiết kiệm số cây sẽ rất lớn, như thế trái đất càng giữ được nhiều cây xanh. Còn chi phí thi, Clément Régnier cho biết, chi phí làm bài thi trên máy tính chỉ bằng 1/3 chi phí làm bài thi trên giấy.

Hai vị cử nhân trẻ liệu có vẻ vơi khi đang áp dụng tin học và công nghệ thông tin vào việc thi cử, mà lại đề cập chuyện cây, chuyện rừng ở tận đâu đâu? Đúng là ý thức của công dân toàn cầu đi xa hơn biên giới quốc gia. Thật ra, chuyện xuất xứ cây, cũng như bột giấy, và kể cả giấy, phần lớn là từ những quốc gia kém phát triển hoặc đang phát triển, còn các nước phát triển thì thiên về những ngành, những lĩnh vực kinh tế giàu hàm lượng tri thức, không hoặc ít tác động xấu đến môi trường sống, và nhiều giá trị kinh tế hơn. Nhưng toàn thể vũ trụ là một chỉnh thể, các nước trên thế giới đều liên đới gây tác động và chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, của mất cân bằng sinh thái; chỉ khác là nước nào bị tác động xấu nhiều và trước các nước khác, do phải bán nguyên liệu thô, hy sinh cây, xây dựng các nhà máy ô nhiễm nhiều (như nhà máy giấy), tất nhiên cũng do các tác động khách quan và vị trí địa lý của từng nước.

Tài nguyên rừng thì hữu hạn, dân số trên trái đất thì ngày càng tăng, người có văn hóa, có chữ nghĩa chiếm tỉ lệ càng lớn, cho nên nhu cầu về giấy đến một lúc nào đó là rất khó khăn. Mong sao chuyện tiết kiệm cây, tiết kiệm giấy, chuyện hạn chế phá cây, phá rừng, sẽ được nhiều người thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau đón nhận hết sức rộng rãi, và các nước trên thế giới phát triển thăm thực vật nhiều hơn nữa, vì tương lai của trái đất, vì hạnh phúc chung của loài người. ■

Tài liệu sử dụng:

Et si les feuilles de papier disparaissaient des tables d'examen?; Julie-Anne de Queiroz, 12-6-2014; *Le Figaro.fr*.



Tâm triền phược

NHẬT HOA

Đức Thế Tôn nhắc nhở các Tỳ-kheo rằng để có được sự tiến bộ lợi lạc trong đời sống tu học đạo lý giác ngộ, người xuất gia cần phải biết ngăn tránh năm tâm hoang vu và đoạn tận năm tâm triền phược.

Nguyên văn lời nhắc nhở của Ngài:

"Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào chưa diệt trừ năm tâm hoang vu, chưa đoạn tận năm tâm triền phược, vị ấy có thể lớn mạnh, trưởng thành, hưng thịnh trong pháp luật này, sự kiện này không xảy ra".¹

Năm tâm hoang vu tức là rơi vào tình trạng nghi ngờ đối với Phật, đối với Pháp của Phật, đối với chư Tăng đệ tử của Phật, đối với các học giới do Phật thiết lập và biểu lộ sự bất mãn, chống đối, không hoan hỷ đối với các vị đồng Phạm hạnh. Năm tâm triền phược gồm:

1. Bị trói buộc và chi phối bởi các lạc thú thế gian như sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, cảm xúc êm dịu hay bị lôi cuốn và trói buộc bởi tiền tài vật chất, danh vọng quyền lực, sắc đẹp khác phái, cao lương mỹ vị, chăn gối êm ái;

2. Luyến ái tự thân, nghĩa là tỏ ra chăm chú quá nhiều cho sắc thân vật lý như bồi bổ, trang điểm, trang sức, làm đẹp cho cơ thể...;

3. Đam mê sắc dục, tức là chạy theo sắc dục hay rơi vào con đường tình ái;

4. Ham thích ăn nhiều, ngủ nhiều;

5. Tu hành với tâm lý mong cầu sanh vào các hàng chư Thiên.

Đức Phật khuyến cáo các Tỳ-kheo rằng người xuất gia mà để cho mình rơi vào năm tình trạng mê đắm trên thì tâm tư trở nên bị trói buộc, mê mờ, mất phương hướng, không còn thích thú đối với việc tu học, không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Do tâm không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn học hỏi và hành trì pháp giác ngộ của Phật, người xuất gia không đạt được sự lớn mạnh, trưởng thành và hưng thịnh trong đời sống tu học của mình. Nói khác đi, người xuất gia không kỳ vọng có được sự tiến bộ lợi ích gì trong đời sống tu học giáo pháp giác ngộ của Phật, một khi tâm thức bị trói buộc và chi phối bởi năm thứ ham thích ái luyến trên. Trong văn cảnh bài kinh, thuật ngữ “vinibandha” (triển phược) có hai nghĩa thống nhất với nhau, thứ nhất là sự ham muốn, khao khát, tham đắm, ái luyến, chấp thủ; thứ hai là sự dính mắc, ràng buộc, trói buộc gọi chung là triển phược. Do đó, tâm triển phược (*cetaso vinibandho*) có nghĩa là tâm thức rơi vào tình trạng ham thích, khao khát, tham đắm, ái luyến, chấp thủ các dục nên bị dính mắc, bị ràng buộc, bị trói buộc bởi các dục, chìm đắm trong các dục, quay cuồng trong các dục, không có cơ hội để thoát ra, để được tu tập và phát triển, để được tự do và giải thoát. Cái tâm ấy chỉ quanh quẩn trong dục giới, đồ đầy tham-sân-si, bị dẫn dắt bởi thói quen ích kỷ, vị ngã, dễ rơi vào các hành vi sai trái, bất thiện. Chính vì thế mà Đức Thế Tôn gọi vị Tỳ-kheo nào không đoạn trừ năm tâm triển phược thì không đạt được sự lớn mạnh, trưởng thành, hưng thịnh trong Pháp và Luật của Ngài, nghĩa là không có cơ hội để phát triển và hoàn thiện về đạo đức, tâm linh và trí tuệ đưa đến giác ngộ. Bậc Giác ngộ nhấn mạnh:

“Thế nào là năm tâm triển phược chưa được đoạn tận?

Chư Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo đối với các dục, không phải không tham ái, không phải không dục cầu, không phải không ái luyến, không phải không khao khát, không phải không nhiệt tình, không phải không khát ái. Chư Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo nào đối với các dục, không phải không tham ái, không phải không dục cầu, không phải không ái luyến, không phải không khao khát, không phải không nhiệt tình, không phải không khát ái, tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm triển phược thứ nhất chưa được đoạn tận.

Và lại nữa, chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đối với tự thân, không phải không tham ái, không phải không dục cầu, không phải không ái luyến, không phải không khao khát, không phải không nhiệt tình, không phải không khát ái. Chư Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo nào đối với tự thân, không phải không tham ái, không phải không dục cầu, không phải không ái luyến, không phải không khao khát, không phải không nhiệt tình, không phải không khát ái, tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm triển phược thứ hai chưa được đoạn tận.

Và lại nữa, chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đối với các sắc pháp, không phải không tham ái, không phải không dục cầu, không phải không ái luyến, không phải không khao khát, không phải không nhiệt tình, không phải không khát ái. Chư Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo nào đối với sắc pháp, không phải không tham ái, không phải không dục cầu, không phải không ái luyến, không phải không khao khát, không phải không nhiệt tình, không phải không khát ái, tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm triển phược thứ ba chưa được đoạn tận.

Và lại nữa, chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ăn cho đến thỏa thuê, cho đến bụng chứa đầy, sống thiên nặng về khoái lạc về sàng tọa, khoái lạc về ngủ nghỉ, khoái lạc về thụ miên. Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào ăn cho đến thỏa thuê cho đến bụng chứa đầy, sống thiên nặng về khoái lạc về sàng tọa, khoái lạc về ngủ nghỉ, khoái lạc về thụ miên, tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm triển phược thứ tư chưa được đoạn tận.

Và lại nữa, chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo sống phạm hạnh với mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: ‘Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này hay với phạm hạnh này sẽ được sanh làm chư Thiên này hay chư Thiên khác’. Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào sống phạm hạnh với mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: ‘Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này hay với phạm hạnh này sẽ được sanh làm chư Thiên này hay chư Thiên khác’, như vậy là tâm triển phược thứ năm chưa được đoạn tận. Như vậy là năm tâm triển phược chưa được đoạn tận.”²

Nhìn chung, năm tâm triển phược hay năm yếu tố ham muốn khiến tâm thức bị dính mắc, bị trói buộc, rơi vào mê mờ, quay cuồng, khổ đau, không thanh thản, không an lạc, không có cơ hội để thoát ra, để đạt đến tiến triển, đi đến giác ngộ mà Đức Thế Tôn đã giải thích đầy đủ trên đây chính là các tâm lý sai lầm, đi ngược lại với giáo pháp giác ngộ của Phật, đi ngược lại với chí nguyện của người xuất gia quyết tâm đi theo con đường giác ngộ của Phật. Đó chính là các yếu tố hay nguyên nhân tạo nên khổ đau mà người học Phật nói chung,

đặc biệt là người xuất gia, cần phải tránh xa, cần phải khắc phục và loại trừ. Người xuất gia được gọi là xuất gia hay xuất ly (*nekkhamma*), không chỉ do vị ấy chấp nhận rời bỏ đời sống gia đình, sống không gia đình, mặc áo cà-sa, mà còn do vị ấy nhận ra và quyết tâm rời xa những phiền toái khổ đau của đời sống dục lạc thế gian (xuất thế tục gia), những phiền não trói buộc của đời sống gia đình (xuất phiền não gia) cũng như những phiền muộn khổ đau của sự kiện tái sinh sinh tử luân hồi trong tam giới (xuất tam giới gia). Người xuất gia có nhận thức minh chánh và có lý tưởng cao cả để theo đuổi thế kia mà tự để cho mình rơi vào những ham muốn-trói buộc thường tình như thế thì như Đức Phật đã chỉ rõ:

*Lìa rừng lại hướng rừng,
Thoát rừng, chạy theo rừng;
Nên xem người như vậy,
Được thoát khỏi buộc ràng,
Lại chạy theo ràng buộc.³*

Để giúp cho người xuất gia ngăn tránh và vượt qua các tình huống tham ái-trói buộc hay năm tâm triển phược đã nêu, Đức Phật đã nói đến nhiều cách thức tu tập và ứng dụng khác nhau. Trước hết, người xuất gia cần làm sống dậy lý tưởng xuất gia, nghĩa là phải thường xuyên quán sát lý do và động cơ xuất gia của mình: *"Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể, toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt được. Nhưng đời sống tại gia chật hẹp, nhiễm đầy bụi đời; đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật không dễ gì cho ta sống ở gia đình có thể thực hành đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy Ta hãy cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".* Nhờ thường xuyên quán sát như vậy mà người xuất gia có đủ ý chí và nghị lực để vượt qua mọi cám dỗ thường tình của cuộc đời, không rơi vào tham ái, không còn bị các dục trói buộc. Ví dụ, trường hợp Tỳ-kheo Sona xin từ chối việc Đức Thế Tôn cho phép mình được đặc cách sử dụng giấy quần vì lý do đôi bàn chân bị vết thương - *"Bạch Thế Tôn, con đã xuất gia, sống không gia đình, đã từ bỏ 80 cỗ xe chất đầy vàng và một đoàn tùy tùng gồm bảy voi. Mọi người sẽ phê bình về con như thế này: 'Sona Kolivisa đã xuất gia, sống không gia đình, đã từ bỏ 80 cỗ xe chất đầy vàng và một đoàn tùy tùng gồm bảy thớt voi; nhưng nay vị Tôn giả ấy lại tập thói quen dùng giấy dép có quần một lớp vải'"*⁴ - gợi ý tưởng rằng con đường xuất gia cao cả dường nào, khiến người ta có thể từ bỏ nhiều thứ to lớn như thế, sá gì việc vất vả phải mang một đôi giày!

Một cách thức khác là nhận ra tính chất bất an khổ não của tham dục để tìm cách khắc phục và vượt qua lòng ham muốn. Đó là sự suy tư và nhận ra rằng "các

dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm càng nhiều hơn"⁵, song song với việc thực hành thiền định để đối trị và diệt trừ lòng tham. Kinh nghiệm tu tập của Đức Phật cho chúng ta biết rằng người xuất gia chỉ có thể khắc phục và loại bỏ được lòng tham khi nào vị ấy nhận ra sự nguy hại của tham dục và tìm thấy hân hoan trong nếp sống thiền định.⁶ Do tính chất ly tham, tức năng lực buông bỏ các ham muốn bất thiện (năm triển cái) và siêu việt các thiện pháp (năm thiện chi), thiền định Phật giáo đưa đến tâm hân hoan hỷ lạc, có khả năng đối trị dục lạc hay các thú vui thế gian, giúp nâng cao cảm thức an lạc và tâm thức giải thoát của con người, lần lượt đưa con người đạt đến cứu cánh giác ngộ. Đó chính là lối sống thực chứng an lạc do buông xả, được biết qua các tên gọi như xuất ly lạc (*nekkhammasukha*), tức sự thanh thân và tự do nhờ rời bỏ lòng tham và sự trói buộc của tham dục; độc cư lạc (*pvivekasukha*), niềm vui của lối sống thanh bần, không còn bị dục vọng và dục tướng ám ảnh; an tịnh lạc (*upasamasukha*) hay niềm an lạc của sự vắng bật các ham muốn và vọng niệm; chánh giác lạc (*sambodhasukha*), tức niềm vui có khả năng đưa đến giác ngộ, đưa đến giải thoát khổ đau.⁷ Chính vì vậy mà Đức Thế Tôn đã gọi Thiền (hiểu đầy đủ là pháp môn giới-định-tuệ) là *con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn*.⁸

Một phương pháp khác nữa có khả năng chế ngự và diệt trừ tâm tham ái-trói buộc hay năm tâm triển phược, đó là quán sát bản chất như thật của các pháp, nghĩa là thấy như thật với trí tuệ hay như thật tuệ tri (*yathabhutam pajanati*) về tính chất vô thường, khổ, vô ngã của tự thân (ngũ uẩn hay sáu căn) cũng như của mọi thứ mà mình ham thích (thế giới chung quanh hay sáu trần) nhằm buông bỏ tâm tham dục, khát ái. Các ham muốn sở dĩ sinh khởi, tăng trưởng và chi phối tâm tư cũng như đời sống con người ấy là do quan kiến mê lầm và thói quen tham dục tạo ra. Đó chính là ý tưởng về "tôi" hay "ngã tưởng" đi kèm với dục vọng muốn nắm bắt, sở hữu, ôm ấp mọi thứ về cho bản thân thể hiện qua ý niệm "của tôi" hay "tự ngã của tôi". Chính tâm lý khao khát mê lầm này về tự ngã là gốc rễ khiến tham dục không ngừng phát sinh, trưởng thành và sau cùng chi phối toàn bộ đời sống của con người, làm cho con người hoàn toàn mê mờ, không còn tỉnh táo và sáng suốt, trở nên điên đảo trong nhận thức và hành xử mà biểu hiện là lòng tham lam ích kỷ ngày càng phát triển sâu nặng. Vì vậy, để bứt tận gốc rễ lòng tham dục hay tâm triển phược thì phải tập nuôi dưỡng và phát triển cái nhìn trí tuệ, phải thông qua thiền định chứng nghiệm sâu sắc sự thật vô thường, khổ, vô ngã (sự không điều động được, không làm chủ được) của tự thân và cuộc đời, của hết thảy pháp hữu vi. Chính cái nhìn trí tuệ hay tuệ quán này mới đánh bật tâm thức mê lầm về ngã và ngã sở, đưa đến loại trừ hoàn

toàn mọi tập quán tham ái và chấp ngã, vì lẽ “*tự ta còn không có thì có đâu con của ta, tài sản của ta?*”.⁹

Tóm lại, dục vọng là mối dây trói buộc đầy khổ đau cho con người, đồng thời là thách thức lớn đối với mọi người con Phật trong sự nghiệp tu học đạo lý giải thoát giác ngộ của bậc Đạo sư. Hết thảy những lời dạy của Đức Thế Tôn đều là những bước đi chính xác và sáng suốt giúp cho con người từng bước đi ra khỏi tham dục, vượt khỏi các trói buộc, giải thoát hoàn toàn mọi khổ đau. Người xuất gia được xem là đang nỗ lực bước đi trên con đường ly dục, giải thoát của Phật, do nhận thức rõ dục vọng là ràng buộc khổ đau. Chính vì thế mà hơn ai hết, người xuất gia cần phải thể hiện nếp sống thiểu dục tri túc, nếp sống không dính mắc trói buộc, nếp sống thanh thản giải thoát trước muôn vàn vướng lụy trần thế. Làm được như thế thì người xuất gia mới thoát khỏi tâm triền phược, mới đạt được sự lớn mạnh, trưởng thành và hưng thịnh trong sự nghiệp tu học của mình, mới tìm thấy lợi ích an lạc thật sự giữa muôn vàn phiền toái và khổ đau của cuộc đời vốn do tham dục tạo ra, mới xứng đáng với danh xưng “*xuất gia*” (*nekkhamma*), như Tôn giả Ratthapala từng tự nhận về mình:¹⁰

*Dục vọng nhiều loại, ngọt, khả ái,
Nhiều loạn tâm dưới nhiều hình thức;
Thấy hoạn nạn trong dục trường dưỡng,
Nên ta xuất gia, thưa Đại vương !*

*Hãy nhìn hình bóng trang sức này,
Một nhóm vết thương được tích tụ,
Bệnh nhiều, tham tưởng cũng khá nhiều,
Nhưng không gì kiên cố, thường trú.*

*Hãy nhìn dung mạo trang sức này,
Với các châu báu, với vòng tai,
Một bộ xương được da bao phủ,
Được y phục làm cho sáng chói.*

*Như hộp thuốc trang hoàng mới mẻ,
Là uế thân được điểm thời trang,
Vừa đủ làm mê hoặc kẻ ngu,
Nhưng vô phương kẻ cầu bờ giác. ■*

Chú thích:

1. Kinh Tâm hoang vu, *Trung Bộ*.
2. Kinh Tâm hoang vu, *Trung Bộ*.
3. *Pháp Cú*, kệ số 344.
4. *Vinaya Pitakam*, Vol.1, tr.185.
5. Kinh Xà dụ, *Trung Bộ*.
6. Xem Tiểu kinh Khổ uẩn, Kinh Magandiya, *Trung Bộ*.
7. Kinh Ví dụ con chim cáy, Kinh Đại không, Kinh Vô tránh phân biệt, *Trung Bộ*.
8. Kinh Niệm xứ, *Trung Bộ*.
9. *Pháp Cú*, kệ số 62.
10. Kinh Ratthapala, *Trung Bộ*.





Tánh thấy

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

1 Tánh thấy là gì?

Ba thời kỳ thuyết pháp của Đức Phật để thiết lập nên Phật giáo là:

- Thời kỳ thứ nhất nói về ba pháp ấn vô thường, khổ, vô ngã. Chúng được sự thật này thì phiền não sanh tử tiêu tan và “trực tiếp thấy biết Niết-bàn vô tạo tác”.

- Thời kỳ thứ hai nói về tánh Không, tức là sự vô tự tánh của ngã và pháp. Trực tiếp thấy biết tánh Không này, thì tánh Không chính là Niết-bàn vốn không sanh không diệt.

- Thời kỳ thứ ba nói về Như Lai tạng, Phật tánh, tánh giác, bản tánh của tâm... Bản tánh của tâm này là Niết-bàn, và do đó mọi biểu lộ của tâm này là Niết-bàn.

Nếu dùng từ tượng để chỉ các cái thấy được, nghe

được... và tánh để chỉ bản chất, bản tánh của mọi sự, thì thời kỳ thứ nhất chủ yếu làm việc trên các tướng, thời kỳ thứ hai chủ yếu quán sát bản tánh của mọi sự, tức là tánh Không, và thời kỳ thứ ba đi hẳn vào bản tánh Chân Như của mọi sự.

Trong các kinh, tánh thấy được nói nhiều ở kinh *Lăng Nghiêm* và hầu như chỉ có kinh này đề cập trực tiếp đến tánh thấy. Kinh đã dành hẳn hai trong mười quyển để nói về tánh thấy.

Vậy thì tánh thấy ở vào thời kỳ thuyết pháp thứ ba. Nghĩa là tánh thấy là Phật tánh thấy, cái thấy của Phật tánh. Tánh thấy là cái thấy của Phật. Kinh *Pháp Hoa* khai thị tri kiến Phật mà mỗi chúng sanh đều sẵn có, tri kiến Phật là cái thấy biết của Phật, cũng tức là tánh thấy được giảng ở kinh *Lăng Nghiêm*. Kinh *Kim Cương* nói:

“Thấy các tướng chẳng phải tướng tức là thấy Như Lai”. Cái thấy Như Lai này là tánh thấy được nói ở kinh *Lăng Nghiêm*. Trong kinh *Duy Ma Cật* có phẩm Thấy Phật bất động. Trong từ ‘thiền quán’, vipassana có từ gốc là “thấy”, do đó thường được dịch là “insight”.

Như vậy, tánh thấy là gì? Tánh thấy là Phật tánh hay tánh giác biểu lộ ở cái thấy. Cái thấy này là do duyên sanh, do căn trần thức mà có. Tánh thấy là nền tảng, môi trường, không gian cho sự duyên hợp của căn trần thức tạo thành cái thấy.

Kinh *Lăng Nghiêm* nói: “A-nan, ông trôi chìm, không ngộ cái thấy, nghe, hay, biết của ông vốn là Như Lai tạng.... Ông nào có biết, trong Như Lai tạng cái thấy là tánh minh giác, tánh minh giác hiển lộ ra thành cái thấy, thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới, tùy theo tâm chúng sanh mà ứng với lượng hay biết.

Như một căn thấy, thấy khắp pháp giới, thì cái biết nghe, biết ngửi, biết vị, biết xúc chạm, biết các pháp đều là cái diệu đức sáng rõ toàn khắp pháp giới, tròn đầy cả mười phương hư không, nào có riêng nơi chốn. Chỉ tùy nghiệp mà hiện bày, thế gian không biết, lầm cho là tánh nhân duyên hay tánh tự nhiên. Hết thấy chỉ là sự phân biệt đo lường của thức tâm, chỉ có trong danh tự lời nói, đều không có thật nghĩa”.

Phật tánh, hay Như Lai tạng, hay tánh giác biểu lộ nơi các giác quan. Tuy phân làm sáu cái dụng ở sáu giác quan, nhưng chỉ có một tánh giác:

*Sáu căn cũng như thế
Nguyên y một tinh minh
Phân thành sáu hòa hợp
Một cửa đã về nghi
Sáu dụng đều chẳng thành
Trần cấu duyên niệm tiêu
Thành Viên Minh Tịnh Diệu
Còn trần là Hữu học
Sáng tốt tức Như Lai.*

Nền tảng của sáu căn, Chân như Phật tánh, nằm ngay nơi sáu căn, sáu căn là sự biểu lộ của nó, là diệu dụng của nó. Thực tại tối hậu bị tướng lầm là cái xa cách nhất, nhưng thật ra là cái gần gũi nhất. Từ “đốn” và “viên” ở trong các tông phái Phật giáo Đại thừa cho chúng ta thấy điều này.

Khi về nguồn, để thấy nền tảng hay nguồn gốc của căn, trần, thức là Chân Như, thì căn, trần, thức chính là Chân Như, như kinh đã nói ở trên, “cái thấy, nghe, hay biết của ông vốn là Như Lai tạng”.

Khi ấy các căn không còn là cái gây ra phiền não, sanh tử, mà các căn vốn là giải thoát như nguồn gốc Như Lai tạng của chúng vốn là giải thoát:

*Xoay nghe thoát khỏi tiếng
Giải thoát đâu có danh
Một căn đã về nguồn
Sáu căn thành giải thoát.*

2

Vọng thấy

Tánh thấy là tánh giác biểu lộ nơi sự thấy. Tánh giác thì vốn sẵn, thanh tịnh xưa nay thế nên tánh thấy cũng vốn sẵn, thanh tịnh xưa nay. Thế thì tại sao lại có ra cái thấy phiền não, sanh tử khổ đau?

Cái thấy của chúng ta đã bị nhiễm ô bởi tham, sân, si, kiêu căng, đố kỵ... để thành ra các tướng sai biệt đến độ tranh chấp nhau không thể hoà giải. Đó là cái thấy sai lầm. Kinh *Kim Cương* nói: “Phàm hề có tướng đều là hư vọng”. Kinh *Lăng Nghiêm* gọi là “vọng thấy”.

“A-nan, tất cả chúng sanh luân hồi sanh tử đều do hai cái vọng thấy điên đảo phân biệt. Ngay nơi bản tánh của tâm mà phát sanh, bèn theo nghiệp mà xoay vần. Một là cái vọng thấy biệt nghiệp của chúng sanh. Hai là cái vọng thấy đồng phận của chúng sanh”.

Cái vọng thấy biệt nghiệp là như người mắt bị nhặm, nhìn ngọn đèn thấy có bóng sáng tròn năm màu bao phủ, nhìn mặt trăng thấy có mặt trăng thứ hai. Đây là cái vọng thấy do phiền não riêng biệt, thương ghét, lấy bỏ của cá nhân mà có. Còn vọng thấy đồng phận là cái nghiệp chung của mỗi loài. Cũng một dòng sông mà con người thấy khác, con châu chấu thấy khác, con cá thấy khác, con chim thấy khác....

Nhưng những cái vọng thấy thì không thể nhiễm ô, làm hư hoại tánh thấy. Kinh nói:

“Những sự thấy, biết đều là bệnh nhặm, còn tánh giác vốn sẵn sáng ngời thấu suốt các duyên thì không hề có bệnh nhặm. Cái biết và cái được biết là bệnh nhặm, còn tánh giác vốn sẵn thì không ở trong bệnh nhặm. Đó là cái thấy hằng thấy, làm sao có thể đồng hóa với cái thấy nghe hay biết của thế gian?

Vậy nên, nay ông nhìn thấy ta, nhìn thấy ông cùng mười loại chúng sanh trong thế gian đều là cái thấy của bệnh nhặm, mà chẳng phải là tánh thấy thấy được bệnh nhặm. Tánh thấy chân thật kia vốn chẳng hề nhặm, cho nên cũng không gọi là thấy nữa”.

Là được bệnh nhặm vọng thấy điên đảo phân biệt này thì thấy thực tại tối hậu, thấy Phật: “Thấy các tướng chẳng phải tướng tức là thấy Như Lai.” (Kinh *Kim Cương*).

Một thí dụ kinh luận thường dùng là tấm gương. Tấm gương sáng giống như tánh thấy không bị ô nhiễm bởi các bóng vì các bóng chẳng thể nào in dính vào gương. Còn các bóng là do cái thấy đồng phận và biệt nghiệp. Phân biệt chấp chặt vào các bóng trong gương thì chỉ thấy bóng không thấy gương. Còn khi không trụ vào các bóng thì thấy được tấm gương. Khi ấy dù bóng có đến có đi, có xanh có đỏ... cũng chẳng dính dáng gì đến gương. Khi là tấm gương thì các bóng tự giải thoát chính chúng.

Khi thấy mà không “điên đảo phân biệt” thì cái thấy ấy chính là tánh thấy. Khi thấy các bóng đều đồng một tánh gương thì tất cả bóng là gương mà một bóng cũng là gương.



Căn bệnh vọng thấy không nằm ở tánh thấy vì tánh thấy vốn thanh tịnh không ô nhiễm từ xưa đến nay. Cũng không nằm ở tướng bóng đèn hay tướng mặt trăng. Thấy có bóng đèn thứ hai, mặt trăng thứ hai là do người bệnh mắt vọng thấy. Bệnh ấy chính là sự bám luyến vào các tướng mà có. Đại thành tựu giả Tilopa nói: “Không phải các tướng trói buộc con, mà chính là sự bám luyến vào các tướng trói buộc con”.

Thiền sư Lâm Tế nói: “Một tâm không sanh thì muôn pháp không lỗi”. Gương sáng vốn không có bệnh; các tướng ở trong đó cũng không có bệnh, cái bệnh là do “điên đảo phân biệt”.

Trở về nguồn của cái thấy thì trong tánh thấy không có sự phân biệt chủ và khách, đến và đi, tăng và giảm... Trong ấy không những không có điên đảo phân biệt mà các tướng cũng tự giải thoát vì duyên sanh vô tự tánh.

3 **Trực tiếp với tánh thấy**

Trong kinh *Lăng Nghiêm*, chỉ riêng phần khai thị tánh thấy một cách trực tiếp cho ngài A-nan đã chiếm một phần năm bộ kinh. Ở những kinh khác như *Viên Giác*, *Kim Cương*, *Pháp Hoa*, *Duy Ma Cật*... tuy không dùng từ tánh thấy, nhưng sự khai thị trực tiếp cái thấy thực tại cũng rất nhiều, bởi vì Đại thừa là sự khai thị ngộ nhập tánh giác bốn nguyên hay tánh thấy vốn sẵn này. Ở đây chúng ta trích ra từ vài vị Thiền sư. Khai thị của các vị là những chỉ thẳng, để khi thấy được thì y vào thực tại ấy mà sống bằng toàn bộ thân tâm cho đến lúc trọn vẹn.

Lục tổ Huệ Năng nói: “Đại chúng! Người đời sắc thân là thành, mắt tai mũi lưỡi là cửa. Ngoài có năm cửa, trong có cửa ý. Tâm là cội đất, tánh là vua. Vua ở trên cội đất tâm... Trên cội đất tâm là tánh giác Như Lai, phóng ánh sáng lớn, ngoài soi sáu cửa thanh tịnh, phá sạch các cội trời Lục dục. Tự tánh chiếu bên trong, ba độc liền trừ, các tội địa ngục liền đều tiêu diệt. Trong ngoài sáng rõ thấu suốt không khác cội Tây phương” (*phẩm Quyết nghi*).

Chúng ta cần chú ý đến chữ “người đời”. Người đời ai cũng có tánh giác Như Lai, chỉ vì ý khởi lên phân biệt làm che mờ ánh sáng tự tâm, cái thấy trở thành

méo mó mà thành ra cái thấy sanh tử. Cho nên khi thấy mà không có phân biệt thì đây là tánh thấy. Khi gương sáng không có thương ghét, lấy bỏ theo bóng thì gương vẫn là gương sáng xưa nay.

Tông phong của Thiền sư Bá Trượng nói:

*Linh quang độc chiếu
Thấu thoát căn trần
Hiển lộ chân thường
Chẳng vướng văn tự.
Tâm tánh không nhiễm
Vốn tự viên thành
Chỉ lìa vọng duyên
Tức Như Như Phật.*

Thiền Sư Trường Sa nói: “Nếu ta cứ một mực nêu cao tông giáo thì trong pháp đường cỏ sẽ lên cao cả thước! Cực chẳng đã mà nói với các ông: Cùng khắp mười phương thế giới là con mắt của Sa-môn! Cùng khắp mười phương thế giới là toàn thân của Sa-môn! Cùng khắp mười phương thế giới là ánh sáng của Chính Minh! Cùng khắp mười phương thế giới không ai chẳng phải là Chính Minh.

Ta thường nói với các ông: Ba đời chư Phật, pháp giới chúng sanh là cái ánh sáng của Ma-ha Bát-nhã”.

Các thiền sư thường nói đến “một con mắt đơn nhất” (nhất chích nhãn): “Toàn thể pháp giới là một con mắt đơn nhất của Sa-môn”.

Thiền sư Bá Trượng nói: “Ngoài tâm không pháp, ngập mắt núi xanh”.

Tánh thấy được Thiền sư Triệu Châu nói trực tiếp và giản dị: “Có vị Tăng hỏi: ‘Thế nào là ý chỉ của Tổ Đạt-ma từ Tây sang?’.

Sư đáp: ‘Cây bách trước sân’.

Với Thiền sư Thạch Đầu thì:

“Có sư Ngũ Duệ Linh Mặc từ xa đến ra mắt ngài Thạch Đầu, rồi hỏi: ‘Một lời hợp nhau thì ở, chẳng hợp nhau thì đi’.

Sư Thạch Đầu vẫn ngồi, sư Duệ bèn đi.

Sư Thạch Đầu gọi: ‘Xà-lê!’.

Sư Duệ xoay đầu lại.

Sư Thạch Đầu nói: ‘Từ sanh đến tử, chỉ là Cái Ấy, xoay đầu chuyển nào làm gì!’.

Sư Duệ ngay dưới câu nói đại ngộ, bèn bẻ ném cây trụ trụ tượng mà ở lại”.

Câu chuyện của Thiền sư Mục Châu:

“Có vị quan hỏi ngài Mục Châu: ‘Ba cửa đều mở, theo cửa nào nhập?’.

Sư gọi lớn: ‘Thượng thơ!’.

Quan cất tiếng: ‘Dạ’.

Sư nói: ‘Theo cửa tin mà vào’.

Vị quan thấy có bức họa trên vách, hỏi rằng: ‘Hai vị tôn giả đối mặt nhau bàn luận chuyện gì?’.

Thiền sư Mục Châu đánh cây trụ, nói: ‘Trong Ba Thân, Thân nào chẳng nói pháp!’.” ■



Thiền, tại sao không?

TRUNG HỮU

Có một lần tôi bảo đứa sư cháu trong chùa rằng hãy tập ngồi thiền. Cháu, người đang học trung cấp Phật học, liền trả lời một cách thật thà rằng Bắc tông tu tịnh độ, Nam tông mới ngồi thiền.

Trong lúc chuyện trò với nhiều vị thầy và Phật tử, tôi cũng thấy rằng quan niệm chung của họ là các chùa Bắc tông đều là chùa Tịnh độ, để phân biệt với những chùa Nam tông và những thiền viện thuộc phái Thiền Trúc Lâm của Hòa thượng Thanh Từ.

Một số người còn "ngoan đạo" đến mức cho rằng Tịnh độ là truyền thống của Bắc tông; tổ tổ mình đã vậy từ bao nhiêu thế hệ, gần đây như Hòa thượng Hành Trụ, Hòa thượng Thiện Hoa, Thiền Hòa... thì mình phải theo. Nếu tu thiền thì là thay đổi truyền thống, là đua đòi, bắt chước, chạy theo thời thượng...

Trên cơ sở tự do tín ngưỡng, tôi không có ý phân biệt pháp môn nào. Trong kinh *Tứ Thập Nhị Chương*, Phật cũng dạy rằng, giáo pháp của Phật như mật trong chén, dù ở giữa chén hay ở xung quanh chén đều đồng một vị ngọt như nhau. Pháp môn Phật có tám muôn bốn ngàn, nếu chịu tu thì pháp nào cũng đưa đến giải thoát như nhau. Cho nên không có pháp môn nào là

cao hay thấp, vi diệu hay bình thường. Tu theo pháp nào là cái duyên của mỗi người. Nhưng vì do có một số người hiểu phiến diện như trên, cho nên tôi xin có đôi lời chia sẻ, gọi là "kiến hòa đồng giải" vậy.

Để cho dễ hiểu, tôi xin đi hơi xa về nguồn cội một chút. Thật ra, sự bắt đầu của đạo Phật là Thiền. Một số người không thích Thiền xin đừng sốt ruột khi nghe kẻ hèn này khẳng định như vậy, mà hãy tĩnh tâm từ từ theo dõi. Vâng, sự bắt đầu của Phật giáo là Thiền, Đức Phật do tu thiền mà chứng đạo. Điều này trong kinh nói rất rõ, rằng Ngài tu khổ hạnh bao năm không đem lại kết quả như mong muốn, sau đó Ngài đến cội cây bồ-đề ngồi thiền 49 ngày thì giác ngộ, Ngài tuyên bố đã thoát khỏi lưới ma, thoát khỏi sự ràng buộc của sinh tử, và đây là kiếp sống cuối của Ngài. Suốt những năm còn lại của cuộc đời, Đức Phật đem cái đã chứng ngộ dạy cho người khác. Cho nên có thể nói rằng, thời Đức Phật chưa có cái gọi là Tịnh độ Di-đà.

Trong các kinh A-hàm, Đức Phật cũng có dạy pháp môn Niệm Phật, nhưng không phải là niệm Phật để vãng sinh qua cõi Tây phương của Đức Phật A-di-đà như ngày nay ta thấy. Thời ấy niệm Phật là niệm công đức của Phật Thích-ca Mâu-ni để trừ các loạn tướng,

đạt đến Niết-bàn. Như trong kinh *Tăng nhất A-hàm*, Ngài dạy: “Nếu có Tỳ-kheo nào chánh thân, chánh ý, ngồi bất tréo chân, chuyên tinh niệm Phật, không có niệm tưởng nào khác. Quán hình của Như Lai, mắt không hề rời. Trong khi mắt không rời, niệm tưởng công đức Như Lai” (Đại chính 2, tr.554). Có câu chuyện kể về hoàng hậu Vi-đề-hi. Rằng trong khi bà bị thái tử A-xà-thế nhốt trong ngục, Đức Thế Tôn đến và phóng hào quang sáng chói hiện ra tất cả thế giới trong mười phương để cho hoàng hậu chọn, và bà đã chọn cõi Tây phương Cực lạc của Phật A-di-đà, nhân đó Đức Phật dạy cho bà pháp môn Tịnh độ là chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà để cầu vãng sanh theo chí nguyện. Câu chuyện này không có trong các kinh A-hàm mà là trong kinh *Niệm Phật Ba-la-mật*, một trong những kinh Tịnh độ sau này. Trong bài *Tịnh độ tông và pháp môn niệm Phật trong giáo pháp của Phật tổ* của tác giả Tâm Tịnh cũng có đoạn như sau: “Kinh Bát chu Tam-muội, Đại Vô lượng thọ Kinh góp phần hình thành tư tưởng Di-đà Tịnh độ vào thời kỳ sơ khai. Tuy nhiên, mãi đến thế kỷ thứ tư, pháp môn Niệm A-di-đà Phật mới hình thành ở Trung Hoa bằng sự ra đời của Huệ Viễn đại sư, Sơ tổ Tịnh độ là một cao tăng Trung Quốc đời nhà Tấn (334-414).”¹ Qua đó ta thấy tín ngưỡng Di-đà là sự phát triển của Phật giáo Đại thừa về sau này. Trong các kinh A-hàm, chỉ có thêm một vị Phật được đề cập, đó là Phật Di-lặc với thọ ký là vị Phật tương lai mà thôi.

Chúng ta cũng nên nhớ rằng, Phật giáo Bắc tông hay còn gọi là Phật giáo Đại thừa không phải chỉ có một tông phái Tịnh độ, mà có đến 10, gọi là 10 tông phái Đại thừa, đó là:

1. Niết-bàn tông;
2. Địa Luận tông;
3. Nhiếp Luận tông.
4. Thiền tông.
5. Luật tông
6. Thiên Thai tông;
7. Pháp Tướng tông (Duy Thức tông)
8. Hoa Nghiêm tông;
9. Tịnh Độ tông;
10. Mật tông.

Như vậy, ta thấy Tịnh độ tông chỉ là một tông phái trong nhiều tông phái khác của cái gọi là Phật giáo Đại thừa/Bắc tông. Có nghĩa là người hành giả Bắc tông vẫn có thể tu theo những pháp môn khác như Thiền tông, Mật tông... Cho nên không thể đồng nhất chùa Bắc tông là chùa Tịnh độ hay người tu theo Bắc tông nhất thiết phải là niệm Phật. Chùa Bắc tông cũng có thể là chùa Thiền, chùa Mật, chùa Luật... và Tăng Ni tại chùa Bắc tông cũng có thể niệm Phật hoặc ngồi thiền hoặc trì chú...

Chúng ta cũng cần tránh một lối suy nghĩ nữa, rằng thiền Việt Nam là thiền của Hòa thượng Thanh Từ, cho nên tu thiền là bắt chước Hòa thượng. Thật ra, Thiền

của Thiền phái Trúc Lâm của Hòa thượng Thanh Từ là Thiền gì? Có phải thuộc 10 tông phái Đại thừa không? Có phải là Thiền của Phật Thích Ca không? Hay là cái gì khác? Ai cũng biết rằng Hòa thượng Thanh Từ sáng lập Thiền phái Trúc Lâm, một phần là để phục hưng và phát huy truyền thống Phật giáo dân tộc Việt Nam, rằng Phật giáo Việt Nam cũng không kém gì Phật giáo Trung Hoa, các Tổ Việt Nam cũng có nhiều vị chứng đạo chứ không riêng gì các Tổ Trung Hoa. Đây là niềm tự hào dân tộc, rất đáng trân trọng. Tuy nhiên phải khẳng định một sự thật rằng không có pháp môn nào đi ra ngoài đường lối của Đức Phật của chúng ta cả. Kỹ thuật có thể có khác chút ít, nhưng mục đích vẫn quy về nhất tâm mà thôi. Xét trên mọi phương diện, đâu có thiền nào ra ngoài thiền Tứ niệm xứ (Thiền quán Thân, Thọ, Tâm, Pháp) mà Đức Phật đã dạy từ xa xưa. Thiền Việt Nam không phải là độc quyền của Hòa thượng Thanh Từ. Chỉ có điều trong thời đại ngày nay, tín đồ Phật giáo đa số tu theo Tịnh độ, duy Hòa thượng Thanh Từ phát khởi Thiền tông nên người ta mới đồng nhất, nói đến Thiền là nói đến Thiền phái Trúc Lâm của Hòa thượng. Đây là cực kỳ phiến diện. Đến đây chúng ta có thể thấy rằng chúng ta tu thiền là tu theo Đức Phật, không phải tu theo một cá nhân nào vậy.

Bây giờ tôi xin nói qua Tịnh độ. Như đã nói, một số vị cố chấp rằng tu Tịnh độ là theo truyền thống của thầy tổ, hoặc thầy tổ của thầy tổ mình... Nhưng thử hỏi cái gì gọi là truyền thống? Có một vị Tăng hỏi Thiền sư Bankei rằng: Những bậc thầy ngày trước như Engo và Daie sử dụng công án để dạy môn đệ. Tại sao Ngài không dùng công án? Bankei trả lời rằng: Còn những thiền sư trước cả Daie và Engo thì sao, họ có dùng công án không? Lại hỏi: Đức Sơn có gậy, Lâm Tế có tiếng hét, tất cả các bậc thầy ngày xưa đều sử dụng gậy và tiếng hét, tại sao ngài không sử dụng gì cả? Sư nói: Đức Sơn và Lâm Tế biết cách sử dụng gậy và tiếng hét, còn tôi thì biết cách sử dụng ba tấc lưỡi.² Như vậy đâu có cái gì gọi là truyền thống. Còn nếu nói truyền thống thì phải kể từ thời Đức Phật kia. Mà thời Đức Phật thì như đã nói, chỉ có truyền thống Thiền chứ chưa có khái niệm Di-đà Tịnh độ.

Hơn nữa, thiết tình mà nói, các chùa bây giờ nói rằng tu theo Tịnh độ, nhưng có thật sự đúng với tinh thần của Tịnh Độ tông chưa? Tịnh Độ tông chủ trương vãng sinh bằng cách quán tưởng cõi Tây phương và niệm danh hiệu Phật A-di-đà cho đến mức nhất tâm bất loạn. Nhưng tôi lại thấy rằng, đa số các chùa bây giờ, thời gian bỏ ra cho việc quán tưởng và niệm Phật lại quá ít so với thời gian bỏ ra cho việc cúng kiếng, đám xá, họp hội, xây dựng, và thậm chí buôn bán. Và thử hỏi trong số đó có ai thật sự có phát nguyện vãng sinh. Như vậy thì sao lại nói rằng mình tu theo Tịnh độ? Ngày nay qua ngày nọ, mình cứ chạy theo những cái gọi là “Phật sự” bên ngoài như thế, thì lấy gì để làm nền tảng tâm linh.



Tôi biết rằng nói ra những điều này thật không dễ dàng chút nào. Nhưng tôi cũng biết rằng ngoài những người thích làm những “Phật sự” bên ngoài, cũng có những người thực sự khao khát con đường tâm linh, chứng nghiệm tâm linh. Và những khao khát như thế là chính đáng, vì suy cho cùng, mục đích của đi tu là giác ngộ và giải thoát kia mà! Họ muốn nhưng họ không làm được, vì tìm đâu ra một môi trường thích hợp cho việc trau dồi tâm linh như thế trong các chùa hiện nay. Chùa đám xá càng nhiều, khách thập phương tham quan càng nhiều thì được coi là chùa hưng thịnh. Và chùa, thay vì là chỗ người ta tu tâm dưỡng tánh thì lại trở thành khu du lịch lúc nào không hay. Ở một số chùa, Tăng chúng, nhất là Ni chúng phải nấu nướng, bưng bê đãi ăn cho Phật tử, cho thập phương bá tánh suốt ngày. Đâu rồi những chốn thanh u tịch nhả của chốn thiền môn, đâu rồi những cảnh giải thoát như thế này:

*Thỏ thẻ rừng Mai chim cúg trái;
Lững lờ khe Yến cá nghe kinh.
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh,
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng.*
(Chu Mạnh Trinh, *Hương sơn phong cảnh*)

Có một giảng sư đã giảng rằng, người tu hành ngày nay không thể giác ngộ. Vì nào sống mô phạm, đạo đức là đáng quý rồi. Đành rằng trong hàng Tăng Ni ngày nay có những vị không mô phạm, đạo đức, nhưng cho rằng tu hành ngày nay không thể giác ngộ, không có người giác ngộ là không thỏa đáng. Nếu yêu cầu mô phạm, đạo đức thì Nho giáo, những người bình thường cũng làm được, cần gì phải là người xuất gia. Nếu chặn

con đường giác ngộ giải thoát lại thì đạo Phật không còn là đạo Phật nữa rồi.

Thiền là con đường độc nhất mà Đức Phật đã dạy để đưa đến nhận thức tự thân và nhận thức thế giới. Khi thiền, tâm hồn ta yên tĩnh, an lạc. Nhờ an lạc và yên tĩnh mà ta nhận thức được những vô minh, phiền não còn tồn đọng và đang khởi lên trên biển tâm thức mình, từ đó chuyển hóa chúng dần dần, dần dần cho đến hết. Đành rằng, trong tụng niệm cũng có thiền, nhưng tụng kinh chủ yếu là trừ tai, cầu phước, còn niệm Phật là để vãng sanh hoặc cầu Phật gia bị. Khi tụng niệm người ta có thể đạt được nhất tâm, nhưng không thể tự nhận thức mình, càng không thể chuyển hóa. Cái đó gọi là lấy đá đè cỏ, tụng niệm xong thì đâu cũng vào đó.

Không phải ngẫu nhiên mà chùa Phật được gọi là Thiền môn. Vì Thiền là phát minh vĩ đại của Đức Phật, là gia tài mà Ngài đã để lại cho chúng ta, cũng là đóng góp to lớn của Phật giáo đối với nhân loại. Thiền là hạnh phúc an lạc tối cao mà người con Phật có quyền hưởng thụ. Vậy nên, tôi tha thiết kêu gọi các vị trụ trì các tự viện, ngoài những “Phật sự” bắt buộc phải làm, cần nên tạo điều kiện cho chúng có cơ hội ngồi thiền, ít nhất một lần mỗi ngày. Có như thế mới không uổng phí cái chí nguyện của người xuất gia vậy. Mong thay! ■

1. Tâm Tịnh, *Tịnh Độ tông và pháp môn niệm Phật trong giáo pháp của Phật tổ* <https://sites.google.com/site/vothuongtinhdodhang-bai-viet-moi/tinhdotongvaphapmonniemphattronggiaophapcuaphatto> (Truy cập ngày 25/6/2014).

2. Bankei, *Tâm Bất Sinh*, Trí Hải Việt dịch, Nxb. Tp. HCM 2002, trang 182-3.



Chuyện cánh đồng lúa

TÂN NGHĨA

Ngày rằm tháng Bảy, các Phật tử đi chùa luôn được nghe nhắc lại sự tích ngài Mục-kiền-liên (Moggallana) cứu mẹ khỏi nỗi khổ của địa ngục. Người đã đi tu thường được coi như không còn vướng bận chuyện gia đình. Tuy nhiên, việc cấp dưỡng cho cha mẹ vẫn được Đức Phật nhắc nhở. Phật giáo luôn nhắc tới bốn ơn nghĩa nặng: ơn cha mẹ, ơn chúng sinh, ơn quốc gia, ơn Tam bảo. Trong đó, ơn cha mẹ được nhắc đến đầu tiên. Tiền thân Salikedara có kể lại về một chuyện liên quan đến điều đó.

Trong lúc trú tại Jetavana (Kỳ Viên), bậc Đạo sư có kể về một Tỳ-kheo phụng dưỡng mẹ mình. Lúc ấy Ngài gọi Tỳ-kheo này đến và hỏi: "Này Tỳ-kheo, ta nghe nói người cấp dưỡng cho người thế tục, có đúng vậy chăng?"- "Bạch Thế Tôn, quả đúng vậy!"- "Họ là ai thế?"- "Bạch Thế Tôn, chính song thân của con".

Khi đã xuất gia, thì mọi ràng buộc với gia đình được rũ bỏ. Vì thế, khi Tỳ-kheo kia cấp dưỡng cho người thế tục liền bị các Tỳ-kheo khác bàn tán. Tuy nhiên các Tỳ-kheo ấy có thể không biết đó là cha mẹ của vị Tỳ-kheo kia. Đức Phật vì muốn làm minh bạch chuyện ấy nên đã

gọi vị Tỳ-kheo lên nói chuyện. Sau đó Ngài ca ngợi:

“Này Tỳ-kheo, lành thay! Các trí nhân ngày xưa, ngay khi còn mang thân thú vật hạ liệt, dù chỉ thọ sanh làm loài Anh vũ, mà khi cha mẹ già yếu, cũng đã đem cha mẹ vào tổ và nuôi nấng bằng thức ăn mà chúng đã ngậm vào trong mỏ mình”.

Đức Phật ca ngợi vị Tỳ-kheo, nhắc nhở mọi người rằng đến thú vật cũng biết cấp dưỡng cho cha mẹ. Và để làm rõ, Ngài kể lại câu chuyện quá khứ:

Một thuở nọ, vị vua mệnh danh là Đại vương Magadha (Ma-kiệt-đà) trị vì tại Rajahara (Vương Xá). Thời ấy có một làng Bà-la-môn, tên là Salindiya ở về phía Đông bắc kinh thành này. Vùng này thuộc về địa phận nước Magadha. Có một Bà-la-môn sống ở Salindiya tên Kosiygotta. Ông có cả ngàn mẫu đất để trồng lúa. Khi vụ mùa đến, ông làm một hàng rào vững chắc, giao đất cho các gia nhân. Có người được năm mươi mẫu, người khác sáu mươi mẫu, và cứ như vậy vị địa chủ chia điền sản cho đám gia nhân. Còn năm trăm mẫu kia, ông chủ giao cho một người làm thuê lấy công. Người ấy dựng một túp lều và ở đó suốt đêm ngày.

Lúc bấy giờ phía Đông bắc vùng đồng ruộng này là một khu rừng cây bông vải rộng lớn, mọc trên một ngọn đồi bằng phẳng. Trong rừng có một đàn chim Anh vũ rất đông. Lúc bấy giờ Bồ-tát sinh vào đàn chim Anh vũ này, làm vương tử của chúa Anh vũ. Ngài lớn lên tốt đẹp và khỏe mạnh, thân lớn bằng trục bánh xe.

Bồ-tát trong các câu chuyện Jataka chính là tiền thân của Đức Phật. Việc tái sinh làm thú vật thường do việc phạm phải ít nhiều năm điều xấu (giết chóc, trộm cắp, quan hệ tình dục sai trái, nói dối, sử dụng phương tiện gây nghiện). Nếu ta làm một số điều tốt nhưng lại ít bồi dưỡng năng lực trí tuệ thì vẫn có khả năng tái sinh làm thú vật với đời sống sung sướng, chẳng hạn làm các con vật khỏe mạnh, được cung chiếu, chăm sóc. Tuy nhiên, việc sinh làm thú vật gây khó khăn rất nhiều cho việc học hỏi về Phật pháp và sinh sống. Do năng lực tu tập trong kiếp trước, Bồ-tát khi tái sinh đã ở vào địa vị lãnh đạo của đàn chim và có thân thể khỏe mạnh. Dù là thú vật, vương tử Anh vũ vẫn còn năng lực trí tuệ lớn.

Bấy giờ chúa chim đã già, bèn bảo ngài “Nay ta không thể nào bay ra đồng được nữa, con hãy chăm sóc cả đàn chim” và phong cho ngài chức chim chúa. Từ hôm sau, ngài không chịu để cha mẹ đi kiếm mồi nữa, mà ngài cùng với cả đàn, bay về vùng Tuyết sơn, và sau khi ăn lúa no nê từ những đám ruộng mọc hoang tại đó, ngài trở về mang thức ăn đầy đủ để nuôi cha mẹ.

Kiểm ăn là nỗi khổ trong đời sống của mọi loài sinh vật. Trong thơ ca, văn học đôi khi ta gặp những nhân vật “ước mình là chim”, mong là sẽ sống tự do tự tại như chim. Nhưng chim thì cũng phải đi kiếm ăn và cũng có khi chẳng có mà ăn. Cũng có khi nhà văn, nhà thơ “ước mình là cây”, mong là sẽ “đứng giữa trời mà reo”. Nhưng cây thì cũng bị già, mục nát, bị sâu đục thân...

Đức Phật đã chỉ rõ là chỉ có làm người thì khả năng thoát được các cảnh khổ là cao nhất.

Một hôm, đàn chim Anh vũ hỏi ngài một chuyện. Chúng nói: “Trước đây, vào lúc này lúa đã chín trong nông trại Magadha, bây giờ lúa có được trồng nữa không?”. Ngài đáp: “Cứ đợi xem sẽ biết”. Rồi ngài bảo hai chim Anh vũ đi tìm hiểu.

Trước câu hỏi của đàn chim đặt ra, do chưa đầy đủ thông tin nên nếu đàn chim bàn tán thì chỉ là nói chuyện phiếm, phạm vào một trong bốn lỗi của lời nói (nói dối, nói ác, nói sau lưng, nói linh tinh). Năng lực trí tuệ của chúa chim từ các đời trước cũng còn rất mạnh, do đó ngài biết là tất cả các suy đoán đều phải dựa trên cơ sở của thực tế. Phải đến tận nơi, cảm nhận trực tiếp thì mới chứng minh được các suy đoán là đúng hay sai. Đức Phật giải thích cụ thể cách suy nghĩ này trong Tiểu kinh dụ dấu chân voi [Trung bộ 1, tr.396]:

“Ví như một người săn voi vào một khu rừng có voi ở. Người ấy thấy một dấu chân voi lớn trong rừng. Nếu đó là một thợ săn lành nghề, người ấy không đi đến kết luận: “con voi này chắc chắn to lớn”. Vì sao? Vì có những loại voi cái lùn thấp cũng có dấu chân này. Người đó đi theo dấu chân ấy và thấy các cây bị cọ xát trên cao. Nếu đó là một thợ săn lành nghề, người ấy không đi đến kết luận: “con voi này chắc chắn to lớn”. Vì sao? Vì có những loại voi cái có ngà cũng có dấu chân này và cọ xát vào cây như vậy. Người đó tiếp tục đi theo dấu chân voi. Người ấy thấy các cây cao bị cọ xát và những vật trên cao bị ngà voi cắt chém. Nếu đó là một thợ săn lành nghề, người ấy không đi đến kết luận: “con voi này chắc chắn to lớn”. Vì sao? Vì có những loại voi cái có ngà lớn, có dấu chân lớn, có thể dấu chân này thuộc loại voi đó. Người đó tiếp tục đi theo dấu chân và cuối cùng thấy một con voi đực lớn dưới gốc cây hay ở ngoài trời, đang đi, đang đứng, đang nằm hay đang ngồi. Người ấy bây giờ mới đi đến kết luận: “Con voi này thực là một con voi đực lớn”.

Tiền thân Salikedara kể tiếp:

Đôi chim Anh vũ bay đi, hạ cánh xuống đồng bằng Magadha ở phần đất người làm vườn canh giữ. Chúng ăn lúa rồi mang một cọng lúa về rừng, thả xuống trước đôi chân chim chúa Anh vũ và nói: “Lúa này mọc tại đó”. Hôm sau ngài bay đến nông trại và hạ xuống với cả đàn chim. Người làm công ấy chạy đi chạy lại cố xua đuổi đàn chim nhưng không thể nào đuổi được. Cả đàn Anh vũ ăn lúa xong, ra đi với những cái mỏ chim trống không, song chúa Anh vũ thu lượm một số lúa mang về cho cha mẹ. Hôm sau bầy Anh vũ lại đến đó ăn lần nữa, và hôm sau nữa cũng vậy.

Trước kia đàn chim Anh vũ ăn lúa hoang, không ảnh hưởng tới ai. Lần này, chúng ăn lúa do người làm vườn trồng. Như vậy là phạm vào lỗi “lấy của không cho”. Tuy nhiên, thú vật thì không thể tự trồng cấy để tạo ra thức ăn cho mình. Vì thế, sinh làm thú vật thì rất khó ngăn ngừa được năm điều xấu. Việc ăn lúa trong nông trại sẽ



đem lại hậu quả không tốt cho đàn chim. Câu chuyện kể tiếp.

Người giữ nông trại bắt đầu suy nghĩ: “Nếu những con vật này ăn thêm vài ngày nữa thì sẽ chẳng còn chút gì. Vị Bà-la-môn sẽ định giá cả cho đám lúa này và sẽ phạt tiền ta. Ta phải báo cho ông ấy biết”. Cầm lấy nắm lúa và một món quà kèm theo, gã đi đến gặp vị Bà-la-môn kia, chào vị ấy và đứng sang một bên.

Đám lúa này của vị Bà-la-môn nên người làm mướn phải báo lại sự việc. Hậu quả việc ăn lúa “không cho” bắt đầu phát triển.

Ông chủ bảo: “Nào, anh bạn, có được mùa lúa chăng?” Người làm mướn đáp: “Thưa ông, được mùa lắm. Tuy nhiên...”, thế là anh ta kể lại toàn bộ câu chuyện và nói về con chim chúa:

Có một chim kia đẹp nhất đàn,
Trước tiên tìm lúa chín mà ăn,
Rồi mang một nắm vào trong mỏ,
Để sẵn mai sau những lúc cần.

Vị Bà-la-môn bỗng phát sinh một mối thương cảm với chim chúa. Ông chỉ cách cho người làm mướn đặt bẫy chim bằng lông đuôi ngựa. Người giữ ruộng rất mừng vì ông chủ không định giá tiền đám lúa, và không nhắc gì đến nợ nần. Anh ta về đặt bẫy và bắt được chim chúa, đem về cho vị Bà-la-môn.

Thật kỳ lạ, mặc dù bị đàn chim phá lúa của mình, vị Bà-la-môn không giận dữ mà lại cảm thấy thương cảm chim chúa. Chuyện này chỉ có thể do các mối liên hệ giữa Bà-la-môn và chim chúa trong những đời sống trước. Câu chuyện kể tiếp.

Vị Bà-la-môn với tình cảm đậm đà, ôm chúa chim trong tay, đặt chim chúa lên đùi mình và hỏi lý do tại sao chim đã ăn no lại còn mang lúa về, có kho nào để trữ lúa hay sao?

Có ghét ông ta không mà phải lấy nhiều lúa của ông ta vậy? Chim trả lời:

Ta chẳng ghét ngài, hỡi Kosa,
Ta không hề có vựa kho nhà,
Khi vào rừng ở ta hoàn nợ,
Và cũng cho vay mượn nữa mà,
Nơi đó ta đồn kho báu mãi,
Đây là câu giải đáp phần ta.

Vị Bà-la-môn thắc mắc: chim trả nợ cho ai, cho ai vay, và tồn trữ cái gì nếu không có kho vựa? Chim đáp:

Lũ chim non nớt ở nhà ta,
Đôi cánh còn chưa mọc đủ ra,
Chúng sẽ nuôi ta mai một nợ,
Nay ta cho chúng mượn vay mà.
Mẹ cha già yếu cả song thân,
Hai vị xa dần hạn tuổi xuân,
Với lúa ta mang trong chiếc mỏ
Đem về dâng trả các ân nhân.
Còn lắm chim đang sống lẻ đơn,
Ta cho bọn chúng vì từ mẫn
Đây chỗ hiền nhân gọi trữ tồn.

Chim Anh vũ chúa giải thích hành vi của mình. Những lập luận này rất đơn giản, rất căn bản nhưng không phải ai cũng biết. Nếu muốn làm điều tốt, hãy nghĩ đến những người trong gia đình: con cái, cha mẹ và những người ở gần quanh mình. Nuôi dưỡng con cái ví như cho vay, nuôi dưỡng cha mẹ ví như trả nợ, giúp đỡ người khác ví như tồn trữ. Toàn bộ các suy nghĩ này dựa trên lý nhân quả.

Vị Bà-la-môn rất hoan hỷ vì chẳng nghe người nào nói đến những điều đơn giản này. Ông thả dây trói khỏi chân chim, xoa lên đôi chân ấy loại dầu quý đã lọc kỹ trăm lần, đặt chim lên một chỗ ngồi sang trọng quý giá, đãi chim món bấp ngọt trên một cái đĩa bằng vàng. Chúa Anh vũ khuyên thêm:

Xin hãy cúng dường cho những vị
Trong đời gánh nặng đã quặng xa.

Vị Bà-la-môn rất hoan hỷ, xin tặng chúa chim ngàn mẫu ruộng. Ngài không nhận hết mà chỉ nhận tám mẫu. Vị Bà-la-môn cho xây tường đá làm ranh giới để dành riêng điền sản cho đàn chim rồi thả ngài về rừng.

Khi bậc Đạo sư chấm dứt Pháp thoại này, Ngài bảo: “Như vậy, này các Tỳ-kheo, phụng dưỡng mẹ cha mình là một mỹ tục cổ truyền cho các bậc thiện nhân và trí nhân”. Sau đó, Ngài thuyết giảng Bốn sự thật. Vào lúc kết thúc bài giảng Bốn sự thật, vị Tỳ-kheo đã đắc quả Dự lưu. Đức Phật nhận diện tiền thân: “Vào thời ấy, các đệ tử Đức Phật là đàn chim Anh vũ, phụ hoàng và mẫu hậu ngày nay là cha mẹ chim chúa, Channa (Xa-nặc) là người giữ ruộng, Ananda là vị Bà-la-môn, và Ta chính là chim chúa Anh vũ”. ■



Mạn đàm

Nghiep và Vô thường

HOÀNG TÁ THÍCH

Sáng hôm nay tôi đi phúng điếu một người bạn vừa mất hôm qua. Nghe nói buổi sáng sớm anh đi tập thể dục trong công viên và bất ngờ bị đột quỵ. Lúc được đưa đến bệnh viện thì đã quá muộn, không qua khỏi được.

Nhiều bạn bè ở xa hay tin đều gửi điện về chia buồn. Điện chia buồn thì lúc nào cũng phải có giọng điệu buồn bã và đôi khi còn phải cường điệu một chút như... “được tin rất đau buồn... nghe tin dữ mà rụng rời”... để chia sẻ với thân nhân của người quá cố. Thực ra, bất ngờ thì có, buồn đôi chút cũng có, nhưng đau đớn hay rụng rời thì không đến nỗi như thế, nhất là với những người bạn già lâu lâu mới gặp nhau một lần.

Anh bạn của tôi cũng ở trong cái tuổi cổ lai hy, cũng bị chứng tiểu đường chút ít từ lâu, nhưng rất lo giữ gìn sức khỏe. Bằng chứng là mỗi buổi sáng anh đều chịu khó ra công viên đi bộ, tập thể dục. Tuy nhiên, một lúc nào đó, cái vô thường rơi xuống một cách tình cờ mang theo anh bạn tôi. Nghe mọi người chia buồn, người vợ nói: “Anh ấy ra đi thì thực là bất ngờ, và chắc chắn là từ đây, trong nhà sẽ trống vắng lắm, nhưng nghĩ lại, anh đi một cách nhanh chóng như thế lại cũng là cái phúc không những cho anh mà còn cho những người thân. Thôi thì, đằng nào anh cũng có tuổi thọ rồi”.

Ở cái tuổi mà mọi người đều cho rằng “đã có lời rồi” thì chuyện nhắm mắt xuôi tay chỉ là trước và sau, chẳng có gì phải thắc mắc. Ai cũng hiểu hai chữ vô thường; nhưng, phải đến một lứa tuổi nào đó mới thấy được vô thường cũng là một chuyện bình thường. Nói vô thường chỉ là một cách tự an ủi vì vô thường chỉ là một lẽ tự nhiên mà thôi.

Buổi chiều, tôi đến cúng giỗ ông anh rể. Ông mất cách đây đã hơn mười năm sau gần sáu năm nằm bất động trên giường. Lúc ông anh rể tôi qua đời, bà chị tôi khóc. Tôi ngạc nhiên vì cho rằng ông ra đi như vậy là một sự giải thoát khỏi những mệt mỏi không những cho người nằm đó mà còn cho những người thân chung quanh phải thay nhau săn sóc một cái xác không hồn. Tôi vẫn thường suy nghĩ và cho rằng cái nghiệp của ông anh rể tôi nặng quá làm cho bà chị tôi phải gánh chịu. Nhưng bà chị tôi lại nói: “Sáng nào mở mắt ra cũng thấy anh còn nằm đó, bây giờ thấy cái giường trống không, cũng buồn”. Thì ra là thế. Bà chị tôi không bao giờ nghĩ rằng chuyện ông anh tôi ra đi là vô thường hay là không vô thường gì cả, vì ngay khi ông bị bệnh phải nằm yên một chỗ và không biết gì nữa thì bà chị tôi đã thấy ông chống mình đã qua đời ngay từ khi đó rồi. Và những năm tháng dài vẫn thấy chồng còn nằm đó, bà không thấy có gì mất mát; mãi cho đến khi ông thực sự ra đi thì không phải bà bị mất mát gì mà chỉ bị mất đi một thói quen mà thôi. Thực ra cũng chính là cái nghiệp, nhưng có điều là bà chị tôi là con người quá đơn giản nên có thể coi nhẹ cái nghiệp đang gánh mà thôi; vả lại, mọi việc đã có các con bà lo, bà chẳng phải làm gì nặng nhọc. Bà không chịu, nhưng con cái bà phải chịu suốt năm sáu năm trường bỏ thì giờ thay nhau săn sóc cái xác không hồn của bố mình, chỉ vì chữ hiếu chứ đâu có thể thấy nhẹ nhàng như mẹ mình đâu.

Bây giờ bà đã gần cả trăm tuổi. Tôi đến thăm, nhìn cái thân xác gầy gò chỉ còn da bọc xương của chị mà cảm khái; mặc dù bà chị tôi vẫn còn sáng suốt. Có lẽ bà cũng cảm thấy sắp sửa ra đi, nên bà muốn thấy có con cái đồng đủ chung quanh. Đến bây giờ, bà cũng chẳng thấy có



cái gì gọi là vô thường cả, vì bà biết chắc chắn là sẽ phải lìa bỏ cuộc đời trong những ngày gần kề sắp tới. Con cái bà thương yêu bà, hàng ngày chăm sóc cho bà, cho bà uống những thứ thuốc tốt nhất, đắt tiền nhất để muốn giữ mạng sống của mẹ. Nhưng nếu một hôm nào bà yên lặng nhắm mắt ra đi thì tôi nghĩ là mọi người sẽ cảm thấy mừng cho bà được giải thoát nhiều hơn là đau khổ vì mất một người mẹ. Bà chị tôi không phải là một Phật tử thuần thành. Bà không có khái niệm về hai chữ vô thường và cũng không chịu quá nhiều đau khổ vì những mất mát, và nếu một ngày gần đây bà phải ra đi thì chắc chắn bà không còn hối tiếc gì trên cuộc đời này nữa. Có thể nói bà đã đi qua khỏi hai chữ vô thường rồi. Vô thường có nghĩa là không có gì tồn tại mãi, nhưng cái vô thường mà người ta thường nói khi bị một sự mất mát nào đó thì đối với họ, chỉ có nghĩa là một sự bất ngờ mà thôi.

Mẹ tôi qua đời lúc bà vừa bước qua ngưỡng chín mươi. Mẹ tôi không phải nằm lâu trên giường bệnh và

không hề bị đau đớn thân xác, nên khi bà nhắm mắt, trong lòng tôi cảm thấy nhẹ nhàng, không một chút đau khổ nào, vì biết chắc chắn bà phải ra đi, và lại được ra đi trong an bình thanh thản. Tôi tự nhủ, nghiệp bà không nặng, và trong lòng cũng cảm thấy mừng vì điều đó.

Bà nhạc tôi qua đời một cách rất bất ngờ dù tuổi cũng đã khá cao. Bất ngờ vì nếu không phải do một tai biến mạch máu não đột ngột như thế thì bà sẽ còn sống rất lâu, vì sức khỏe còn rất tốt. Trong cái tiếc thương của con cháu vì sự ra đi đột ngột như thế, tôi vẫn thấy bà có cái may mắn không phải chịu sự đau đớn của thể xác và cả tâm hồn. Nếu phải nằm một thời gian dài trên giường bệnh, còn được nhìn thấy con cháu bên cạnh, thì những tiếc nuối sẽ càng làm cho tâm hồn bà khổ đau nhiều hơn. Không những thế, con cháu dù yêu thương đến mấy rồi cũng sẽ phải mệt mỏi trong việc săn sóc chỉ để kéo dài một cuộc sống vô vọng. Tôi cho rằng nghiệp của bà nhạc tôi cũng rất nhẹ. Bà ra đi một cách bất ngờ, nhưng cho rằng cái mất



mát của người ở lại vì sự ra đi quá bất ngờ của một người thân thì cũng chưa hẳn là đúng, vì sự bất ngờ nào cũng có cái nguyên nhân của nó. Con cái tiếc thương đau buồn vì bị mất mát, nhưng thực ra chẳng có gì gọi là bất thường cả. Bà nhạc tôi với hoàn cảnh chống mất lúc đang còn tuổi thanh xuân và trong mấy chục năm nay, bà đã phấn đấu với mọi hoàn cảnh khó khăn một cách âm thầm, hy sinh mọi thứ để đem hạnh phúc đến cho đàn con đông đúc. Bà mang những nỗi khổ trong lòng và những điều thuốc lá tưởng có thể làm quên bớt những âu lo thì chính chúng nó đã giết chết bà lúc nào không hay. Vô thường chỉ là một cách nói. Chính những nguyên nhân chung quanh đã tạo nên cái nghiệp mà bà phải gánh chịu. Ấy là còn may vì con cái hiểu đạo. Nhưng nếu chẳng may con cái bất hiếu thì tình mẫu tử sẽ là cái nghiệp nặng nề hơn cho người mẹ phải gánh chịu một mình vậy.

Có ai trong cuộc đời không hề bị mất mát một cái gì đó? Đang giàu có, ngồi trên tiền rừng bạc biển bỗng một

hôm trắng tay. Hôm qua vừa mới ngồi cùng, hôm nay thì đã nghìn trùng cách xa. Vô thường là như thế, nghĩa là không có gì có thể tồn tại mãi mãi. Nhưng mặc một cái áo mới cho đến cũ rách, rách nát phải mua một cái mới thì lại không phải là vô thường nữa, vì không thấy có gì gọi là mất mát trong đó. Sống đến một lứa tuổi nào đó, sẽ thấy trước sau gì rồi cũng phải ra đi như một chuyện hết sức tự nhiên, chỉ có ra đi một cách bình thường hay có thể bất ngờ một chút mà thôi. Sống một thời gian quá dài như bà chị của tôi, nếu không được mạnh khỏe hoặc sáng suốt, đôi khi lại còn mong ra đi cho chóng nữa là khác. Gọi là vô thường, nhưng cái gì xảy ra cũng có nguyên nhân. Đang giàu có bỗng nhiên trắng tay, vì mình không giữ được nó. Nếu chóng giàu vì nắm được thời cơ thì trong một phút mất cả sự nghiệp thì cũng chỉ vì tự mình đánh mất vì một nguyên nhân nào đó mà thôi. Mất mát là vô thường, nhưng điều gì cũng có cái nguyên nhân của nó, chứ không phải bỗng dưng mà xảy ra. Cái nguyên nhân đó cũng vì cái nghiệp của mình vậy. Phải nên thấy cái gọi là vô thường nằm trong cái nghiệp của mình. Đến lúc phải ra đi mà không thể đi được cũng là cái nghiệp. Ra đi quá sớm cũng chỉ là sớm dứt nghiệp. Không phải chỉ cái mạng sống mà mọi thứ mình đang nắm giữ trong đời, phải dính liền với nó. Nhiều người không bao giờ được sống trong thực tại, cũng chỉ vì cái nghiệp. Ngày nào còn tham sân si thì ngày ấy còn bị cái nghiệp chi phối. Nghiệp không phải chỉ có ở kiếp này mà có thể do những kiếp trước tạo thành. Nghiệp không phải chỉ do mình tạo ra mà còn là của người khác liên hệ máu mủ với mình gây ra mà mình phải hứng chịu. Nói như thế, có nghĩa là nếu mình tạo được một nghiệp tốt thì không những mình được an lạc mà những người thân cũng được hưởng phước báu đó và ngược lại.

Trên đây vạn Lý Trường Thành, trong một ngôi miếu Thần Hoàng, có hai câu đối như sau:

Vi thiện tất xương. Vi thiện bất xương, tổ tiên tất hữu dư ương. Ương tận tất xương.

Vi ác tất vong. Vi ác bất vong, tổ tiên tất hữu dư tường. Tường tận tất vong.

Nghĩa là: Làm điều thiện thế nào cũng được điều lành. Làm điều tốt mà không được như thế, tất tổ tiên mình đã làm điều không tốt. Khi cái hạn đó đã đi qua thì mình sẽ được phước. Làm điều ác, thế nào cũng phải bị trừng phạt. Nhưng nếu làm ác mà không bị hậu quả, tức là tổ tiên mình đã từng làm điều tốt để cho mình được hưởng. Hết cái phước đó, thế nào cũng bị trừng phạt.

Hiểu được lẽ vô thường thực ra chẳng giúp gì được cho mình ngoài sự an ủi cho chính bản thân mình khỏi tiếc nuối cái đã bị mất. Phải hiểu cho được chữ Nghiệp để hiểu rõ hơn cái lẽ mất còn của vạn vật. Không những như thế, mà trong cái "Tạo nghiệp", còn phải hiểu hai chữ "Chuyển nghiệp" để có thể đạt đến bốn chữ "Thân tâm an lạc". Bốn chữ này tuy thấy có vẻ tầm thường nhưng đạt được không phải đơn giản. ■



Tại sao chúng ta phải tìm nơi nương náu

YONGEY MINGYUR RINPOCHE
NGUYỄN VĂN NGHỆ dịch

Mingyur Rinpoche nói có hai loại nơi nương náu - bên ngoài và bên trong. Chúng ta tìm nơi nương náu ở những hình thức khai minh bên ngoài để chúng ta có thể tìm thấy Đức Phật bên trong.

Bất kỳ ai cũng nương náu vào một cái gì đó. Thông thường là các mối quan hệ, những nơi chốn, hay là những hoạt động làm cho thân hay tâm chúng ta cảm thấy được an toàn hay được che chở. Ngay cả lo lắng thái quá hay những thói quen thiếu lành mạnh – như ăn quá nhiều sô cô la hay là cười khúc khích không kềm chế được – có thể làm một tấm khiên che chở để xua tan đi cảm giác lo lắng và bất an.

Bạn hãy tự hỏi, “Tôi tìm hạnh phúc ở đâu? Tôi tìm an lạc ở đâu?”. Trong tình yêu, trong địa vị xã hội hay trong thị trường chứng khoán? Xe hơi của chúng ta có thể hư hỏng, công ty của chúng ta có thể tuyên bố phá sản, hoặc người thân thiết với ta có thể rời bỏ ta.

Sức khỏe hoàn hảo của chúng ta chắc chắn sẽ xấu đi, và một người thân yêu của chúng ta chắc chắn sẽ qua đời. Thị trường chứng khoán khi trời khi sụt, lợi danh khi xuống khi lên; sức khỏe, tiền tài và các mối quan hệ – tất cả những chốn nương náu trong cõi luân hồi này đều khi lên khi xuống. Khi chúng ta trông cậy vào chúng, tâm chúng ta cũng lên xuống như những lá cờ phất phơ trong gió.

Một người Pháp nói với tôi rằng vị thầy Tây Tạng của ông ấy đã khuyên ngăn đồ đệ của ông ta đừng thọ giới. Điều này làm tôi ngạc nhiên thật sự. Ông ta giải thích rằng thầy của ông ta đã nói, “Phần lớn người phương Tây mặc áo cà-sa vào rồi thì nương vào áo cà-sa của họ, chứ không nương vào Phật, Pháp, Tăng”. Tôi đoán chắc với ông ấy rằng ở đâu cũng thế, không phải chỉ ở phương Tây mới vậy.

Chúng ta sống với một cảm giác thiếu thốn mà chúng ta mong muốn lấp đầy. Cái tâm hiếu động của

chúng ta thường cố gắng kết hợp với một cái gì đó – đặc biệt là với một người khác – để làm nhẹ bớt đi cái cảm giác thiếu thốn luôn vây lấy chúng ta. Tuy nhiên, những nơi nương náu của cõi luân hồi sinh tử này vốn dĩ là vô thường, và nếu chúng ta dựa vào cái thường còn là nơi vốn không có chốn nương náu nào tồn tại thì cảm giác bị phản bội và tức giận làm cho sự mất mát của chúng ta lớn hơn nhiều.

Những cảm xúc cũng có thể trở thành những nơi nương náu. Phản ứng với sự giận dữ và tự cho mình là đúng và kiếm một cái gì đó để đổ lỗi cũng có thể trở thành một nơi nương náu quen thuộc của bạn. Nếu bản chất của bạn là hay tức giận, bạn có thể trở lại với trạng thái đó để nương náu, giống như người ta trở về ngôi nhà của mình. Có thể là thói quen của bạn là bị áp đảo bởi sự lẫn lộn, bối rối và yêu cầu người khác đến cứu giúp cho bạn. Sự bất lực kinh niên có thể là một nơi nương náu, một cách để thối lui khỏi cuộc đời và khỏi những trách nhiệm của bạn. Trước khi quy y Tam bảo, nếu bạn hiểu rõ những nơi nương náu bạn đã từng trông cậy vào thì sẽ tốt cho bạn vì sự soát xét này sẽ thực sự cho bạn cảm hứng để rẽ vào một hướng khác.

Tìm nơi nương náu không giúp ta thoát khỏi những vấn đề của cuộc sống. Nó không che chắn cho chúng ta khỏi chiến tranh, đói khát, bệnh tật, tai nạn và những chuyện khó khăn khác. Nói đúng hơn, nó mang lại cho chúng ta những công cụ để biến đổi những chướng ngại thành những cơ hội. Chúng ta học được cách để đối mặt với những khó khăn theo một phương cách mới, và điều này giúp chúng ta tránh khỏi lầm lẫn và tuyệt vọng. Nạn kẹt xe vẫn còn đó nhưng chúng ta không phản ứng lại bằng cách bấm còi inh ỏi và chửi thề. Bệnh hoạn vẫn làm khổ chúng ta nhưng chúng ta vẫn có thể đón chào ngày mới với lòng vui vẻ biết ơn là mình còn ở trên cuộc đời này. Rốt cuộc, chúng ta dựa vào những phần tốt nhất của cuộc sống của chúng ta để tự che chở cho mình khỏi những khuynh hướng lo lắng thái quá vốn tạo cho chúng ta những điều phiền não. Điều này giúp chúng ta sống thoải mái hơn trong cuộc đời và không cần rút lui vào trong những hoàn cảnh không đáng tin cậy để cảm thấy được che chở.

Những nơi nương náu bên ngoài và bên trong

Chúng ta có hai loại nơi nương náu: bên ngoài và bên trong. Với nơi nương náu bên ngoài hay tương đối, chúng ta xem Phật, Pháp và Tăng như ở bên ngoài chúng ta. Tính nhị nguyên này chắc chắn đem lại cho chúng ta nhiều sự tin cậy hơn là những nơi nương náu thông thường, nhưng với những lợi lạc hạn chế. Bao lâu Đức Phật còn ở đâu đó, không phải trong tim óc chúng ta, chúng ta sẽ không nhìn thấy vị Phật thật – sự thông suốt trống rỗng của ý thức thuần túy của chính chúng ta. Nơi nương náu ở bên trong giúp chúng ta chuyển từ vị Phật bên ngoài đến với vị Phật bên trong.

Với nơi nương náu bên trong hay tuyệt đối, tính nhị nguyên giữa bên ngoài và bên trong không còn tồn tại nữa. Sau rốt chúng ta dựa vào chính mình, vào Phật tánh của chính mình, và vào những phẩm chất giác ngộ của chính mình. Thanh tịnh hóa là quá trình làm cho những phẩm chất này trở nên dễ đạt đến hơn để chúng ta có thể kết hợp chúng vào trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Với việc tu tập, chúng ta nhận ra trong chính chúng ta chính vị Phật mà chúng ta nương náu. Đây là cốt lõi của việc tu tập.

Chính sự mong muốn tìm nơi nương náu là một biểu hiện của Phật tánh. Chúng ta tìm nơi nương náu để được hạnh phúc hơn, để thoát khỏi khổ đau và để cảm thấy yên ổn hơn. Tại sao chúng ta nói rằng chính cái ước muốn này phản ánh Phật tánh? Bởi vì chúng ta không bao giờ chấp nhận khổ đau như là một điều kiện tự nhiên và bình thường của con người. Cho dù mức độ khổ đau của chúng ta như thế nào đi nữa, sự mong muốn này nảy sinh để thoát khỏi khổ đau. Sự mong muốn này từ đâu mà đến? Làm sao chúng ta giải thích được việc chúng ta ý thức sâu sắc rằng chuyện thoát khổ là chuyện có thể làm được? Câu trả lời là nhờ vào trí tuệ bản chất của chúng ta. Không gì khác có thể giải thích được tại sao chúng ta biết được bằng trực giác rằng sự khổ đau của chúng ta là tình trạng không bình thường, nó không phải là cái bản chất thật sự của chúng ta, và rằng nó có thể giảm nhẹ được. Phật tánh của chúng ta làm chuyện đó. Nó giống như cái la bàn ở bên trong con người ta giúp ta giữ phương hướng đã được ấn định hướng đến sự mãn nguyện, bất kể bao nhiêu phiền muộn, đau khổ mà ta phải chịu đựng.

Một số người giải thích Phật tánh như là một vật thể. Nó hầu như mang tính cách của vật chất, và những cách nói ẩn dụ của chúng ta có thể làm gia tăng sự hiểu lầm này. Khi chúng ta nói về Phật tánh như là một viên kim cương hay một kim chỉ nam bên trong chúng ta, Phật tánh nghe có vẻ như là một bộ phận thể chất như tim hay phổi chẳng hạn. Nhưng không phải như vậy. Đúng hơn, nó giống như dầu mù-tạt vốn thấm đẫm trong từng phần tử nhỏ của hạt mù-tạt, nhưng dầu chỉ hiện ra khi ta ép hạt mù-tạt và loại bỏ xác thô của hạt đi. Chất dầu trước đó đã không nằm tách ra khỏi hạt và cũng không chiếm một vị trí cụ thể nào ở trong hạt mù-tạt. Chúng ta có được dầu mù-tạt qua tinh luyện hay chúng ta có thể nói là qua quá trình tịnh hóa, nhưng cái chúng ta có được vẫn đã luôn luôn có ở đó. ■

Nguồn: *Why We Take Refuge*, trích từ số Hè 2014 của tạp chí *Buddhadharma*.

Yongey Mingyur Rinpoche là một thiền sư thuộc các dòng truyền thừa Karma Kagyu và Nyingma của Phật giáo Tây Tạng và hiện đang hành đạo như một du tăng ở Ấn Độ. Bài pháp này được phỏng theo cuốn sách mới của ông "*Turning Confusion into Clarity*".



Phật giáo và các sinh vật

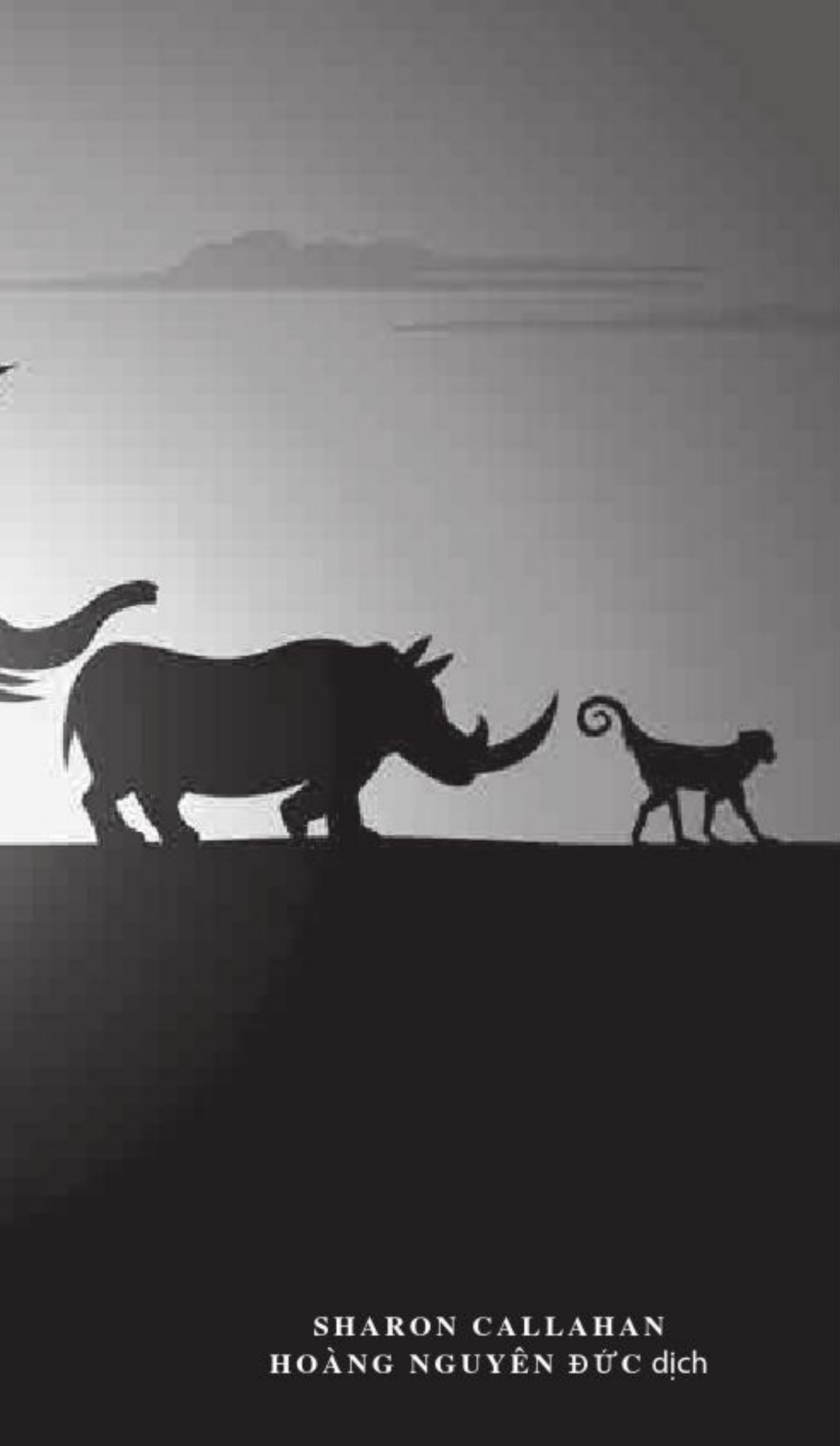
Trong lịch sử, rất ít tôn giáo hay phong trào tâm linh nào có những điều để nói về vận mệnh tâm linh của những sinh vật không phải là con người. Đối với tôi, thật lạ là những hệ thống thần học như vậy lại không có chỗ cho những vương quốc của sự sống ấy, vốn đông đúc hơn hẳn loài người. Tôi cho rằng có vô số những lập luận về việc tại sao các sinh vật không được nói tới trong những nền triết học ấy, nhưng tất cả những lập luận như thế đều vô nghĩa đối với một người Phật tử.

Phật giáo cho rằng toàn bộ đời sống đều đang tiến hóa đến một trạng thái ý thức cao hơn. Đối với người Phật tử, mọi lối sống trong đó con người duy trì cuộc sống của mình bằng việc lấy đi mạng sống của mọi sinh vật hữu tình khác đều là sai lầm. Phật giáo cho rằng đời sống của những sinh vật không phải loài người cũng có tính cách thiêng liêng như đời sống con người. Sinh vật được xem là thuộc một vương quốc đang tiến hóa của mọi sinh thể mà trong thời gian nào đó đều sẽ đạt tới trạng thái giác ngộ hoàn toàn. Toàn bộ đời sống chỉ là một. Theo nhận thức đó, làm hại bất kỳ một sinh thể

nào chính là làm thương tổn đến sự Thường hằng Duy nhất và Đời sống Thiêng liêng. Vì mọi sinh vật được coi là đang tiến đến sự giác ngộ hết như loài người, các sinh vật đó không thể bị làm hại, không thể bị ngăn cản, không thể bị chặn đứng sự tiến hóa của chúng.

Chấp nhận quan điểm Phật giáo là có một tinh thần mới mẻ của lòng từ đối với tất cả mọi hình thái của sự sống vốn có tính chất yếu ớt, vô vọng hay dễ bị tổn thương. Người Phật tử nhận thức một cách đầy đủ rằng tự thân đời sống là không bao giờ bị tiêu diệt; nhưng đối với họ, điều đó không thể biện minh cho việc ra tay hủy hoại hay làm hại những hình thái của sự sống đang hiển hiện. Người Phật tử tin rằng con người không có quyền làm thương tổn đời sống với bất kỳ lý do nào.

Phật tử là những người đầu tiên đã xây dựng những bệnh viện để săn sóc những động vật đau ốm hay bị thương tật. Mục đích của người Phật tử là xoa dịu những nỗi đau đớn khổ sở dù đó là sự đau đớn của con người hay của con vật. Ngay cả trong thời đại hiện nay, rất nhiều động vật được thấy đang sống thanh



SHARON CALLAHAN
HOÀNG NGUYỄN ĐỨC dịch

thần bên trong hoặc chung quanh những tự viện cổ. Du khách đôi khi phản đối sự hiện diện của sinh vật ở những nơi này, nghĩ rằng chúng không xứng đáng có mặt quanh môi trường tâm linh. Tuy nhiên, những vị trưởng lão lại vui mừng và thích thú đón tiếp hàng đoàn những sinh vật được thu hút đến với tự viện bởi những lý do chẳng khác gì những lý do khiến chúng tìm đến.

Ở Nhật Bản có một khu vườn được gọi là Vườn Nai ở Nara. Nhiều thế kỷ trước, khu vườn này đã được dành riêng làm nơi trú ẩn cho sự trải nghiệm tình hữu ái của mọi sinh vật. Trong khu vườn này, nai đi dạo thong dong với người trong một tình bạn bè thực sự. Tính chất tự nhiên của giống nai vẻ vẻ thanh lịch và sự dịu dàng đã khiến chúng xứng đáng là sứ giả cho tính cách thiêng liêng của đời sống. Chính là trong một vườn nai mà Đức Phật đã giảng bài pháp đầu tiên của Ngài. Trong Phật giáo Tây Tạng, có một đồ hình mạn-đà-la mô tả một con nai đứng trên một đám mây trắng, trên đầu có hình ảnh của một Cây Sự Sống. Vì nai được coi là sứ giả của tình thương phổ quát, việc quán tưởng trước

đồ hình mạn-đà-la này được cho biết là có khả năng mở ra ý thức của con người đối với tính cách huyền bí của sự an bình vô hạn.

Trong một cái hồ gần Vườn Nai ở Nara, người Phật tử Nhật Bản mang những sinh vật nhỏ bé sống dưới nước đến rồi thả chúng trong một nghi lễ gọi là "phóng sinh". Nghi lễ này được coi là biểu hiện cho sự sám hối và lòng thương xót. Những đứa trẻ Nhật Bản đến tận mép hồ, mang theo những bốn đặng cá vàng. Cha mẹ và ông bà chúng đứng bên cạnh chúc phúc cho chúng, khuyến khích chúng thả những con cá vàng xuống hồ. Chỉ một luồng ánh sáng màu vàng nhoáng lên, những con cá biến mất. Khi thấy bảy cá thong dong bơi với nhau thành đoàn trong hồ, gương mặt những đứa trẻ ánh lên nét diệu kỳ vì chúng đã ban tặng món quà tự do cho những con cá nhỏ bé.

Trong nền văn hóa Nhật Bản, sự liên kết với đời sống sinh vật được coi là một trải nghiệm quan trọng đối với trẻ em vì điều này dạy cho con trẻ niềm vui trong việc bảo vệ những sinh vật vô tội. Hãy tưởng tượng xem điều gì sẽ xảy ra nếu toàn thể con trẻ trên khắp thế giới đều tìm được hạnh phúc trong việc bảo vệ đời sống, gìn giữ sự tự do, và vui sống trước hạnh phúc của kẻ khác. Khi trẻ em được nuôi dạy để có được một tình thương như thế, một thái độ bảo vệ sinh vật như thế, chắc chắn sẽ không trở nên tàn nhẫn khi chúng thành người lớn; và sự chín chắn, lòng tử tế của chúng cũng sẽ tràn ra trong sự tương tác của chúng với đời sống.

Sinh vật là những tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời hơn bất kỳ điều gì mà con người có thể sáng tạo. Làm sao mà ta có thể dửng dưng đến vậy trước những tài sản vật chất của mình trong lúc lại tàn nhẫn đến vậy trước mạng sống quý giá của một sinh vật? Sinh vật khao khát có được niềm tin và sự tin tưởng nơi chúng ta, và thường có sự trung thành vượt qua rất nhiều so với mọi điều có trong địa hạt của loài người. Không thiếu những con chó bị đối xử tàn tệ vẫn ở lại với chủ của chúng dù tốt hay xấu, và những con vật hoang dã đang sợ hãi hay đau ốm vẫn tìm đến những người gần nhất để mong được cứu giúp.

Ở phương Tây, niềm tin rằng sinh vật đang tiến hóa để đạt tới sự giác ngộ, tìm kiếm sự an ủi về tâm linh, và được hòa hợp làm một với Thượng đế, nhiều nhất cũng chỉ được coi là một quan điểm hết sức cực đoan. Tuy nhiên, một điều thú vị khi biết rằng chim chóc và nhiều sinh vật nhỏ bé đã từng tụ họp dưới chân Thánh Francis of Assisi khi vị này nói với chúng về Đấng Sáng Thế. Trái tim thần bí vĩ đại của Thánh Francis of Assisi đã đến được với "những anh chị em bé nhỏ" của ngài như ngài nói về chúng, trong lúc ở một khu vực khác của thế giới, những người Phật tử từ lâu đã chọn cùng cách gọi như thế để nói về các sinh vật. ■

Nguồn: *Buddhism and Animals*, <http://www.anaflorea.com>

Đình Đồng Tĩnh làng tôi

VŨ HUẾ

Làng tôi, làng Đồng Tĩnh (nay thuộc xã Thái Dương, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình) trước sau có hai ngôi đình thờ Thần hoàng trên hai cái nền khác nhau; nền trước tôi không biết, đơn giản là khi tôi chưa được sinh ra thì nền đã không còn.

Đình làm lần thứ nhất, nghe nói nền ở ngay trước ngõ nhà tôi, nằm ở giữa làng nhưng lại ra phía sau. Đình không có trong tàng thư lưu trữ của Pháp, bị sụp đổ vào những năm đầu của thế kỷ XIX. Đình làm lần thứ hai không dựng lại trên nền đất cũ mà được đưa ra phía trước, mặc dù vẫn nằm ở khu vực giữa làng. Người Pháp cấp phép xây dựng vào giữa năm Duy Tân (1911) vì lúc ấy họ đã cai trị nước ta được vài chục năm rồi. Theo bản gốc giấy phép do người Pháp cấp số 8174 (được sao ra tại Hà Nội ngày 21-12-2003 mang dấu ấn ký của ông Hoàng Ngọc Sinh, Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp, Viện Thông tin Khoa học Xã hội thì hồi đó, làng tôi có hai ông họ Vũ chủ trì. Ông thứ nhất là cụ Vũ Văn Hi (thời ấy là Lý trưởng, Bá hộ), người thứ hai là cụ Vũ Văn Phú (Thư ký Hội đồng Kỳ mục kiêm Trưởng bạ). Cụ Phú là ông nội tôi, tôi thuộc thế hệ thứ ba, năm nay 80 tuổi. Sau các cụ Phú cụ Hi, làng còn có các cụ

như cụ Cựu Tạ, cụ Chánh Rực, cụ Phó Am, cụ Phó Bá, cụ Chánh Tư... Nguồn tài chính xây dựng thuở ấy, hai cụ Hi, Phú trông vào việc bán các chức sắc trong làng như Lý trưởng, Phó lý, Bá hộ, Ty sự, Ty bạ cộng với thuế điền địa, thuế thân và các thứ thuế khác mà có.

Đình làm lần thứ hai đã có một bước ngoặt lớn về mặt vật liệu. Lúc trước, làng làm đình bằng gỗ tạp mau hỏng. Lần hai, gỗ là gỗ lim lõi trăm phần trăm, cột người ôm không hết đặt trên các tảng đá đèo nổi trên mặt đất, phiến vuông vức nặng phải vài tạ. Về kiến trúc, các cụ xây hai đình liền nhau kiểu chữ Nhị. Đình trong ngắn và nhỏ chuyên để đồ cúng tế như bàn thờ, án thư, gương đao, mũ áo... Đình ngoài dài ba gian rộng hàng trăm mét vuông kiến trúc kiểu Thượng dư, hạ bầy, chống đầu hoa sen, kẻ cột năm con, ngưỡng chống lá ngách, cửa ô khung khách trạm trổ tinh vi do hai kíp thợ nổi tiếng thời ấy đảm trách; kíp thứ nhất là nhóm thợ làng Đồng Hồ huyện Đông Quan, Thái Bình. Kíp thứ hai là nhóm thợ Cao Đài huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Đình thờ Thần hoàng Đông Hải Đại Vương (tên húy là Đoàn Thượng) người làng An Tân, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương ngày nay. Ông sinh vào cuối đời nhà Lý (vua Lý Huệ Tông 1211-1224) coi giữ Châu



Ảnh: **Vũ Xuân Lâm**

Đảng bị Nguyễn Nộn, một vị quan trong triều làm cuộc “đào chính” giết chết.

Theo thuyết phong thủy, đình được xây vào thế “lưng Rồng” (vẫn gọi là “Rồng đất”) đầu làng, là đầu Rồng, có miếu Hạt Ngọc; cuối làng, là đuôi Rồng, có chùa Vi Long giờ còn, nay đã 300 tuổi. Đình làm ra, làng cúng các tiết trong năm như sau:

- Lễ cúng Giao thừa (tất niên)
- Lễ Nguyên tiêu (15-1 âm lịch)
- Lễ Đoan Ngọ (ngày 5-5 Âm lịch)
- Lễ Hạ điền (mùa cấy)
- Lễ Thương tân (cơm mới)
- Lễ Bôi tường (cuối năm).

Ngoài những lễ đó ra, đình còn là nơi hội họp các chức sắc trong làng bàn việc “tối thượng” của làng, để ra những quyết sách.

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám tại Hà Nội chỉ có hai ngày, mặc dù Đồng Tỉnh cách Hà Nội hơn trăm cây số, đình Đồng Tỉnh đã tổ chức được một cuộc mít-tinh lớn chưa từng có để chính quyền lâm thời lúc bấy giờ ra mắt quốc dân đồng bào. Đến tháng 11 năm 1947, hai năm sau khi giành chính quyền từ tay Pháp, đình lại tổ chức cuộc đón đoàn Hải Kiến (tức lực lượng vũ trang Hải Phòng, Kiến An)

về làm lễ ra mắt chính quân chính huấn, góp phần vào việc đẩy mạnh cuộc kháng chiến chín năm đi đến thắng lợi.

Qua thời gian năm tháng, ngôi đình xuống cấp nặng. Trong cuộc kháng chiến, quân Pháp bắn súng đại bác vào một bên chái làm thủng tường, vỡ ngói. Năm 1960, để có được vật liệu chính là gỗ lim, làng buộc phải dỡ đình trong lấy gỗ sửa đình ngoài. Tuy nhiên việc làm chỉ là lối “giật gấu vá vai” không đi tới đâu. Năm 1990, đình lại một lần được sửa chữa nhưng vẫn chưa hoàn thiện. Mãi đến ngày 13-9-2009, làng làm cuộc “tổng sửa”, tức ra lời kêu gọi cả người đi xa lẫn người còn ở làng, giúp làng bằng mọi cách cứu lấy ngôi đình cổ đã có trên trăm tuổi. Lời kêu gọi được nhiều người xa gần ủng hộ triệt để. Những người xa quê, có người đóng góp cả 100 triệu. Nhờ vậy, làng có tiền sửa đình.

Cách nay hai năm, sau khi hoàn tất việc sửa đình, làng “tư giấy” đi khắp nơi, mời tất cả con em xa gần về cùng với làng “mở hội đình”. Trong câu chuyện hội ngộ, có người nhắc lại câu ca dao, “Ai lên Đồng Tỉnh Huê Cầu, Đồng Tỉnh bán thuốc, Huê Cầu nhuộm thâm” để thấy làng mình cũng đã đi vào văn học dân gian một thời. Trước thế nào sau thế vậy, đình giờ vẫn là nơi hội tụ gặp gỡ kẻ đi xa về với “người gần”. ■



Văng cảnh Thiền viện

Bài & ảnh: THANH TÂM

Thiền viện Trúc Lâm Phương Nam tọa lạc tại xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, nằm trên tuyến Lộ Vòng Cung, cách Làng du lịch Mỹ Khánh khoảng 1.000 mét. Thiền viện được xây dựng theo phong cách truyền thống thời Lý-Trần, khởi công vào ngày 16-7-2013, hoàn thành sau 10 tháng thi công. Ngày 17-5-2014, lễ khánh thành Thiền viện Trúc Lâm Phương Nam đã được Ban Trị sự Phật giáo TP.Cần Thơ tổ chức một cách trọng thể. Trụ trì Thiền viện hiện nay là Đại đức Thích Bình Tâm, trước đây trụ trì chùa Long Quang – Bình Thủy.

Có thể nói, đây là ngôi chùa lớn nhất ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, có kết cấu mái lợp ngói, khung cột bằng gỗ quý, gồm những hạng mục chính như: Chính điện (Đại hùng bửu điện), nhà Tổ (Tổ ấn trùng quang), tháp chuông, tháp trống, hội trường làm nơi giảng pháp có thể quy tụ hơn 500 Tăng Ni, Phật tử. Bên cạnh đó còn những hạng mục khác như khu Tăng xá, nhà khách; khu trai đường, thư viện, nhà thủy tạ và Phòng thuốc Nam...

Theo ông Phạm Văn Trà, nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng, là người đề xuất và cũng là Trưởng ban vận động đóng góp xây dựng Thiền viện Trúc Lâm Phương Nam, việc xây dựng Thiền viện xuất phát từ tâm nguyện của ông muốn khôi phục Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử của Phật hoàng Trần Nhân Tông. Đặt tên Phương Nam cho Thiền viện, ông mong muốn phái Trúc Lâm Yên Tử sẽ phát triển mạnh từ Bắc đến Nam, đáp ứng nhu cầu tín

ngưỡng tâm linh cho các tầng lớp tín đồ Phật tử trong thành phố cũng như cả nước.

Du khách đầu tiên khi đặt chân đến đây không khỏi ngỡ ngàng trước dáng vẻ độc đáo của ngôi chùa mang bản sắc văn hóa kiến trúc thời Lý – Trần. Cổng chính Thiền viện là những vòm mái vút cong với hình đầu rồng cách điệu, cửa làm bằng gỗ quý sơn màu nâu bóng loáng. Phía trong cổng là sân gạch rộng rãi, thoáng đãng. Bên phải là nhà thủy tạ nằm trên mặt hồ tròn vành vạnh gợn sóng lăn tăn, với những bông hoa súng khoe sắc tươi thắm dưới ánh mặt trời. Dẫn vào nhà thủy tạ là một cây cầu, thành cầu sơn màu đỏ (sắt giả gỗ), đường dẫn lát xi-măng, bên trong nhà thủy tạ có bức tượng Phật Di-lặc bằng gỗ quý (màu nâu), với nét mặt vô ưu, chỉ cần nhìn ngắm khuôn mặt Phật, người phàm muộn cũng cảm thấy vui lây, lấy tay xoa bụng Phật được cho là đem lại vận may và sự tốt lành. Phía bên trái (đối xứng bên phải) cũng là nhà thủy tạ, với lối kiến trúc giống nhau, duy chỉ khác có bức tượng thờ Phật Bà Quan Âm bằng đá trắng cao khoảng hai mét được đặt trang trọng bên trong với vẻ mặt bao dung, thánh thiện như soi rọi hết mọi đau khổ của chúng sinh và sẵn sàng ra tay “từ bi” cứu độ. Dưới chân tượng có lư hương, nhang đèn để khách thập phương tiện việc chiêm bái. Cũng cần nói thêm là trên đường dẫn vào chính điện có hai hàng tượng bằng đá hoa cương xếp song song (mỗi bên chín tượng) với nghệ thuật điêu khắc thật khéo léo, tượng trưng cho tín ngưỡng đặc thù dân gian. Các bức tượng tuy toát lên vẻ siêu nhiên, kỳ bí của các bậc Thánh; nhưng thật sự gần



Trúc Lâm Phương Nam

gũi với chúng sinh. Đó là tượng 18 vị La-hán (Thập bát La-hán). Và, điều đáng chú ý là tất cả các pho tượng, cây cảnh (đại thụ) trong thiền viện đều do các vị lãnh đạo Nhà nước, các công ty, xí nghiệp và các mạnh thường quân cung tiến.

Tiếp tục đi bộ trên khoảng sân gạch khá dài và rộng, du khách sẽ đến sân nơi chính điện. Phía bên phải là tháp chuông với mái cong cao vút, bên trong là đại hồng chung (chuông đồng) nặng 1,5 tấn, còn bóng loáng (do gia đình ông Lê Công Út cung tiến). Bên trái là tháp trống cũng cùng lối kiến trúc như tháp chuông, trong đó trống đặt trên giá gỗ được chạm trổ thật công phu, tinh xảo, mang tính nghệ thuật cao (do gia đình ông Phạm Văn Trà cung tiến). Hai công trình nghệ thuật này mô phỏng theo lối kiến trúc tháp chuông chùa Keo (tỉnh Thái Bình). Kế bên tháp trống là mô hình chùa Một Cột thu gọn, biểu tượng cho thủ đô nước Việt Nam.

Khi đã chiêm quan thỏa thích những tuyệt tác nghệ thuật bên ngoài nơi Thiền viện, du khách sẽ dừng chân bên trong chính điện (còn gọi là Đại hùng bửu điện) để chiêm bái. Đập vào mắt du khách trước hết là toàn bộ khu chính điện thật thâm nghiêm, cổ kính, nền lót gạch tàu màu đỏ thoáng mát. Chính điện được xây dựng bằng 44 cột gỗ lim, mỗi cột to cỡ vòng tay ôm người lớn, được bào nhẵn và phủ sơn bóng loáng. Tất cả các cột đều được đặt trang trọng trên những tấm tán bằng đá xám vân mây, chạm trổ hình hoa sen cách điệu. Giữa chính điện là tượng Phật Thích-ca bằng

đồng mạ vàng, cao khoảng hai mét (nặng 3,5 tấn) tinh tọa nơi tòa sen uy nghi. Phía phải chính điện là bệ thờ tượng Bồ-tát Văn Thù và Đức Chúa Ông. Phía trái là bệ thờ tượng Bồ-tát Phổ Hiền và Đức Thánh Hiền (tất cả đều làm bằng gỗ thủy tùng (gỗ Du Sam 800 năm), chạm trổ thật tinh vi khéo léo. Trên mỗi cột có những câu liễn đối (bằng tiếng Việt trên nền vàng chữ đen) toát lên sự trang nghiêm, khiến du khách khi đặt chân vào đây lòng cảm thấy lâng lâng như thoát khỏi cảnh trần gian đầy ô trọc này.

Sau khi chiêm bái nơi chính điện xong, du khách đi dọc hành lang phía hông chính điện sẽ đến nhà Tổ (Tổ ấn trùng quang) bên trong có các tượng thờ thật trang nghiêm như: Phật hoàng Trần Nhân Tông (giữa), Tổ sư Pháp Loa (trái), Tổ sư Huyền Quang (phải), phía sau cùng là Tổ sư Đạt Ma... Tất cả đều bằng gỗ được chạm trổ khá tinh xảo. Đây cũng là những công trình nghệ thuật điêu khắc tiêu biểu đáng nhớ...!

Tuy mới đưa vào hoạt động, nhưng hàng ngày có hàng trăm lượt khách thập phương đến tham quan, chiêm bái. Và, hàng tuần, Thiền viện đều có tổ chức sinh hoạt đạo tràng với rất đông Phật tử mọi nơi tham dự, gồm các hoạt động chính như: tụng kinh, sám hối, nghe thuyết pháp, ngồi thiền...

Nếu có dịp đến TP.Cần Thơ vào những ngày hè, mời bạn hãy cùng bạn bè và người thân tổ chức một chuyến du lịch tâm linh đến Thiền viện Trúc Lâm Phương Nam để chiêm quan những công trình nghệ thuật độc đáo nơi đất Tây Đô này. ■

Người con nuôi

HƯƠNG ĐỨC



Ngồi trước bàn tiệc trong đám giỗ mẹ của anh Ba Lượm, tôi chợt liên tưởng đến chuyện cũ; chuyện anh phải đi viện cấp cứu khởi nguồn từ một thang thuốc rượu bán trôi nổi trên xe buýt.

... Một lần, một người hàng xóm tốt bụng đi xa về đã mua làm quà biếu mẹ anh Ba Lượm một thang thuốc rượu Thập Toàn Đại Bổ. Tuy đã ngâm rượu nhưng thấy thuốc không địa chỉ, gốc gác rõ ràng; và vào thời điểm đó, có tin tức lan truyền về những thang thuốc Thập Toàn Đại Bổ pha lẫn lá ngón gây chết người nên anh sợ; anh đã bảo mẹ đừng dùng. Mẹ anh, phần tiếc của, phần vì quý trọng tình cảm của người cho, đã không nghe lời can gián của con mà cứ đòi uống để trị bệnh đau nhức tay chân của bà. Túng thế, anh đã uống thử trước xem có tác hại gì không, không ngờ bị trúng độc. Về sau, xem lại, thấy trong gói thuốc đó có chứa rất nhiều vị thuốc mã tiền; loại đông dược này tuy được dùng để trị bệnh nhưng phải sử dụng liều thật thấp, vì nó có độc tính cao, khi ngộ độc là bị co giật. Có nhiều người uống thuốc phạm liều, lên cơn co giật, từ trên giường té văng xuống đất, không chết vì ngộ độc thì cũng chết vì chấn thương sọ não...

Đang miên man nhớ lại chuyện xảy ra hơn hai mươi năm về trước, tôi giật mình khi nghe tiếng anh Ba Lượm nói "Mời anh uống với em ly rượu, trước là nhớ ngày giỗ má em, hai là mừng cho tụi em có được căn nhà che nắng, che mưa". Tôi lịch sự nhấp môi, rồi nhăn mặt vì không quen uống rượu, cười. Chúc mừng anh, tôi nói, nhà to đẹp thế này mà chỉ che mưa, che nắng thôi sao, nếu vậy, cầu cho dân mình ai cũng có căn nhà che nắng che mưa như anh. Anh nắm tay tôi thật chặt, tỏ ý cảm ơn, rồi tiếp tục đến từng người khác mời rượu.

Nhìn bàn thờ Phật đặt trang nghiêm giữa phòng khách của ngôi nhà cao to mới cất, hương đèn, hoa quả tinh tươm, ảnh tượng Bồ-tát Quán Thế Âm thêm rực rỡ dưới ánh đèn màu, nhìn di ảnh của mẹ anh Ba Lượm, trên bàn thờ thức ăn, đồ uống bày cúng đủ loại ngon lành, tôi có cảm giác như bà đang cười, mừng cho thằng con đã thoát khỏi cảnh nghèo khổ triền miên.

Cuộc đời anh Ba Lượm có thể nói đã khổ từ khi mới chào đời. Người mẹ cưu mang, nuôi dưỡng cho anh nên vóc, nên hình không phải là mẹ ruột sinh ra anh. Bà

đã nhận anh về nuôi trong một hoàn cảnh đặc biệt ở thời chiến tranh mấy mươi năm

về trước. Một hôm, bà đi chợ,

tình cờ bị một tốp lính bắt

cùng nhiều người khác,

đưa đến dọn dẹp một

đồn lính bị tấn công,

đốt cháy. Những

người trong đồn

này đều chết hết,

bà đã tìm thấy

anh trong một

góc tường hầm bị sập, lúc đó anh mới vài tháng tuổi, đang bú núm vú của mẹ đã chết lạnh từ lâu. Bà mang anh về nuôi dưỡng, đặt cho cái tên là Ba Lượm, gọi anh là thứ ba vì bà nhớ đến thằng con trai duy nhất của bà đã bị chết trong chiến tranh...

Mang anh về, bà hết lòng nuôi dưỡng, khi thì xin bú thép, lúc kiếm mua sữa dê, lần thì khuấy nước cơm pha sữa bột đút mớm từng muỗng cho anh; cực nhọc, vất vả trăm bề để nuôi lớn anh. Rồi dù nhà nghèo, đơn chiếc, bà cũng gắng cho anh đi học cho biết cái chữ, biết con toán để không thua người, thua bạn. Đáp lại, anh trở thành người con hiếu thảo đến mức nổi tiếng ở quê tôi, cứ nhắc đến anh thì người ta lại nhớ đến hai chữ "có hiếu". Đi đâu anh cũng lo về sớm để săn sóc mẹ, có món ngon là nghĩ đến mẹ trước tiên. Nhà tuy nghèo, nhưng khi cầm câu kiếm được con cá lóc to, đặt trộm được con lươn vàng béo, bao giờ anh cũng để dành, nấu cho mẹ ăn chứ chẳng chịu bán, dù ai có trả giá cao.

Sau ngày đất nước giải phóng khoảng hai năm, anh đến tuổi lấy vợ, mẹ anh lại nhờ mối mai tìm vợ cho anh. Tất cả đều do bà sắp xếp, mọi việc anh nhất mực nghe theo, chẳng nửa lời chê bai, cãi cọ để mẹ buồn lòng. Cũng may cho anh, gặp được người vợ giỏi giang hiền thực, hiếu thuận, biết lo làm ăn nên cuộc sống của ba mẹ con cũng không đến nỗi nào... cho đến khi bốn đứa con lần lượt ra đời.

Tuy vất vả, chạy ăn từng bữa cho gia đình, nhưng có điều rất quý là anh vẫn hết lòng phụng dưỡng mẹ già. Anh thường nói với vợ con, chúng ta còn trẻ, thiếu gì dịp để ăn, bà nội giờ đã già yếu, cần ăn uống đầy đủ để có sức khỏe mà sống. Khi có món ngon, vật lạ là anh chăm chăm lo cho mẹ ăn trước, còn thì mới tới vợ con. Có lần đến nhà anh, tôi thấy ở nhà trên, mẹ anh ăn cơm trắng, canh rau, thịt cá đang hoàng; xuống nhà dưới, thấy anh cùng vợ con quây quần bên nồi cơm gạo đỏ rẻ tiền, với tô rau rừng luộc qua quýt cùng một đĩa mắm ruốc kho sả đen ngòm, khô khốc. Tôi nhìn, thâm hiểu và khâm phục tấm lòng hiếu thảo của anh.

Rồi mẹ anh mất đột ngột do bị tai biến mạch máu não. Cái chết của mẹ là một cú sốc quá lớn với anh. Trong đám tang, tôi thấy anh mặt mày xanh mét, cứ như người mất hồn, nước mắt giàn giụa, khi thì vuốt ve quan tài khóc kể, khi thì nằm co dưới đất cạnh quan tài, mắt mở trừng trừng như cố nuốt nỗi đau vào lòng; người vô tình nhất, nhìn vào cũng cảm nhận một nỗi thống khổ không thể diễn tả thành lời bao trùm lên tâm hồn lẫn thể xác anh.

Sau đám tang, do ở gần nhà, những lúc trời mưa dông, sấm chớp, tôi thường thấy anh chạy ra mộ mẹ, khi thì thấp hương, khi thì đốt con cúi. Dưới tấm bạt che mộ, khói tỏa mờ mờ, nhìn dáng anh gầy gò quỳ bên mộ, thấy tội nghiệp vô cùng. Có lần anh tâm sự với tôi, hồi còn sống, má tôi rất sợ sấm chớp, mỗi khi nghe tiếng sét nổ là bà quíu tay, quíu chân, nói lắp... hôm đám ma,

nghe mấy thầy nói, trong vòng bốn chín ngày sau khi mất, hồn người chết còn quanh quẩn nơi mình ở, tôi lo mẹ sợ sấm chớp nên ra mộ cho bà bớt sợ.

Do hoàn cảnh khó khăn, các con anh đều phải nghỉ học sớm. Thành lớn đi làm công nhân bốc vác; hai đứa con gái mới lớn lên Sài Gòn đi giúp việc thuê; thành nhỏ nhất, ngày ngày lặn hụp dưới sông, mò hến, bắt tôm, bắt cá kiếm miếng ăn cho gia đình. Hai vợ chồng anh cũng đầu tắt mặt tối lo làm việc để kiếm cái ăn, cái mặc và kiếm tiền trả nợ đã vay. Tương lai gia đình thấy mù mịt vì đói nghèo.

Một hôm, thấy anh đang ngồi cạo rửa rong đóng trên viên đá to đặt dưới chân cột bàn thờ ông thiên ngoài trời, tôi ghé vào nói chuyện với anh. Nhìn viên đá to, bóng láng do thường xuyên được cạo rửa, tôi không hiểu mẹ của anh đặt viên đá nơi đây làm gì, có phải là một dạng tín ngưỡng thờ linh vật, hay là biểu tượng cho đất, cho trời. Tôi hỏi anh, anh bảo lớn lên thì đã thấy nó rồi, mà tôi thờ nó như một linh vật, cầu mong cho gia đình an ổn, làm ăn khá giả... nhưng mà sao tụi tôi cứ khó khăn, vất vả hoài, hết chuyện xui này tới thì chuyện rủi khác lại đến. Nghe anh nói với giọng trầm tư, vốn biết nhà anh, ngoài bàn thờ ông bà và cha mẹ thì anh không có thờ Phật hay đạo giáo nào khác, tôi liền nhẹ nhàng phân tích; theo lời Phật dạy, mỗi người khi sanh ra đời, đều mang theo nghiệp xấu, tốt đã tạo từ tiền kiếp và chính những nghiệp xấu, tốt đó kết hợp với những nghiệp tạo tác trong hiện đời, sẽ khiến người đó có những vận mệnh khác nhau, kẻ may mắn, khỏe mạnh, giàu sang, kẻ xui rủi, nghèo hèn, bệnh tật. Và vận mệnh của một con người không ai có thể trực tiếp thay đổi, kể cả thánh thần, Trời Phật mà chỉ chính người đó mới có thể thay đổi vận mệnh của mình bằng những hành động, việc làm thiện, ác. Đó là luật nhân quả, bù trừ. Tôi nói tiếp, tôi đã sống, gần gũi với gia đình anh mấy chục năm nay, biết anh là người chí tình chí hiếu, một đức tính rất quý, luôn được người đời ca tụng nhưng gia cảnh anh, tai nạn, xui rủi cứ đến hoài, có lẽ đó là do nghiệp của tiền kiếp gây ra, tôi có lời khuyên chân tình là anh nên phát tâm thờ Phật và học, thực hành những lời Phật dạy để tìm cách hóa giải những nghiệp xấu, tạo nghiệp tốt, mới mong có thể thoát khỏi những khó khăn trong đời sống hiện tại và tương lai.

Anh nghe tôi nói xong, có vẻ suy nghĩ rất nhiều; lát sau, anh nắm tay tôi, bảo, bao nhiêu năm qua, tôi cứ thắc mắc hoài về những gì đã xảy ra với tôi và gia đình tôi, nhưng không hiểu vì sao và cảm thấy bế tắc, không tìm được một con đường nào để thoát khỏi hoàn cảnh ngày càng tệ này, nay nhờ anh chỉ dẫn, tôi đã hiểu phần nào, tôi xin theo lời anh, tôi sẽ thờ Phật và học, làm theo những điều Phật dạy; nhưng thú thật, do chúi mặt, chúi mũi tìm miếng cơm, manh áo hàng ngày nên chuyện chùa chiền, đạo pháp, tôi không rành, nay mọi việc khởi đầu, xin nhờ anh hướng dẫn, giúp giùm, tôi rất cảm ơn.

Nghe anh nói, tôi rất mừng, hứa sẽ hết lòng giúp. Sẵn

ở nhà có một khuôn ảnh Bồ-tát Quán Thế Âm do một đứa cháu ở Sài Gòn gửi về, dặn tôi tặng cho những ai phát tâm thờ Phật, tôi liền đem tới ngôi chùa trong xã, nhờ sư cô trụ trì chú nguyện hàng ngày. Đến ngày rằm trong tháng đó, tôi chở anh đến chùa, cúng dường và rước ảnh Bồ-tát về thờ. Tôi đã mua tặng anh lư hương và một số trái cây tươi để cúng an vị Phật. Trong buổi lễ, tôi cùng anh lễ lạy. Tôi quỳ, chấp tay cầu nguyện, mong chư Phật và Bồ-tát Quán Thế Âm hộ trì cho anh sớm giác ngộ, tìm được con đường sáng để đi và thoát khỏi cảnh khổ nạn triền miên.

Một thời gian dài kể từ khi anh bắt đầu thờ Phật, học giáo lý ở chùa và qua kinh sách, tôi thấy đã có những chuyển biến rất lớn trong anh, từ cách ăn nói và hành xử hàng ngày, với chiều hướng tốt. Đặc biệt, gia đình anh bắt đầu yên ổn, không có những nạn tai xảy ra thường xuyên như thời gian trước. Trong năm đó, anh và vợ đã quy y Tam bảo tại ngôi chùa trong xã nhà. Rồi trong đợt di dân đi vùng kinh tế mới, anh đã đăng ký đi miền Đông lãnh mấy mẫu đất làm rẫy. Ngày hai cha con ra đi, có dắt nhau đến chào tôi già từ. Vợ anh ở lại quê để giữ nhà cửa và mồ mả cha mẹ chồng.

Sau một thời gian dài, gần chục năm vất vả, chạy tới chạy lui với hoàn cảnh một thân hai nhà, vận may đã mỉm cười với anh, mấy mẫu đất do anh sở hữu nằm trong quy hoạch khu công nghiệp, anh đã được đền bù thỏa đáng. Với số tiền có được và số đất còn lại, anh dùng cất nhà trọ cho công nhân thuê, giao cho thành con út quản lý, đồng thời, anh về quê, tu sửa mồ mả cha mẹ, xây mới căn nhà cũ đã hư hỏng nhiều do thời gian. Hai đứa con gái và thành con lớn đã có gia đình, nhờ anh giúp đỡ, nay đã có nhà cửa, công ăn, chuyện làm ổn định. Cuộc sống của gia đình anh đã bước vào giai đoạn xán lạn, an lạc...

... Tiệc tan, tôi đến thắp hương xá Phật; chợt thấy ảnh mẹ anh trên một bàn thờ gần đấy, tôi nghĩ đến mẹ anh, người mẹ tận tụy, thương yêu con nuôi như con đẻ, và nghĩ đến tấm lòng hiếu thảo, hết lòng thương kính mẹ của anh. Từ già gia chủ ra về, khi đi gần tới cánh cổng, tôi bỗng chú ý đến cặp chậu hoa hồng to đặt ở hai bên đường vào nhà, hoa trong chậu nở rộ một màu đỏ thắm, mùi hương cao sang, tỏa dịu dịu khiến tôi tỉnh cả người. Nhìn hoa, chợt nhớ đến bài ca *Bông hồng cài áo*, tôi khe khẽ hát, một bông hồng cho anh, một bông hồng cho em, một bông hồng cho những ai đang còn mẹ, để lòng mình vui sướng hơn... Ôi, cái hạnh phúc mong manh khi còn được sống với mẹ... cầu mong những người đang có được hạnh phúc đó biết cảm nhận, biết trân trọng, biết yêu thương từng giây, từng phút; bởi đến một ngày, chắc chắn họ sẽ bị mất đi cái hạnh phúc không gì thay thế được đó vì theo quy luật tử sanh, vô thường, mẹ không thể sống mãi cùng với ta.

... Chỉ còn mấy ngày nữa là đến rằm tháng Bảy âm lịch, mùa Vu-lan báo hiếu lại về. ■



Mùa hè học ở cõc của t reũ a quẽa

Bài & ảnh: NGUYỄN HOÀNG DUY

Đến xóm lao động “ổ chuột” tại hẻm B6 đường Trần Đại Nghĩa, huyện Bình Chánh, TP.HCM vào mùa hè, người ta dễ nhận ra một điều rất thú vị: Đó là tiếng trẻ con nhốn nháo như chim sổ lồng.

Mùa hè, nghỉ học, thay vì được vui đùa cùng bạn bè ở quê nhà hoặc được đi thăm thú nơi này nơi khác thì đám trẻ này phải xa quê, đến Sài Gòn mưu sinh cùng ba mẹ. Hình ảnh này trở thành nếp quen đối với chủ nhà trọ và hàng xóm xung quanh nên dù có ồn ào cũng chẳng ai phàn nàn. Họ quá thấu hiểu và cảm thông đối với những đứa trẻ xa quê.

Xóm của những đứa trẻ xa quê

Vừa bước vào dãy nhà trọ B6/6, tôi đã khựng lại vì một thằng bé tròn vo từ trong ngách nhảy ra nhanh nhẩu mời mọc: “Chú! Mua giùm con vài tờ vé số đi chú! Mở hàng giúp con đi”. Tôi cười, pha trò với nó: “Trưa rồi còn mở hàng gì nữa?”. “Mở hàng lại”, nó lém lỉnh trả lời. Đùa với thằng bé một tí, tôi vội rút ví ra mua giúp nó vài tờ, còn dư tiền thối tôi tặng luôn cho nó. Được dịp hỏi thăm, tôi biết thằng bé tên Quốc Nguyên, chín tuổi, người Hoa, quê ở Kiên Giang. Cậu vừa học xong lớp 3, cha mẹ đã vội

rước lên Sài Gòn để mưu sinh. Tôi hỏi Quốc Nguyên: “Lên Sài Gòn cháu có nhớ nhà không?”. Sau từ “không”, thằng bé nhanh tay kéo tôi vào hai dãy nhà trọ. Nơi đây, hầu như nhà nào cũng có con nít như ở quê nhà nên Nguyên chẳng thấy buồn. Nguyên giới thiệu cho tôi những bạn mới quen chừng mười ngày, nào là: Cẩm Tú, Lâm Hiền, Thạch Mừng... ở cùng dãy trọ. Chị Mai, mẹ của bé Quốc Nguyên cho biết, vì nhớ con, lại muốn con mình giảm gánh nặng cơm áo gạo tiền nên các bậc cha mẹ ở đây đều rước con lên Sài Gòn ở chung. Chỉ có vài trẻ khi nghỉ hè lên đây là đi chơi thực thụ (được du lịch), còn lại đa số các trẻ phải nấu ăn cho ba mẹ, đi bán vé số dạo, làm đồng lạnh (phân loại tôm, khô) hoặc phụ bung bê hàng ăn... Trẻ nào cũng có việc, từ sáng đến tối, chỉ có buổi trưa là chúng tụ họp tại phòng trọ. Những giây phút hiếm hoi ấy, thay vì ngủ nghỉ thì bọn trẻ họp lại thành nhóm chơi trò chơi. Chỉ được 15-20 phút nhưng đối với chúng thật hạnh phúc vì được chơi, được kết bạn và được làm điều mình muốn. Dù không cùng quê hương, không cùng dân tộc



(Kinh - Hoa - Khmer - Chăm) nhưng bọn trẻ xem nhau như người một nhà.

Mùa hè khắc nghiệt

Chẳng những khắc nghiệt dưới cái nắng nóng như thiêu như đốt của tháng sáu Sài Gòn, bọn trẻ còn chịu nhiều áp lực với công việc đang làm. Cậu bé Lâm Hiền người Khmer, mười tuổi, quê huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nói: “Người làm ở đây giành giật lắm! Họ làm chưa hết mà cứ giành hàng nhiều rồi để đó. Hôm nào con không làm lẹ là họ lấy hết”. Hiền được ba mẹ xin vô xí nghiệp gần nhà làm với mức thu nhập từ 50.000 đồng đến 80.000 đồng/ngày, tùy theo sản phẩm. Nơi đây không cần hợp đồng lao động, tuổi tác nên bao

hiều tuổi không là vấn đề. “Thế có khi nào xí nghiệp của con hết hàng, buộc con phải ở nhà không?”, tôi hỏi. Thằng bé nói có, nhưng từ lúc vào làm đến giờ chỉ nghỉ một ngày. Khi được hỏi nghỉ ở nhà có vui không, Hiền lộ vẻ mặt buồn thiu: “Không vui! Con không làm là không có tiền, tội nghiệp ba mẹ lắm!”. Cậu bé chưa hiểu hết nghĩa tiếng Việt nên nghĩ sao nói vậy.

Không được ngồi một chỗ như Hiền, Quốc Nguyên phải đi bán vé số suốt ngày. Chỉ cần nhìn sơ qua đôi dép mòn đế, nỡ to như chiếc phà cũng đủ hiểu cậu bé đi bộ như thế nào. Tuy chỉ mới chín tuổi thôi nhưng cậu đã có “thâm niên” ba năm hành nghề bán vé số. Ba mẹ đều bán vé số nên Nguyên quen với việc này ngay từ lúc nhỏ. Mẹ Nguyên nói, hồi trước dẫn Nguyên đi bán chung cho khách thấy tội mua nhiều. Giờ thì cậu bé lớn rồi, có thể tự đi một mình được. Dù vậy, ba mẹ chỉ phát cho Nguyên mỗi ngày 50 tờ vé số đi bán quanh khu vực nhà trọ và chợ Khái Hoàn gần đó vì sợ cướp giật và xe cộ. Với tiền lãi 1.700 đồng/tờ, bán hết 50 tờ, Nguyên kiếm được 85.000 đồng. Nói thì dễ, có đi theo cậu mới biết gian khổ cỡ nào. Mỗi sáng, Nguyên được ba mẹ lo cho bữa điểm tâm, khi thì bằng cơm mới nấu, lúc là cơm nguội hấp lại; sau đó, cậu cầm xấp vé số lê đôi dép mòn ra trước chợ mời mọi người mua. Có hôm bán đắt Nguyên được về nhà sớm. Nhưng có những khi ế, mà lại sắp hết giờ, cậu phải chạy vắt giò lên cổ năn nỉ mọi người mua giúp. “Có bữa nó khóc như mưa nhờ tôi mua giúp vì gần đến giờ xổ số. Thấy tội nên tôi mua hết, chứ chẳng đời nào tôi chơi vé số”, chị Phượng chủ nhà trọ của Nguyên nói.

May mắn hơn hai cậu bé kia, cô bé Cẩm Tú mười hai tuổi, người Khmer, quê huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng, chỉ việc ở phòng nấu cơm, làm thức ăn và giặt đồ. Tuy vậy, Tú cũng chẳng sung sướng gì với căn phòng trọ ọp ẹp, trần thì lợp tole nóng như lửa đốt. Do đã học lớp bảy, lại là con gái nên Tú rất am tường chuyện bếp núc. Tôi hỏi cô bé: “Có khi nào ba mẹ không hài lòng bữa ăn do con nấu?”. Cô bé cười hết cỡ, nói: “Dạ, cũng có vài bữa con thấy không ngon. Nhưng ba mẹ rất dễ ăn, nói ăn để sống nên sao cũng được, không có chê”. Ba Tú còn nói cô bé nấu ăn “cừ” hơn cả mẹ.

Bé Thạch Mừng, mười tuổi, người Khmer, quê ở Trà Cú, Trà Vinh thì được làm việc trong tư thế “quan lớn”, vừa nằm võng đu đưa, vừa cắt chỉ quần áo, miệng thì ngâm nga ca hát. Mẹ cậu bé chuyện nhận hàng gia công về may công đoạn. Lẽ ra chị Điệp mẹ bé Mừng không rước con lên vì ở đây tù túng, con nít dễ sinh bệnh. Nhưng do đắt hàng, một mình chị vừa may vừa cắt chỉ, giao hàng... làm không xuể. “Lên đây chật chội, nước thì phèn, thấy tội cho nó quá. Nhưng chị ráng hết tháng Tám, đưa nó về nhà chơi cho thoải mái”, mẹ bé Mừng tâm sự.

Những ước mơ thối bùng mùa hè

Ngoài việc giúp ba mẹ giảm gánh nặng sinh hoạt, bọn trẻ còn có thể trang trải cho việc học sắp tới của mình:

mua sách vở, dụng cụ học tập, quần áo và đóng học phí. “Nếu còn dư, con sẽ bỏ ống heo để dành”, Nguyên khoe với mọi người. Chị Mai nói từ hồi còn học mẫu giáo, Nguyên đã thích làm công an, càng lớn cậu bé càng bộc lộ sở thích đó bằng việc bắt chước theo điệu bộ của mấy chú cảnh sát; trong những trận giả, lúc nào Nguyên cũng giành làm công an, rồi lấy củi làm súng... Nguyên mang bộ đồ cảnh sát giao thông mà mẹ mua cho khoe với tôi nhưng cậu bé không mặc mà để dành, khi nào về quê sẽ mặc đi chơi với các bạn. Nguyên thường nói với ba mẹ là “Lớn lên con sẽ là công an bắt cướp”. Thấy con có chí hướng giống ông nội, vợ chồng chị Mai ủng hộ hết mình nhưng chị nói làm sao biết trước được tương lai, sợ không đủ tiền lo cho Nguyên hoặc thằng bé trở chứng đi theo ngành khác.

Cô bé Cẩm Tú thì ước mơ sau này sẽ là cô giáo dạy tiếng Anh. Chính vì niềm đam mê đó mà Tú cố gắng chăm làm việc nhà để ba mẹ không bận tâm, lo làm thiệt nhiều tiền, có tiền cho Tú học thêm môn tiếng Anh. Chị Hồng, mẹ Tú nói: “Nó mê tiếng Anh từ cấp 1. Dù không hiểu người Anh nói gì trên ti-vi nhưng nó vẫn cứ xem say mê”. Quả thật, khi bước vào phòng Tú, có đầy đủ sách tiếng Anh cộng với băng đĩa. Tú vừa kết hợp làm việc nhà vừa bật máy cassette để nghe băng đàm thoại Anh ngữ. Vợ chồng chị Hồng hứa sẽ cho con học thêm tiếng Anh vào đầu tháng Tám (tại Sài Gòn) nên ba mẹ bảo gì cô bé cũng nghe lời.

Còn bé Thạch Mừng thì nói chắc như đinh đóng cột rằng sau này sẽ là bác sĩ. Cậu còn ngoéo tay với ba mẹ và cả tôi để giữ vững lập trường của mình. Ba của Thạch Mừng không mấy kỳ vọng vào cậu, vì học lực của cậu chỉ ở mức trung bình khá chứ không được loại giỏi, nhưng anh lại hy vọng “Biết đâu lớn lên nó sẽ khôn ra”. Dù là chậm hiểu hơn so với các bạn cùng lớp nhưng được cái Mừng cần cù, học lâu nhớ dai. “Tiền lương” mẹ trả, Mừng sẽ học thêm môn toán để giỏi lên, vì kết quả học lực không hài lòng vừa qua là do điểm môn toán thấp.

Chỉ có Lâm Hiền là nghĩ đơn giản nhất. Cậu nói sẽ học cho đến khi nào chán, không thích học nữa thì nghỉ, đi học nghề sửa xe gắn máy. Ba mẹ Hiền hứa sẽ tôn trọng quyền quyết định của con, dù rằng anh chị rất muốn con mình có tấm bằng đại học lận lưng.

Khi được hỏi cho trẻ kiếm tiền, tiêu tiền còn quá sớm, đặc biệt ở chốn phồn hoa của Sài Gòn, liệu trẻ có bị cám dỗ, sa lầy? Tất cả các ông bố bà mẹ đều có chung suy nghĩ, vì nghèo nên buộc lòng phải cho con mưu sinh nơi xứ người chứ nào ai muốn như thế! Trái với những gương mặt lo toan u ám của các bậc phụ huynh, các bé đều nở nụ cười toe toét, cứ sống cho ngày hôm nay. Nhìn lũ trẻ hồn nhiên chơi ú tim trong cái nắng gay gắt của buổi trưa hè, tôi tự hỏi: Liệu tất cả những đứa trẻ xa quê này có đi đến cùng của ước mơ hay đang dờ việc học vì nghèo, vì lười và vì nhớt nhơ vào con đường tiêu cực? Thôi, đành đợi thời gian sẽ trả lời ở thì tương lai! ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2014

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2014, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 44 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm , Vina Giấy	: 45 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib , Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa	: 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải , Chùa Báo Ân	: 12 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc , Q.BT	: 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh , Q.5, PD: Diệu Đức	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi	: 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai , Q.BT	: 5 cuốn/kỳ

Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh , Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản , USA	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều , Q.BT	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn , Q.2	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc , Phan Thiết	: 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh , USA	: 4 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền , CT TNHH Cơ khí Mê Linh	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh , Q.2	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com	: 2 cuốn/kỳ
CT Nén Hạnh Phúc , Q.BT	: 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 2 cuốn/kỳ

CTy TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiện Thành , Q.6	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh , Gò Vấp	: 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính	: 2 cuốn/kỳ
Bác sĩ Thanh , Q.3, TP.HCM	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân	: 1 cuốn/kỳ
Cô Kim	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông , TCPPH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện	: 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan (namgiao1942@yahoo.com)	: 1 cuốn/kỳ
Cô Châu	: 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này:	452 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**

Email: toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập



Hiểu sâu sắc “Lương y như từ mẫu”

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Khi nói về y đức ở nước ta, câu nói được trích dẫn nhiều nhất là “Lương y như từ mẫu”. Từ lâu, “lương y như từ mẫu” được xem là cốt lõi đạo đức của nghề y, bởi vì nghề y là nghề rất đặc biệt. Đúng như danh sư nước ta là Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác từng nói: “Không có nghề nào nhân đạo bằng nghề cứu người, không có nghề nào vô nhân đạo bằng nghề y thiếu đạo đức”. Nghề y mà thiếu đạo đức thì đúng là chỉ có chết người!

“Lương y như từ mẫu” đáng lẽ phải hiểu: “Thầy thuốc giỏi (lương y) giống y như mẹ hiền (từ mẫu)”. Thế mà thời gian qua, nhiều người lại hiểu một cách thiếu sót: “Thầy thuốc (không có chữ giỏi) như mẹ hiền” tức chỉ nhấn mạnh về “mẹ hiền” mà quên mất về “thầy thuốc giỏi”. Có người biện luận cho sự hiểu thiếu sót của mình là do chữ “lương y” được dùng đại trà để chỉ người thầy thuốc bình thường của ngành y học cổ truyền. Đúng là ta thường gọi thầy thuốc y học cổ truyền hay thầy thuốc Đông y là lương y và lương y này có khi không hẳn là thầy thuốc giỏi. Có người cho rằng “lương y như từ mẫu” nên xem là một cách ví von

về từ ngữ, nhưng ý nghĩ này khó phù hợp với y học hiện đại dựa vào nguyên lý của y học thực chứng. Bởi vì khi nói “từ mẫu” là đặt vị trí của người thầy thuốc vào vai trò của người mẹ, gián tiếp xem người thầy thuốc là gia trưởng, là cấp trên. Người mẹ dù hiền như thế nào cũng có thể ra lệnh cho con, thậm chí dùng roi vọt để thể hiện quyền hạn. Người thầy thuốc (hay bác sĩ) thời xưa có thể xem là người mẹ vì là người ra lệnh cho bệnh nhân. Nhưng nay thì không được; vì thầy thuốc trong thời đại y học thực chứng chỉ có thể ra khuyến nghị chữa bệnh chứ không được ra lệnh. Y học thực chứng (evidence-based medicine, viết tắt EBM) đòi hỏi người thầy thuốc không được ra lệnh từ những kiến thức về y học nằm sẵn trong đầu ông ta mà ông ta đã xem đó là chân lý và không được cãi. Trái lại, người thầy thuốc phải dựa vào các chứng cứ thực nghiệm là các nghiên cứu lâm sàng mới nhất và đáng tin cậy nhất để ra khuyến nghị một cách bình đẳng với người bệnh. Bình đẳng ở đây là người bệnh có quyền chất vấn bác sĩ về chứng cứ nếu thấy chưa thỏa đáng.

Vậy ta phải hiểu sâu sắc “lương y như từ mẫu” là như thế nào?

Bởi vì nghề y là nghề liên quan đến sức khỏe thậm chí là tính mạng của con người nên người hành nghề y phải là thầy thuốc có chuyên môn giỏi đồng thời phải có tấm lòng thương yêu, tận tụy phục vụ người bệnh. Nói một cách ngắn gọn là người thầy thuốc phải có tâm và có tầm. Nói theo triết lý nhà Phật, người hành nghề y phải có từ bi và trí tuệ. Nếu từ bi mà không có trí tuệ là từ bi mù và trí tuệ mà không có từ bi thì đó là trí tuệ ác. Giống như con chim đại bàng muốn bay cao phải có hai đôi cánh, người thầy thuốc muốn hành nghề tốt phải luôn có hai điều kiện là phải giỏi và phải thương người. Câu “lương y như từ mẫu” hay “thầy thuốc giỏi phải giống như mẹ hiền” chính để nhấn mạnh hai điều kiện phải có của người thầy thuốc. Nếu thầy thuốc giỏi mà không có tấm lòng của người mẹ hiền thì khác gì chim đại bàng còn có một cánh, làm sao bay cao được. Hay người thầy thuốc có lòng thương người bệnh nhưng tay nghề quá yếu, không nắm vững chuyên môn thì có khi trở thành kẻ hại người một cách vô tình, thậm chí kẻ sát nhân không chủ ý.

Thầy thuốc giỏi là như thế nào?

Đây là người hành nghề đặc biệt, dùng kiến thức và kỹ năng về y dược để chữa bệnh cho mọi người và thầy thuốc giỏi là người hành nghề y vững về chuyên môn, luôn tìm cách nâng cao trình độ nghề nghiệp, luôn tìm cách cập nhật kiến thức y dược để làm chủ thông tin và trang bị thiết bị hiện đại hầu chữa trị tốt người bệnh. Nhưng thầy thuốc giỏi không thôi thì chưa đủ. Bởi vì người thầy thuốc không có sự tận tụy và lòng thương người thì dễ đi đến lỗi lầm. Một chút lơ đãng, thờ ơ, tắc trách đến ghê gớm nhất là vô cảm có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng cho sức khỏe, tính mạng của người bệnh. Điều đó dẫn đến những mất mát đau đớn không gì bù đắp cho thân nhân người bệnh, mà những con người đáng thương này đã đặt tất cả hy vọng, niềm tin vào người thầy thuốc. Chính vì thế, người thầy thuốc giỏi phải có tấm lòng của người mẹ hiền là mong ước muôn đời của tất cả mọi người.

Thầy thuốc giỏi giống như mẹ hiền là như thế nào?

Ai cũng biết tấm lòng thương yêu bao la của người mẹ đối với con của mình. “Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào”, nghe câu hát này ai cũng xem đó là điều hết sức tự nhiên. Đặc biệt, lòng mẹ thương con hình như tăng lên bội phần khi đứa con bị bệnh. Sự chăm sóc con bị bệnh ở người mẹ luôn có vẻ tận tình hơn khi con khỏe mạnh. Thậm chí có nhiều bà mẹ có thái độ tha thiết sẵn sàng hy sinh mạng sống của mình cho sự hết bệnh sống còn ở con. Nói “lương y như từ mẫu” thật ra đúng là sự ví von. Thầy thuốc nếu là nam

giới thì sao như mẹ hiền cho được? Sự ví von như thế chỉ nhằm thể hiện sự mong muốn người thầy thuốc phải có tấm lòng yêu thương người bệnh hết mực; có tinh thần trách nhiệm cao nhất trong nghề nghiệp; có sự tận tụy, hết lòng chăm sóc phục vụ người bệnh. Đối với những ai là Phật tử, còn có sự ví von cao cả hơn, là xem người thầy thuốc tận tâm tận lực đối với người bệnh không khác vị Bồ-tát.

Trong Phật giáo, Bồ-tát là tên gọi những vị đã thành tựu Phật quả nhưng không nhập Niết-bàn mà vẫn ở thế gian để độ chúng sinh chưa giác ngộ. Hiểu rộng hơn, Bồ-tát còn chỉ những người có tấm lòng độ lượng nhân ái, sống giữa cuộc đời và cứu giúp mọi người.

Tôi đã từng nghe nhiều người gọi ông bác sĩ người Mỹ McKay McKinnon là Bồ-tát; ông là người bóc tách thành công khối u gần 90kg ở chân của anh Nguyễn Duy Hải mà nhiều nhà chuyên môn cho là rất khó thực hiện được một cách an toàn. Là vị Bồ-tát vì ông BS McKinnon đã mổ cho anh Hải với tấm lòng quảng đại, không tính toán thiệt hơn, không vì tiền tài danh vọng mà chỉ vì lòng thương người đang quá đau khổ vì bệnh tật.

Đối với người bệnh, người thầy thuốc giỏi có tấm lòng như người mẹ hiền luôn được xem là ân phúc của họ.

Hiểu sâu sắc “lương y như từ mẫu” là như thế nào?

Hiểu sâu sắc “lương y như từ mẫu” có nghĩa là người thầy thuốc phải giống như mẹ hiền của thời hiện đại. Người mẹ hiền thời nay không còn là người mẹ quê mùa, chỉ biết thương yêu con với tình yêu mù quáng, chỉ biết rầy la mắng mỏ con với thái độ gia trưởng; mà là bà mẹ có học thức, biết chăm sóc con với kiến thức khoa học, giỏi tâm lý tiếp xúc, khi cần là người bạn chân tình ngang hàng con cái chứ không phải kẻ cả. Thời nay, rõ ràng con cái dù mẹ hiền và tốt đến đâu vẫn thích tâm sự với bạn thân chí cốt của mình, sẵn sàng thổ lộ tình cảm và đón nhận ý kiến của bạn bè nếu người mẹ không sẵn sàng làm bạn với con mình.

Nếu hiểu sâu sắc vừa nêu trên thì “lương y như từ mẫu” vẫn có thể áp dụng cho y học hiện đại. Thầy thuốc giỏi trong thời đại hiện nay là bác sĩ hành nghề theo y học thực chứng đã nêu ở trên. Và nếu thầy thuốc đó có tấm lòng mẹ hiền sẽ làm tốt việc phối hợp kiến thức kỹ năng chuyên môn được cập nhật những chứng cứ khoa học là thử nghiệm lâm sàng có độ tin cậy cao nhất với sự tôn trọng nỗi đau và kỳ vọng của bệnh nhân. Thầy thuốc giỏi không phán lệnh như gia trưởng mà đối xử với bệnh nhân như người bạn chân tình (partnership), để bác sĩ và bệnh nhân cùng đóng vai trò quyết định phương án điều trị dựa vào chứng cứ tốt nhất.

Như vậy, ta thấy câu “lương y như từ mẫu” nếu hiểu một cách sâu sắc vừa có thể xem là cách ví von tuyệt vời về từ ngữ vừa có ý nghĩa phù hợp với y học hiện đại dựa trên y học thực chứng. ■



Nợ nần

đều cha mẹ

LÊ HẢI ĐĂNG

Nguồn: diaonline.vn

1

Chốn ẩn náu của tử thần

Vào thời sơ sử của ngành cầu đường, con người đã biết cách giảm thiểu tai nạn, rủi ro... bằng cách tạo ra sự thông thoáng, hạn chế tối đa vật cản, chướng ngại trên những cung đường, đặc biệt là đường cầu. Vì tốc độ của phương tiện di chuyển tỉ lệ với độ dốc của mặt cầu làm tăng thêm gia tốc, nên có thể gây hậu quả nghiêm trọng khi gặp phải va chạm. Dưới chân cầu hầu như không có đường băng qua, kể cả cột đèn chỉ báo giao thông. Tuy nhiên, hiện nay ở nước ta có rất nhiều cây cầu "đặc biệt" được thiết kế cột đèn đỏ dưới chân cầu. Những cột đèn này bản thân tuy không liệt vào loại chướng ngại vật, nhưng lại có tác dụng tạo ra chướng ngại bằng chính hành vi của con người khi chịu sự chỉ báo của chúng. Mỗi khi gặp đèn đỏ, kể cả ở dưới chân cầu, quy tắc giao thông đòi hỏi người tham gia giao thông vẫn phải dừng phương tiện cho xe phía trước băng qua, phía trên lao xuống...

Chắc chắn không ai dám liều lĩnh ngăn cản những chiếc xe tải mất thăng lao như con thiêu thân từ trên đỉnh cầu xuống chân cầu. Có điều, sự hiện diện của những cột đèn chỉ báo giao thông dưới chân cầu đã vô tình tạo ra chốn ẩn náu của tử thần.

Thành phố chúng ta có rất nhiều cây cầu như thế, như cầu Nguyễn Văn Cừ, cầu vượt Ngã Tư Ga, cầu Calmette, cầu Hoàng Hoa Thám... Nước ta đáng liệt vào "cường quốc" về tai nạn giao thông. Tỉ lệ người chết vì tai nạn giao thông mỗi năm hơn cả nạn nhân trong chiến tranh Iraq, vượt xa vụ khủng bố tòa tháp đôi ở Mỹ ngày 11 tháng 9 năm 2001 chấn động thế giới... Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải đã "hứa" giảm 10% số vụ tai nạn giao thông! Trên thực tế, tai nạn giao thông chưa hề có biểu hiện suy giảm. Chỉ tiêu 10% cho thấy quyết tâm, nỗ lực ở ngành giao thông xét từ cấp cao nhất, chứ chưa phơi bày qua hiện thực. Trong mọi dự thảo mang tính giải pháp, Đích và Đường là hai mặt



của một nội dung. Ở nước ta, thói quen “nói một đằng, làm một nẻo” đã trở nên phổ biến. Trong phạm vi giải pháp giảm thiểu tai nạn giao thông xuống 10% mang tính khả thi thì vẫn còn đó 90% nỗi ám ảnh dành cho mọi nhà và muôn người.

2 Hậu quả của tư duy “ra quân”

Lịch sử cận đại Việt Nam đã vòng qua một khúc cua khá lớn làm chậm tiến trình phát triển khi áp dụng mô hình kinh tế thời chiến vào thời bình, đưa phương thức quản lý trong môi trường quân đội vào xã hội... Tư duy đó tuy đã “gây hậu quả nghiêm trọng” cho đất nước, nhưng vẫn tiếp tục được “nhân rộng” với nhiều biểu hiện khác nhau, cụ thể là hiện tượng “ra quân”, “chiến dịch”... Những đợt “ra quân” ồ ạt, từ ngành giáo dục đến ngành y, từ lĩnh vực an toàn thực phẩm đến giao thông... thường xuyên diễn ra. Thỉnh thoảng lại chứng

kiến lễ Ra quân lập lại Trật tự an toàn giao thông... song, trật tự an toàn giao thông chưa có trên thực tế, nên khó thể nói đến sự lập lại? Những diễn biến bất thường xảy ra một cách bình thường bên lề cuộc sống đòi hỏi sự quan tâm, quán xuyến thường xuyên, giống như mọi hoạt động thường nhật. Đằng này, nhiều cơ quan quản lý đã áp dụng phương pháp giải quyết vấn đề xã hội theo kiểu “quân đội”. Qua đó, có thể thấy rõ tính bất cập của tư duy “ra quân”, “chiến dịch” trong cách tiếp cận vấn đề xã hội. Những bức xúc xảy ra hàng ngày trên đời sống. Nó đòi hỏi cơ quan quản lý phải nâng cao trách nhiệm, chủ động ứng phó nhằm tạo ra môi trường an toàn, lành mạnh cho người dân. Dường như đã xảy ra sự phản ánh trái chiều bên trong tinh thần chủ động được đề cao bấy lâu nay. Nhiều cơ quan quản lý nhà nước thực sự chưa thay đổi được thói quen bị động bằng tư duy “chủ động”. Do ỷ lại vào sự cầu cạnh của người dân đã biến tư duy thụ động, thiếu khả năng phản tư, đánh giá kết quả, hiệu quả công tác giám sát... thành thói quen trong công tác quản lý. Xuất phát từ lý do đó, rất nhiều “chiến dịch” đi từ cao trào đến thoái trào, không đem lại kết quả thực tế. Diễn biến thất thường của tư duy “ra quân” đã kết tụ nhiều vấn đề xã hội tồn tại dai dẳng mà an toàn giao thông nổi lên như một biến cố.

3 Sự lì lợm của thói quen

Dân số nước ta đã tiến tới con số 90 triệu, với đặc điểm tập trung mật độ cao tại đô thị, phương tiện di chuyển đa chủng, không tương thích với môi trường sống, cơ sở hạ tầng, hệ thống đường sá giao thông... Nếu cơ quan quản lý có thể phác họa được viễn cảnh thành phố, đất nước sau nhiều năm nữa thì nạn kẹt xe, tai nạn giao thông chắc sẽ tìm ra giải pháp thỏa đáng. Thế nhưng, trong rất nhiều giải pháp ở nước ta thường rơi vào hai thái cực, có Đích, nhưng không có Đường hoặc ngược lại. Vấn đề mấu chốt của an toàn giao thông trong điều kiện không tương thích giữa phương tiện di chuyển và hệ thống đường sá nằm ở thói quen sử dụng phương tiện. Nếu không chủ động tạo ra hệ thống thiết chế giao thông nhằm lay chuyển thói quen di chuyển của người dân thì trật tự, an toàn giao thông chỉ là ước mơ.

Khổng Tử nói: “Không lo xa sẽ có nỗi ưu tư gần” và nỗi ưu tư của chúng ta gần đến nỗi cứ ra đường là chưa hết lo. “Phía trước, phía sau, dưới đất, trên đầu” bất cứ vật gì cũng có thể trở thành chướng ngại, sát thủ. Tham gia giao thông rút ra được một kinh nghiệm xương máu là không phải ta đi đúng đường thì người khác không dám tông. Trên cung đường quen thuộc, mọi thứ đều có thể trở thành tai hại khi chướng ngại giăng bày. Trong cảnh dàn hàng ngang dừng trước cột đèn đỏ dưới chân cầu, ta dễ dàng tưởng tượng ra mối hiểm nguy đang rình rập. ■

Bảo vệ trẻ em trên báo chí

Bài & ảnh: NGUYỄN VĂN TOÀN

Trên thực tế, nhiều vụ bạo hành trẻ em đã diễn ra, như vụ tại cơ sở mầm non tư thục Phương Anh (TP.HCM) vừa qua và rất nhiều vụ việc khác trong quá khứ. Điều đó khẳng định rằng trẻ em là một nhóm dễ bị tổn thương, thiếu năng lực bảo vệ trước những hành vi xâm phạm.

“Nhức nhối” chuyện bạo hành trẻ em!

Tổ chức UNESCO vì thế đã đưa ra khẩu hiệu: “Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai”, nhắc nhở toàn thể nhân loại về quyền trẻ em và vai trò của trẻ em đối với sự phát triển.

Tuy nhiên, dư luận đã thực sự bị “sốc” khi chứng kiến những hành động như: Bóp cổ; giết đầu xuống đất; giết đầu vào thùng nước; lấy khăn bịt mũi; dùng khăn bẩn để lau miệng; đè đầu, dùng tay bịt mũi, buộc phải ăn; buộc phải ăn liên tục; hăm dọa, chửi bới; tát bôm bốp vào mặt; đánh vào lưng; túm đầu các bé lắc như búp bê... của những kẻ mệnh danh là “cô giáo” ở một cơ sở mầm non tư thục mang tên Phương Anh (18 đường Hiệp Bình, P.Hiệp Bình Phước, Q.Thủ Đức, TP.HCM) khi nuôi dạy các bé mầm non.

Vụ việc tại cơ sở mầm non tư thục Phương Anh (TP.HCM) không phải là duy nhất. Nhiều vụ bạo hành trẻ em đã diễn ra và gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Chẳng hạn, như vụ “bảo mẫu” Hồ Ngọc Nhỡ (sinh năm 1995) đã ra tay hành hạ cháu Đỗ Nhất Long 18 tháng tuổi đến chết vào ngày 16/11/2013 tại phòng trọ của đương sự tại số nhà 9/45 tổ 9, KP6, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.HCM. Trước đó, vào ngày 30/11/2008, “bảo mẫu” Lê Thị Lê Vy tại một cơ sở mầm non tư thục Phú Nhuận, TP.HCM đã dùng băng keo bịt miệng bé Đỗ Ngọc Bảo Trân khiến em bé này tử vong.

Điều 16, Công ước về Quyền trẻ em (CRC) nêu rõ: “1. Không trẻ em nào phải chịu sự can thiệp tùy tiện hay bất hợp pháp vào việc riêng tư, gia đình, nhà cửa hoặc thư tín cũng như những công kích bất hợp pháp vào danh dự và thanh danh của các em, và 2. Trẻ em có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại sự can thiệp hay công kích như vậy”. Việt Nam là nước đầu tiên của

châu Á và là nước thứ hai trên thế giới phê chuẩn CRC vào ngày 20/2/1990.

Từ Điều 11 đến Điều 20 Luật Bảo vệ, giáo dục và chăm sóc trẻ em của nước ta ghi rõ trẻ em có các quyền: i) Quyền được khai sinh và có quốc tịch; ii) Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng; iii) Quyền sống chung với cha mẹ; iv) Quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự; v) Quyền được chăm sóc sức khỏe; vi) Quyền được học tập; vii) Quyền được vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch; viii) Quyền được phát triển năng khiếu; ix) Quyền có tài sản; x) Quyền được tiếp nhận thông tin, bày tỏ ý kiến và tham gia hoạt động xã hội.

Tóm lại, trên thế giới và cả ở Việt Nam, trẻ em có quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự; và được pháp luật bảo vệ về các quyền này.

Cần bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em trên báo chí!

Theo kết quả điều tra của Trung tâm Phát triển cộng đồng và Công tác xã hội (Codes), chỉ riêng trong năm 2012 đã có đến 548 bài báo mà nội dung của chúng không đảm bảo quyền riêng tư của trẻ em được đăng tải trên năm tờ báo điện tử hàng đầu Việt Nam. Kết quả điều tra nêu rõ, trong đó có 39% bài báo đăng ảnh của trẻ em trực diện khuôn mặt, nơi tổn thương, cùng với gia đình và nhà cửa/trường học; 47% bài báo cung cấp tên của cha mẹ và người giám hộ. Thông tin về nơi ở của các em được cung cấp cụ thể đến địa danh xã/phường/thị trấn (30%) và đến địa chỉ rõ ràng có thể tìm thấy được (thôn/xóm/đường – 41%). Điều đáng lưu ý là chủ đề của những bài báo nói trên lại là trẻ em bị xâm hại tình dục (47%), bị bạo hành/bạo lực (23%) và nhân đạo, từ thiện (11%); đối tượng của các bài báo là nữ (74%) và trẻ em ở các vùng khó khăn như miền núi và nông thôn (79%). Những bài báo đó lại được trích dẫn nguyên văn hay một phần đến 2.692 lượt trên các tờ báo điện tử khác.

Đã xảy ra nhiều hệ lụy khi xâm phạm về quyền riêng tư của trẻ em trên báo chí. Chẳng hạn, Codes



chỉ ra trường hợp của cô bé lớp 6 ở miền Nam suýt bị bắt cóc trong bệnh viện. Ngày 16/1/2012, báo X. cho đăng bài “Mẹ bệnh, em thơ trên vai bé gái học lớp 6”. Bài báo đăng hình em Y. (12 tuổi) đang chăm sóc mẹ trong bệnh viện. Để làm cảm động người đọc, bài báo cung cấp thông tin về hoàn cảnh gia đình Y.: mồ côi cha, mẹ em bị liệt nửa người, rong huyết, u xơ tử cung, gia đình em sống dựa vào tiền trợ cấp và sự bảo bọc của bà con khu phố, em phải đi bộ 45 phút tới trường, có hôm nghỉ học vì đói bụng... Một mình Y. ở lại bệnh viện chăm sóc mẹ, tài sản chỉ có một chiếc điện thoại mượn tạm và 30 nghìn đồng. Cuối bài viết có số điện thoại của Y. để những người hảo tâm có thể giúp đỡ. Ngày 18/1/2012, báo X. đăng bài “Cảnh giác với chiêu lừa trẻ em trong bệnh viện” tường thuật lại việc em Y. trực tiếp nhận được một cuộc điện thoại mạo danh là người của báo X. Người này hứa sẽ hỗ trợ chữa bệnh cho mẹ em và bảo em ra ngoài cổng bệnh viện một mình, đừng nói với ai. Rất may Y. đã gọi điện hỏi phóng viên viết bài nên không bị bắt cóc.

Bởi thế, theo TS.Võ Minh Tuấn, Khoa Lý luận Chính trị, Học viện Ngân hàng: “Không thể và không được

khai thác những khía cạnh riêng tư của các em một cách thiếu cẩn trọng chỉ để có được một bài báo giật gân, ly kỳ; đó là trách nhiệm nghề nghiệp của người làm báo. Phải tìm cách chuyển tải thông tin hữu ích nhưng đảm bảo được sự riêng tư chính đáng của nhân vật là những gì nhà báo cần làm”.

Theo ThS.Mạch Lê Thu, giảng viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền: “Hiện nay nhiều cơ quan báo chí Việt Nam chưa ban hành chính thức các nguyên tắc thực hành nghề nghiệp. Ngay cả trong trường hợp đã có bộ nguyên tắc đạo đức thì vẫn thiếu chế tài bắt buộc các nhà báo phải tuân thủ những nguyên tắc đó. Vì vậy, rất cần có những văn bản pháp lý để nhà báo dựa vào đó đưa tin về những vụ án có nạn nhân là trẻ em, sao cho không vô tình gây hại đến trẻ nhỏ mà vẫn phục vụ nhu cầu thông tin chính đáng của công chúng”. ■

Chú thích ảnh: Ảnh Nguyễn Văn Toàn.

IMG0204: Trẻ em như “búp trên cành” nên cần phải được hết sức chăm sóc và bảo vệ! Ảnh minh họa.

DSCN0827: Tác phẩm: “Tuổi thơ” của Trần Viết Thực (Hội Mỹ thuật Thừa Thiên - Huế).



Lễ ở làng và chiếc kính cận

HOA SÀU ĐÔNG

Đã năm năm rồi tôi chưa một lần về quê. Phần vì trường tôi học xa nhà đến hơn nghìn cây số, phần vì sau khi học xong, tôi được sắp xếp ở lại công tác tại một cơ quan trong thành phố, nơi tôi học. Thời gian đầu của một “lính mới” khiến tôi phải gồng mình lên để “chiến đấu”. Đến mức có khi cả tháng trời không gọi điện thoại về thăm nhà nổi một lần, nói gì đến việc về quê.

Vừa rồi, nhân có dịp nghỉ phép, tôi đặt vé bay một mạch về quê. Về đến nhà thì trời cũng đã nhá nhem tối, chỉ kịp lên nhà từ đường thấp nén nhang cho tổ tiên rồi xuống ăn cơm với bố mẹ. Sau đó tôi leo lên căn phòng cũ, ngủ một mạch. Bố mẹ biết tôi mệt nên cũng không nói gì.

Sáng hôm sau tôi thức dậy vào lúc bảy giờ. Không khí se se lạnh do đêm trời trở mưa giông. Tuy tôi đi xa nhà lâu mới về, chưa quen lại với khí hậu miền Bắc; nhưng thấy trời đã sáng, tôi vội vùng dậy. Sau khi “nai nịt” gọn gàng, tôi mặc thêm chiếc áo len có kích thước quá khổ mà mẹ mới đan cho con trai và quàng cái khăn của cô bạn tặng từ thời cấp ba vào cổ, lưng thưng đi ra quán canh bánh đa cá rô đồng; ở quê tôi, phở được gọi là canh bánh đa. Tôi định bụng là ăn sáng xong thì sẽ về ngay nhà để nhờ bố đưa đi thăm hỏi bà con họ hàng gần xa. Vậy nên, dù lâu lắm không được thưởng thức món canh cá rô đồng thơm ngon nổi tiếng của vùng quê mình, tôi chỉ cầm củi ăn cho xong để về. Nhưng...

Đang ăn, tôi chợt nghe bàn bên có tiếng xì xầm bàn tán. Câu chuyện có vẻ liên quan đến mình. Tôi vội nhìn sang, thấy một bà bác trạc tuổi bố đang chỉ về tôi và nói: “Mang tiếng có học, đi ra ngoài, biết nhiều, thế mà về làng, gặp họ hàng cũng chẳng thèm chào lấy một tiếng, cứ cầm đầu ăn như quân chết đói...”. Nói rồi bà

bác đó bừm môi quay đi. Miếng bánh đa trong miệng chợt nghẹn ứ giữa cổ.

Tôi đứng dậy tính tiến và tiện thể hỏi bác chủ quán, cũng là người trong họ, bằng vai với bố tôi: “Thưa bác, bác kia là ai thế?”, tay tôi chỉ về bà bác lúc nãy hỏi. Bác đang làm canh cho khách; nghe thế liền bỏ đó, quay sang nhìn tôi trân trân, liếc qua bác kia, rồi chửi: “Cha tiên sư bố nhà mày, đây là bác N., con dâu ông H., anh em kết nghĩa của ông nội mày. Mày phải gọi bà ấy bằng bác đấy. Xời, mới đi có mấy năm mà quên hết họ hàng. Ngày mày còn bé, bố mày từng bế mày sang xin sữa bác ấy đấy con ạ!”. Tôi chết đứng người. Thì ra là bác N., người từng cho tôi bú nhờ lúc nhỏ mà bố tôi hay nhắc. Sao tôi lại không nhận ra nhỉ? Mà sao mất mũi gì chẳng nhìn rõ ai thế. Tôi đưa tay lên mặt sờ thì sực tỉnh là mình quên đeo kính...

Tôi vội chạy qua bàn bác và chào bác, mà vẫn chưa nhớ ra mặt bác. Khốn nạn, hình như bác thay đổi nhiều quá. Già rồi, tóc bạc hết cả. Khuôn mặt lam lũ của một người phụ nữ quanh năm bán mặt cho đất bán lưng cho trời, đầy những nếp nhăn xô lại, khắc khổ. Còn thằng tôi, mất mũi kèm nhèm chẳng thấy đâu vào đâu. Nói vài câu xã giao, tôi xin lỗi bác về sự sơ ý của mình và cũng không quên mời bác về nhà tôi chơi. Bác cười, hàm răng chẳng còn mấy chiếc. Vỗ vai tôi và chửi yêu: “Bố tiên nhân cu T. con, bác có giận mày đâu cơ chứ...”. Vậy là bác dùng cách chửi yêu, vì ở quê tôi, khi chửi yêu, người ta thường hay hài tên bố của kẻ “được” chửi kèm với chữ con đi đằng sau!

Tuy bác nói không giận, nhưng tôi biết, mình đã trở nên xa lạ dần với mọi người; trong đó, có những người một thời bảo bọc tôi trong lòng. Xa lạ với làng, cái làng quê một thời tuổi thơ tôi từng gắn bó...

Lỗi, do tôi quên đeo kính cận chẳng? ■



Dưới mái hiên nhà

LINH LAN

Tôi thường trở về nhà ngồi yên lặng một mình dưới mái hiên rợp bóng hoa giấy nghe gió thổi vi vu. Và cứ thế mỗi năm, đến độ tháng Sáu, khi mọi kế hoạch công việc đều được thu xếp ổn thỏa, tôi lại vội vã trở về mắc võng nằm dưới hiên nhà, bình thản lắng nghe từng cơn gió đùa nghịch trong nắng rồi đắm chìm vào giấc ngủ thật sâu. Những trưa hè oi bức bỗng nhiên hiền hòa và bình yên đến khôn cưỡng.

Tôi nhớ ngày còn thơ ấu, tôi hay nghịch ngợm trèo lên người ông nội, nằm cạnh ông trên chiếc võng được mắc chéo trước hiên nhà và ngủ một giấc thật ngon. Những giấc ngủ trưa thật sâu thật lâu ngày ấy, giờ đây tôi vẫn còn nhớ rất rõ. Những ký ức êm đềm đã qua ấy khiến mỗi trưa hè oi bức nơi thị thành ngọt ngào cứ làm tôi không thôi nghĩ về nó để rồi khi những chuyến đi xa kéo dài, ước mong được trở về nhà, thả lưng trên cánh võng nằm dưới mái hiên nhà lao xao gió, đắm mình trong giấc ngủ thật sâu cứ làm tôi không thôi khắc khoải.

Ký ức về những trưa hè gió bức oi nồng ngày ấy trong tôi ngập tràn bóng dáng ông. Thuở nhỏ tôi không có nhiều bạn nên suốt ngày chỉ quần quanh chơi đùa cùng ông. Tôi không hợp tính với bọn con trai cùng lứa. Chúng quá đỗi cọc cằn, thô lỗ và không biết yêu chiều con gái. Bọn con gái thì lại điệu đà và rất ư màu mè, tôi cũng không thích. Vậy nên hầu hết thời gian tôi quần quýt lấy ông. Trong mắt một đứa trẻ bảy tuổi là tôi ngày ấy, ông giống như một ông tiên, hiền hậu và luôn hết mực yêu thương cháu. Không từ chối bất kỳ điều gì từ tôi, ông lúc nào cũng ân cần và dịu dàng. Ông làm tôi cảm thấy mình được yêu thương. Tình yêu ấy làm tôi thấy mình hoàn toàn có thể hãnh diện và kiêu ngạo trước bọn con trai con gái trong xóm.

Mỗi lần về quê, tôi nhớ đến những trò chơi ông đã bày cho tôi. Mỗi mùa mỗi loại, nào diều giấy, lồng đèn... Mái hiên nhà ấy là nơi tôi đã có một tuổi thơ ấm êm và hạnh phúc bên ông. Còn nhớ những buổi chiều thư thả, ông vót tre làm diều. Con diều ông làm ngày ấy được dán lên

đủ loại giấy màu khác nhau mà ông đã mua sẵn trong một chuyến an dưỡng ở thành phố. Khi con diều hoàn thành, tôi vui mừng hí hửng chạy khắp đường lớn trong ánh mắt ngỡ ngàng và ao ước của bọn trẻ cùng xóm. Những mảng trời tuổi thơ trong tôi ngày ấy ngập tràn niềm vui và người duy nhất tô điểm cho tuổi thơ của tôi ngày ấy là ông.

Có những buổi tối mùa hè, khi trăng tròn vành vạnh trước hiên nhà và bầu trời lấp lánh ngàn sao, ông ngồi trước mái hiên vừa nhắm nháp ly trà còn nghi ngút khói, vừa kể chuyện tôi nghe. Đó là những câu chuyện về cuộc đời làm lính của ông, những năm tháng khó khăn ông sát cánh cùng đồng đội chiến đấu đến sức lực cuối cùng. Bao nhiêu năm trôi qua với bao mất mát đau thương đã từng chứng kiến khiến câu chuyện ông kể đôi lúc ngập ngừng, đứt quãng vì cảm xúc ngày xưa chợt trở dậy nhưng nó giúp tôi nhận ra nhiều điều. Có những khoảnh khắc, những sự việc xảy đến với chúng ta mà dù cho thời gian đã phủ bụi gió sương ta vẫn không thể nào lãng quên được. Đó là những khoảnh khắc đã làm nên cuộc sống, con người, cách nghĩ và tâm hồn ta. Giờ đây, tôi đang nhớ về ông cũng bằng cách nghĩ ấy.

Năm nào cũng vậy, cứ mỗi dịp hè tôi lại từ thành phố phóng xe vượt vài trăm cây số đường bộ về quê. Đôi khi chẳng để làm gì, chỉ muốn quay về nhìn ngắm một góc xưa nơi đã từng một thời in đầy bóng dáng người tôi thương yêu. Căn nhà ở quê ngày xưa giờ chỉ dành làm chỗ hương khói, lâu lâu lại là nơi tôi tìm về trú chân, mong kiếm tìm chút kỷ niệm ngày xưa để vực dậy những tháng ngày khắc nghiệt với bao bon chen, chật vật nơi thành thị. Dưới mái hiên xưa, chiếc võng ngày nào vẫn được mắc ở đó. Giàn hoa giấy ngày ấy mùa này vẫn một sắc hồng quyến rũ. Chợt thấy nhớ dáng người nhỏ bé của ông nằm trên cánh võng và đôi ba câu hò ngẫu hứng ông vẫn hát ru tôi mỗi trưa. Chợt nghĩ, mai đây dù bước chân có mỗi mòn in dấu trên bao chặng đường, cuộc sống cũng sẽ mang tôi trở về với nơi mà ở đó tôi thấy cõi lòng mình bình yên nhất. ■

Bước hành hương vào hạ

TRƯỜNG KHÁNH

Bước nhỏ vào mùa hạ,
Nghe râm ran tiếng ve,
Nắng hanh vàng nghiêng ngả,
Ai xông hương mùa hè!!?

Xin vỗ về giọt nắng,
Gió xông mùi trầm hương,
Bước kinh hành thâm lặng,
Trong áo nghĩa chân thường.

Dấu vương vương hạ trắng,
Im ắng khúc giao mùa,
Nghe âm thừa biển mặn,
Trôi về cuối canh trưa.

Gió đông đưa cổ tích,
Truyền hịch về tương lai,
Bước hành hương xê dịch,
Từ âm ru dậm dài.

Dấu tàn phai hạ đến,
Vang lời nguyện thiết tha,
Tỏa hương thơm thánh thiện,
Khắp đất trời hăng sa.

Còn lời ca chim hót,
Xanh mướt bước hành hương,
Lời kinh ai dịu ngọt!?
Tụng từng trang chân thường.

Trên đường lên chánh định
Bịn rịn gót phiêu trầm,
Hành hương về an tịnh
Vạn pháp khởi từ tâm.

Hè nhớ

TRÀ KIM LONG

Đã nghe rộn rã tiếng ve
Nghĩ thương con cuộc gọi hè quê xưa
Ngoại ô hiên vắng trời trưa
Tiếng người nói cũ như vờ quanh đây
Ngày qua lại nhớ những ngày
Sân trường phượng vĩ nở đầy hoa mơ
Xưa xa lứa tuổi học trò
Này thầy này bạn bây giờ nơi đâu?

Tình biển

NGUYỄN DŨNG

Biển xanh ngan ngát một màu
Dấu chân của mẹ điểm bầu trời cao
Những ngày sóng thét mưa gào
Vai cha rướm giọt máu đào trùng khơi
Lưới chùng mẹ vá một đời
Bao ngày khó nhọc không lời than van
Biển đêm đón ngọn trăng tàn
Mẹ ngồi bờ cát thông ngàn đời cha
Một chiều biển khóc mưa qua
Thuyền ba đi mãi... mắt nhòa mẹ rơi
Cát bờ ngóng đợi ngàn khơi
Mẹ như hóa đá một đời ngóng trông.

Trùng khơi nổi nhớ

LÝ THỊ MINH CHÂU

Nghe tiếng thở dài của mẹ giữa khuya
Biển dậy sóng và lòng em đang sóng
Tin nhắn cho anh không vượt qua biển rộng
Chập chờn giấc ngủ cầm canh

Quê cháy lòng vì bão dữ phía anh
Trường Sa ơi... sao mà thương lắm thế
Muốn ra khơi nhận phần dẫu bể
Thay anh giữ đảo canh trời

Vất vả gian lao mẹ cũng xuống rồi
Ngày chập quá trong mảnh vườn hương hỏa
Cây thương người oằn sai trĩu quả
Mẹ ít cười chắc lo nghĩ tới anh

Hương nhu vừa hoa mẹ bảo phơi để dành
“Mai một nó về... tha hồ tắm gội”
Lời mẹ thâm tình ngọt ngào quá đời
Con mình đùa: “Nội chỉ biết thương cha”

Chỉ thế thôi mà mắt đã lệ nhòa
Mẹ nhanh khóc như thời em con gái
Khóc thì khóc nhưng mà luôn cứng cỏi
Giặc thù chó vộ huênh hoang

Yên lòng nhé anh
Hậu phương đã vững vàng
Hào khí sục sôi khắp tay cày tay súng
Hạt gạo củ khoai cũng khoát uy Phù Đồng
Sát cánh bên anh chiến thắng quân thù.

Nó và tôi

HOÀNG TÁ THÍCH

Cái Ngã trong tôi lớn dần theo tuổi
Thế mà tôi tìm mãi chẳng thấy đâu
Bởi Nó thường tìm cách trốn thật sâu
Trôi dậy bất ngờ, vô hình vô sắc
Luôn có thể làm tâm tôi biến mất
Rồi dẫn tôi đi vào chốn vô minh
Nó theo tôi như bóng dính với hình
Nhưng lúc nào cũng trước tôi một bước
Nó chính là kẻ thù,
Bây giờ tôi mới biết
Nhưng thực ra Nó chính là tôi.



Chúng nghiệm

VĨNH HIỀN

cười dài cơn mộng phù du
hai tay bỏ trống giữa mù sương sa
đi về hai ngõ vào ra
ra vào một lối rẽ qua hai miền
đâm đầu triền phước liên miên
hốt nhiên tỉnh cái oan khiên chập chùng.

Vọng động

lăn trong ảo mộng triền miên
tâm thân giả hợp nương duyên qua bờ
tương sinh sóng đập vào mùa
vỡ ra bào ảnh lô xô hiện hình
sẩy chân một thoáng phiêu linh
hồn ôm tạp loạn đăng trình nơi nao
mở ra xa lắc lối vào
đường về quê cũ thâm sâu khói mù.

Giọt nước mắt muôn màng

MANG VIÊN LONG

Tính đang đứng xơ rở cạnh giường bệnh của ông Kế thì điện thoại trong túi quần đổ chuông. Anh đưa tay lấy điện thoại ra khỏi túi quần, nhìn lướt lên mặt điện thoại. Là cuộc gọi của Thảo. Tính bỏ ra khỏi phòng.

Căn phòng rộng kê bốn giường, nhưng chỉ ba giường là có bệnh nhân nằm; ông Kế nằm ở giường giữa, một bên là bà lão gần tám mươi, bên kia là người đàn ông khoảng năm chục tuổi. Người đàn ông ở tận Daklak nằm chờ mổ động mạch vành đã mấy hôm, còn bà lão nằm suốt tuần rồi để các bác sĩ "tìm bệnh" nhưng vẫn chưa thấy bệnh.

Trong lúc khẩn cấp, Tính đã đưa cha vào bệnh viện Thiện Tâm để được cấp cứu kịp thời. Nếu có vào bệnh viện Chợ Rẫy thì ông cũng chẳng được hưởng chế độ bảo hiểm y tế là bao, bởi cô con gái ông Kế ở quê đã chuyển ông "vượt tuyến" vào Sài Gòn mà không có sự đồng ý chuyển viện của bệnh viện cấp tỉnh, một sự đồng ý đòi hỏi đủ mọi thủ tục phiền hà! Nếu phải chờ bệnh viện tỉnh đồng ý cho chuyển viện thì cũng mất mấy ngày; trong khi ông Kế đã nằm thêm thiếp ở bệnh viện huyện suốt ba ngày mà các bác sĩ điều trị nơi đây còn chưa đồng ý chuyển ông lên tuyến trên. Thấy cha hôn mê dần, Thảo - con gái ông - quá nóng lòng đã đưa ông vào Sài Gòn mà không có giấy tờ xuất viện. Tại bệnh viện ở Sài Gòn, ông Kế được sơ cấp cứu, chạy tim, truyền thuốc, nằm ở đây cũng đã qua ngày thứ ba... Trong ba ngày ấy, ông được thử máu, thử nước tiểu, siêu âm tim vài lần, và cho uống thuốc, truyền dịch, sau cùng là chụp hình động mạch chủ.

Theo cuộc hội chẩn sáng hôm qua cùng ba vị bác sĩ đang theo dõi điều trị, ông bác sĩ trưởng khoa đã quyết định sẽ cho phẫu thuật tim, vì động mạch chủ đã hẹp quá mức cho phép. Ông cho gọi Tính vào phòng để thông báo, hỏi ý kiến, và tiến hành làm thủ tục.

Trở lại phòng của cha, Tính nói: "Bác sĩ bảo phải mổ!".

- Mổ là mổ thế nào?
- Mổ tim...
- Mổ tim thế nào?
- Là mổ hở giữa ngực, rồi can thiệp động mạch chủ cho rộng ra...
- Cha đã khỏe lại rồi kia mà...

- Cha vào mà nói chuyện với bác sĩ trưởng khoa đi!
Ông Kế ngồi dậy, theo Tính vào phòng trưởng khoa. Vị bác sĩ niềm nở mời ông ngồi, nhìn thẳng vào mặt ông, cao giọng: "Tim của ông phải mổ mới hy vọng sống nhé!".

- Mổ thế nào, thưa bác sĩ...
- Y học chưa thể sử dụng mổ nội soi ở động mạch chủ và động mạch vành. Phải mổ hở...
- Nhìn thấy nét mặt ưu tư, e ngại của ông Kế, vị bác sĩ mỉm cười: "Ông cứ yên tâm đi! Chúng tôi chỉ tiến hành mổ trong hai giờ thôi!".
- Chi phí cho việc mổ này là bao nhiêu, thưa bác sĩ?
- Hiện tại là khoảng một trăm triệu đồng. Sang năm, sẽ lên giá...
- Bảo đảm bao nhiêu năm?
- Điều đó không thể cam đoan chắc chắn với ông được đâu. Còn tùy...

Ông Kế nhớ lại vài trường hợp mổ xẻ mà ông được nghe kể lại: Thân nhân người bệnh cam đoan nhận hết mọi rủi ro, trong và sau khi mổ. Có người mổ xong, phải đi lui đi tới bệnh viện hàng tháng, hai ba tháng. Có người sau vài năm phải mổ lại. Có người nằm lì ở nhà chờ chết! Người bạn của ông có vợ đã mổ tim hở, đã cho ông biết, kết quả là năm mươi - năm mươi. Năm mươi phần trăm sống tốt, năm mươi phần trăm èo uột hay chết! Ông Kế phân vân không biết ông sẽ ở vào năm mươi phần trăm nào! Hiện tại, từ ngày bà Kế mất, ông đã phải sống nhờ vào sự giúp đỡ của hai con. Thảo làm điều dưỡng ở bệnh viện huyện, chồng là giáo viên cấp một, đã có một con ba tuổi. Vợ chồng Thảo đã nhận chăm sóc cơm nước cho ông từ hai năm nay khi bệnh tim không cho ông đủ sức ngồi hàng ngày ở chiếc tủ sửa đồng hồ dưới phố nữa. Đã có lần ông bị choáng, ngất ngã ngay ở chỗ làm, phải nhờ ba gác chở đến cấp cứu ở bệnh viện huyện. Người ta đã cạy gậy hai chiếc răng cửa ông để cho ống cao su thở vào miệng. Hàng tháng, vợ chồng Thảo nhận tiền của Tính gửi về để lo cho cha ăn ngày ba bữa. Vợ chồng Tính đã quyết định như vậy sau khi đem cha vào Saigon sống chung với gia đình mình khoảng hơn một tháng. Ông Kế rất vui khi biết sẽ được trở về quê, trở lại với cuộc sống yên ả với xóm giềng, với bè bạn cũ, với con cháu. Sống với vợ chồng Tính, ông luôn phải ngồi bên trong cánh cửa kính

nhìn ra ngoài, nếu không thể đọc báo hay xem ti-vi được nữa vì lòa mắt, hay buồn chán. Tuổi già của ông Kế chỉ được nuôi với ba bữa ăn, như con Mimi suốt ngày quanh quẩn bên ông... Như một chiếc đồng hồ, 9 giờ sáng mở cửa cho người giúp việc vào làm việc nhà. 11 giờ mở cửa để người giúp việc về đến làm cho gia đình khác. 11 giờ 30 ngồi vào chiếc bàn nhỏ dành cho ông ở góc phòng, ăn cơm. 12 giờ 15 mở cửa cho vợ chồng Tính đi làm về. 12 giờ 30 vào phòng ngủ...

- Thế nào? Tiếng vị bác sĩ trưởng khoa chột vang lên.
- Thưa bác sĩ, cho tôi suy nghĩ lại...
- Chúng tôi không thể chờ ông lâu hơn vài tháng đâu!
- Bác sĩ cho toa tôi dùng tạm thuốc vài tháng, qua Tết sẽ quyết định.

Giọng ông Kế thản thờ.

Ông Kế chào từ giã vị bác sĩ trưởng khoa, lưng thưng bước ra ngoài... Ông trở về phòng, nói ngay với Tính: "Con lo làm thủ tục cho ba ngày mai xuất viện, mua cho ba vé tàu về lại quê vào ngày mốt nhé!"

Tiếng Tính hần học với Thảo bên ngoài hành lang bỗng nghe rất rõ: "*Mày tưởng tao giàu lắm hay sao? Tao có được là do công sức của tao đã đổ ra hơn mười mấy năm nay... Mày liệu thu xếp vào đây mà làm việc với bác sĩ, với bệnh viện đi, đừng ở ngoài đó mà gọi nữa. Chờ ông già vào giao cho tao, rồi rút ngay mà còn lên giọng đạo đức giả! Mới ba ngày mà chi phí khám, chẩn đoán, siêu âm, chụp hình, đã lên gần hai chục triệu, còn phẫu thuật, ít nhất cũng cả trăm triệu, chứ mày tưởng ít sao?"*

Ông Kế về quê sống với vợ chồng Thảo đã hơn hai năm. Qua người bạn nhắc nhở, ông đã tìm gặp người bạn học cũ thời trung học, nay là tiến sĩ y khoa chuyên khoa tim mạch - hiện đang nhận làm giám đốc cho bệnh viện tư Phước Huệ tại Quy Nhơn - nhờ theo dõi, chữa trị, nên trái tim của ông vẫn ổn định. Hằng tuần, người bạn từ Sài Gòn đi máy bay ra bệnh viện hai lần vào thứ ba và thứ năm. Trường hợp khẩn cấp, người bạn có thể bay ra bệnh viện bất kỳ lúc nào trong ngày nếu có yêu cầu. Ông Kế đã đến gặp người bạn mỗi tháng một lần theo lời người bạn bác sĩ dặn. Ông cảm thấy đã có dấu hiệu biến chuyển rất khả quan. Ông nhận ra mình khỏe dần mỗi tháng, an vui sống mỗi ngày, không còn nhớ đến trái tim gây phiền nhiễu như trước nữa. Ông nghĩ: Cứ để cho nó đập tự nhiên, như chiếc đồng hồ đeo ở tay vậy thôi. Mỗi buổi sáng, trước 7 giờ, phải nhớ uống bốn viên thuốc là Coversyl, Vasotrate, Lovastatin, và Aspirin 81. Trong hai bữa ăn, nhớ ăn thêm khoảng năm gam nắm mè đen rửa sạch cắt nhỏ; như lên dây đồng hồ cho khỏi bị trục trặc.

Vợ chồng Thảo cũng chẳng dành cho ông chút thời gian gần gũi thân thiết nào vì luôn bận bịu, hết việc này đến việc khác; dường như công việc cứ như dồn đuổi tuổi trẻ, dồn đuổi con người cho đến ngày kiệt sức nếu không biết "nhìn lại"? Tuy vậy, ông đã có được niềm vui với đứa cháu ngoại năm tuổi mỗi tối, hay ngày chủ nhật

với bạn bè với xóm làng, và sinh hoạt một mình tùy thích! Vui thì nằm ở trong phòng đọc sách báo chơi, buồn thì mang chiếc xe đạp cũ kỹ đi lan man ra vùng ngoại ô nhìn ruộng đồng, trời mây, rồi tạt vào chiếc quán cóc bên đường làm ly cà-phê, hay ly trà lipton nhâm nhi cho đến giờ trở về ăn cơm chiều. Có lúc, ông đến chùa Ngọc Tánh lễ Phật, trò chuyện với sư ông, rồi "thọ trai", ngủ lại luôn ở chùa. Ông đã luôn có mặt trong các ngày nhà chùa tổ chức "thọ bát quan trai", để được nghe quý thầy giảng kinh, gặp bạn đạo tâm tình, trò chuyện...

Trong số những người bạn ở quê, nhắm tính lại, ông Kế chỉ có thể thoải mái đến với hai người: Một là ông Văn - giáo viên đã nghỉ hưu; hai là ông Khắc - nghệ nhân trồng hoa, cây cảnh. Cả hai người này, ông đều gọi là "tri kỷ", bởi họ luôn chia sẻ cùng ông tất cả; không chút nề hà, dằn đo, suy tính... Trong bất kỳ tình cảm nào, còn ngần ngại suy đi tính lại, so đo thiệt hơn, đều không thể lâu bền! Bạn bè từ thời đi học, đi lính, đi làm, quan hệ làm ăn, thù tạc lai rai thì nhiều, rất nhiều; nhưng bạn để nâng đỡ, lắng nghe, chia sẻ cùng nhau mọi nỗi đời truân chuyên thì có lẽ rất hiếm! Gần hết cuộc đời, ông thấy mình cũng rất diễm phúc: Ông còn có được vài người bạn gọi là tri kỷ xa gần để thăm hỏi, tưởng nhớ...

Mỗi sáng sớm, khoảng 4 giờ 30, ông nhẹ nhàng mở cửa ra đi với chiếc xe đạp cũ mà trước kia hằng ngày vẫn đạp xuống góc phố. Ông đạp xe thật chậm. Cút kít. Cút kít. Lơ đãng nhìn trời đất còn im vắng, phố chợ còn lờ mờ trong sương. Lên đến công viên, ghé lại chỗ gốc cây hàng ngày vẫn đến, ông dựng xe vào đó và bắt đầu đi quanh công viên, đếm từng bước đi thông thả, lặng lẽ, nhẹ tênh, đúng năm vòng. Khi mặt trời ló dạng ở hướng đông thị trấn, ông đến ngồi trên một bậc cấp của căn nhà lục giác phía nam, ngóng nhìn cảnh vật như một đứa trẻ lần đầu được ra ngoài, rong chơi xa... Ông vẫn dành thời gian gần nửa giờ mỗi sáng để nhớ lại mọi chuyện đã đi qua đời ông, như một cách thư giãn... Ông dừng lại ở mỗi chặng đường thẳng trầm gian khó, suy gẫm, và cười: "*Rồi tất cả cũng sẽ như vậy! Không có gì đứng yên một chỗ!*". Câu kết luận này vẫn thường ở đầu môi ông, mỗi khi gặp những chuyện quá u buồn. Mỗi lần nói xong câu ấy, ông tự dưng cảm thấy vui vui, an lòng với duyên nghiệp của mình. Xưa nay, ông thường tự khuyên lấy mình, an ủi lấy mình. Đã bao năm, ông ít khi nhận được lời thăm hỏi, chia sẻ thăm thiết từ các con, những người thân, cho dầu đôi khi, ông rất ao ước được nghe. Ông thầm mong sao mỗi ngày, mỗi tuần, hay mỗi tháng, được nghe vài lời thăm hỏi, khích lệ, chia sẻ của chúng để được an tâm mà sống tiếp cho hết quãng đời ngắn ngủi còn lại! Ông đâu dám đòi hỏi gì nhiều? Cuối cùng, ông vẫn tự khuyên mình: "*Hãy quên chuyện cũ, đừng mơ chuyện mới, phải tự mình sống tốt với bây giờ!*". Và từng ngày tháng qua, từ khi rời Saigon trở về gần hai năm, ông đã sống yên lặng nhơn nhơn với mình như vậy; như hàng cây bạch hà vô tư bên đường trước sân nhà.

Rải rác trên các ô sân rộng, trên thềm hành lang, hay tại các ghế đá dọc theo bờ hồ công viên ở giữa, người đi tập thể dục đông dần. Nhiều nhất là quý bà, quý cô, và các em học sinh. Đàn bà tập thể dục để giữ sắc đẹp và sức khỏe. Đàn ông tập thể dục để mong có sức khỏe sống lâu, nhưng dường như họ ít quan tâm hơn là việc hưởng thụ trước mắt.

Ông vẫn ngồi yên. Lặng lặng một mình nhìn ngó. Mỉm cười. Và đôi lúc chợt thở dài...

Một buổi sáng, một cô gái trạc hai mươi dừng lại.

- Thưa chú, chú ngồi nhìn gì mà cháu thấy sáng nào chú cũng đến ngồi ở bậc cấp đây cả nửa giờ vậy? - cô gái hỏi.

- À, chào cháu! Chú ngồi nhìn trời đất, cây lá, xe cộ, mọi người qua lại, và đời mình...

- Đời mình làm sao mà nhìn được hả chú?

- Có đấy! Cháu chưa đến tuổi để có thể "nhìn lại đời mình" đâu. Rồi cháu sẽ biết thôi...

- Vậy thì có gì đâu mà chú cứ nhìn hoài cả tháng... không chán?

- Không nhìn vậy, chú biết nhìn ở đâu, bây giờ?

Cô gái mỉm cười, bước đi. Ông Kế chợt nghĩ: "Có lẽ mọi người quanh công viên cũng có thể nghĩ vậy, nhưng chỉ có cô gái kia là hồn nhiên cất tiếng hỏi mà thôi!". Tuổi trẻ của ông cũng có thời đã trải qua như vậy: Hồn nhiên, bộc trực, chân tình. Những tháng năm đi

học ngây thơ bay nhảy, những tháng năm vượt rừng lội suối ào ào, những tháng năm lang bạt đó đây không toan tính; ôi những tháng năm của một đời người sao mà qua mau đến vậy? Ông tự hỏi: "Đã có lần nào trong cái quá khứ ấy, ta đã dành một phút giây nào nghĩ đến buổi sáng hôm nay ngồi ở bậc thềm nhà lục giác này một mình không nhỉ?".

Vợ chồng Thảo thường thức dậy lúc năm giờ khi ông Kế đã ra đi khỏi nhà. Sáng hôm nay, ra mở cửa, Thảo vẫn nhìn thấy chiếc xe đạp của ông dựng ở góc nhà giữa. Hiệp - chồng Thảo - lo gọi con thức dậy, rửa mặt cho nó, thay áo quần, chuẩn bị cho nó ăn sáng, pha chai sữa đem theo, kiểm tra túi xách nhỏ đựng áo quần khăn lau, và chở con đến trường mẫu giáo trên đường đi dạy. Lúc Hiệp chở con ra đi, Thảo vội lên gác gọi cha dậy, để kịp đi làm sớm một chút vì phải thay phiên ca trực cho người bạn.

Thảo thấy cha nằm ngủ. Yên lặng.

Cô đưa tay vén mùng, kéo nhẹ cánh tay cha.

Cô kéo hết chiếc mền đắp, giật mạnh cánh tay lần nữa.

Ông Kế vẫn nằm im. Đôi mắt nhắm nghiền. Như người ngủ say.

- Cha ơi! Thảo gọi, cha ơi...

Cô áp bàn tay lên mặt cha. Lạnh ngắt. Áp bàn tay lên ngực cha: Trái tim không còn đập nữa... Thảo áp sát tai lên mũi cha, không nghe thấy động tĩnh gì: "Cha ơi...!" -



Cô bật khóc òa lên thảm thiết: "Cha ơi, đã đi thật rồi sao?"

Ông Kế đã chết!

Thảo vội lấy điện thoại gọi ngay cho Hiệp. Rồi gọi cho Tính.

Hiệp quay về, nhưng không thể làm gì được nữa rồi.

Trưa hôm ấy Tính theo chuyến bay 10 giờ sáng, trở về, chỉ kịp lo chuẩn bị cho các việc xem giờ, mua cổ áo quan, khâm liệm, thành phục, mời đội mai táng thị trấn đến phụ giúp lễ nghi... Nhớ lời dặn của ông Kế trước, Thảo vội đến chùa Ngọc Tánh nơi ông Kế đã quy y, mời thầy trụ trì đến làm lễ cầu siêu. Vợ và hai đứa con của Tính cũng đã lên tàu ngay chiều hôm qua.

Vì được ngày lành, bốn giờ chiều hôm sau xe tang đã đưa ông Kế lên nghĩa trang thị trấn, đúng giờ thường ngày ông Kế vẫn lái chiếc xe đạp ra để bắt đầu đi về vùng ngoại ô ngắm cảnh... Bây giờ thì ông cũng có một chuyến đi, nhưng đi mãi, không về!

Vợ con Tính sau ba ngày "làm ngu", đã lấy máy bay trở lại Saigon vì công việc, vì không thể bỏ nhà lâu hơn. Tính còn ở lại cho đến ngày làm tuần. Mấy ngày chờ đợi, anh tiếp bà con, bạn bè, xóm giềng đến thăm, chia buồn. Một buổi sáng, anh tản mần thu xếp chồng sách báo cũ của ông Kế ở góc phòng ông nằm, tình cờ nhặt ra một cuốn sổ tay bìa mầu nâu đã sờn cũ, to bằng hai bàn tay, dày khoảng trăm trang...

Anh lật vội vào trang đầu, thấy nét chữ nắn nót chơn phương của ông Kế năm xưa: "Nhật Ký Cho Con"...

"10 giờ ngày 21 tháng 5 năm 1981

... Đã qua một ngày thở oxy ở phòng cấp cứu, nhưng mầu da của Tính vẫn còn xanh tái, thỉnh thoảng bị co giật. Tình trạng không có chiều hướng thuyên giảm chút nào. Cô bác sĩ trưởng phòng vẫn thản nhiên ngồi cầm cúi ở bàn làm việc, không tỏ chút bận tâm, hay có ý kiến gì với vợ chồng mình cả! Chỉ có hai cô y tá là luôn đứng bên cạnh Tính, theo dõi, nhưng cũng không có quyết định gì mới, sau buổi chiều ấn vào tay mẹ Tính cái toa thuốc, nói với bà: "Chị nên đi mua các loại thuốc cần thiết cho cháu gấp đi, bệnh viện không có tiêu chuẩn đặc biệt dành cho gia đình chị". Mẹ Tính cầm toa thuốc, đã ôm mặt khóc ầm ức vì biết rằng, với mấy loại thuốc ngoại nhập hiếm hoi ấy, moi hết tiền của trong nhà, cũng chẳng đủ! Mình đã vội đi hỏi thăm ở khoa dược, được biết, giá cho bốn loại, mỗi loại một hộp và bình serium đạm phải gần ba trăm ngàn. Mình đã moi hết trong óc ra tên những người thân, những người bạn, nhưng chẳng có chỗ nào có thể đến mượn tiền được, ngay chỉ một trăm ngàn. Cô bác sĩ trưởng phòng đã có ý không đổi bình oxy mới, khi bình cũ sắp hết. Cô buông lời lạnh lùng: "Cháu không sống được đâu!"

"13 giờ chiều ngày 21 tháng 5..."

... Trong lúc ngồi bó gối ủ rũ ở hành lang phòng cấp cứu số 2, mình bỗng nghe tiếng người đàn bà khóc òa lên khi bước ra khỏi phòng. Trông cách ăn mặc, dáng vẻ của bà, mình nghĩ có lẽ bà thuộc gia đình giàu sang, hay cán bộ cấp cao. Mình đến gần: "Sao vậy bà?" - "Cháu cần máu để

truyền, nhưng những người thân không ai có nhóm máu AB của cháu cả! Bác sĩ nói, nếu không có máu truyền gấp cho cháu chiều nay, cháu khó qua khỏi đêm nay đâu...". Mình bỗng nhớ đến loại máu của mình được khắc trên thẻ bài năm xưa, là loại máu AB - "Tôi thuộc nhóm máu AB - tôi giúp cháu được không?". Người đàn bà nghe xong, hai tay chắp trước ngực: "Phật ơi! Ngài đã cứu con tôi..."

Mình đã đi theo bà đến phòng lấy máu nằm bên kia dãy lầu như một cái máy. Sau khi cân trọng lượng của mình, gần 60 ký, vị bác sĩ hỏi thêm mấy câu về bệnh tật đã và đang có, sinh hoạt hằng ngày, căn dặn đôi điều sau khi được lấy máu cần giữ gìn, nếu có triệu chứng bất thường thì làm cách nào, cách nào, vân vân - mình cũng chỉ nghe như một cái máy, mong được lấy máu sớm, để kịp thời cho người bệnh đang trông chờ từng phút trong phòng cấp cứu. Khi cô y tá xét nghiệm máu xong, mình được hướng dẫn ngồi vào chiếc ghế bành rộng, dựa lưng thẳng, và cô y tá đã lấy của mình 350ml cần thiết...

Mình ngồi im một lát, và cảm thấy hơi choáng, có lẽ sau hai ngày đêm mất ăn mất ngủ chẳng? Mình nhắm mắt, dựa lưng thẳng hơn lên thành ghế dựa nệm mousse cho đỡ mệt. Người đàn bà nhét vào túi áo mình một xấp giấy bạc, ríu rít nói lời cảm ơn, và theo vị bác sĩ cầm bịch máu biến ngay sau cánh cửa phòng, mình không thể phản ứng gì... Sau hơn mười lăm phút, mình đã ngồi dậy được - cô y tá mỉm cười dặn: "Chú hãy giữ nguyên băng dán ít nhất sáu giờ liền nhé! Nên bồi dưỡng vài hôm! Uống nhiều nước, sữa, ăn trứng, và nước cam, tránh làm việc nặng, không thức khuya... Vài hôm là sẽ trở lại bình thường thôi chú à!". Mình hơi ngượng vì việc làm bất ngờ của người đàn bà, mình đâu có nghĩ đến việc "trả ơn" như vậy của bà ta trước đó? Mình bước vội ra ngoài, đi lững thững dọc hành lang để trở về phòng của Tính.

Mẹ Tính vừa thấy mặt mình, đã chạy lại khóc bật lên: "Trời ơi! Con đang nằm chờ chết, mà ông đi đâu cả mấy giờ?". Mình rút xấp tiền trong túi áo, không biết là bao nhiêu, đưa ngay cho mẹ Tính. Bà xòe ngay ra đếm: "Trời ơi! Tiền ở đâu mà nhiều vậy, ông?". "Anh mượn của người bạn - em coi thử bao nhiêu?". "Anh đi mượn tiền của người ta mà không biết bao nhiêu sao? Đến ba trăm bảy chục ngàn lận!". "Em lấy ba trăm gởi cho bác sĩ để mua thuốc cho con ngay đi, nhanh lên!". Mẹ Tính lật đật đẩy cửa, chạy vào phòng..."

"8 giờ sáng ngày 24 tháng 5..."

Người đàn bà hôm trước lại tìm gặp mình ở hành lang trước phòng cấp cứu của Tính. Bà đưa hai tay cầm lấy tay mình, giọng run run: "Cám ơn anh nhiều lắm, cháu đã qua khỏi cơn nguy kịch. Bác sĩ phòng cấp cứu cho biết vài hôm nữa thôi sẽ chuyển sang phòng hồi sức để điều trị tiếp, chờ ngày xuất viện!". Mình cũng đã ôm chầm lấy bà: "Cám ơn bà, bà đã cứu con tôi!"

Tự dưng, cả hai cùng khóc..."

Tính áp quyền nhật ký lên ngực mình, khóc nức lên: "Cha ơi!". ■

Boâng bí va ợg

TRÚC CHI

Có thứ hoa của cao sang đài các người ta rất đổi nâng niu. Cũng có loài hoa của thôn dã đồng nội; mọc tự nhiên bên vệ đường, dọc bờ bãi mà chẳng cần một bàn tay nào chăm nom, vun xới. Có loài hoa chỉ để ngắm nhìn, nhưng cũng có loài hoa để chữa bệnh, làm thức ăn. Với riêng tôi, bông bí vàng ươm nơi quê nhà luôn là loài hoa đẹp, bởi hoa tươi một màu óng ả, đẹp một màu đơn sơ và luôn có ích cho đời...

Hàng năm, cứ độ cuối đông lập xuân, khi tiết trời không còn lạnh lẽo, không còn những cơn mưa dầm dề và trời ấm dần lên, mẹ tôi lại ra vạt đất trước nhà làm luống thả hạt bí đỏ. Năm nào cũng vậy thành quen, cứ ra tết nhà tôi có một vạt bí đỏ xanh tốt, dây bò khắp trước sân nhà. Mẹ tôi chăm vạt bí này rất kỹ; mỗi chiều làm đồng về, bà lại ra mương lấy nước tưới vạt bí; thỉnh thoảng lại bón thêm phân; một đôi ngày bà bắt sâu, làm cỏ. Nhờ vậy mà những dây bí cứ thế bò ra, mạnh khỏe và bụi bặm, ai đi qua cũng khen. Riêng mẹ thì vui mãi trong lòng.

Mẹ trồng vạt bí vì nhà tôi ai cũng thích ăn loài rau này. Quả bí đỏ nấu canh hoặc nấu chè đậu xanh, ngọn và lá non bí đỏ tước bỏ xơ đem luộc chấm mắm nêm, bông bí đỏ nấu canh với rau dền... ba mẹ và anh em tôi ai cũng thích, ăn hoài không chán bao giờ. Ngày trước, cuộc sống còn vất vả; phần nhiều thức ăn của gia đình tôi đều do mẹ tự tay trồng. Trước sân, mẹ trồng hàng cà, sau vườn một vạt rau ngót, trên giậu mẹ thả mồng tơi; có khi ngoài ngõ mẹ còn làm thêm giàn mướp; mùa nào thức nấy. Riêng bí đỏ mẹ cứ trồng quanh năm, chủ yếu để lấy bông và ngọn.

Cho đến bây giờ mẹ vẫn giữ thói quen này; trước nhà bà vẫn trồng mấy dây bí. Mẹ hay bảo tôi, cái gì mình làm ra được thì nên làm, mà ăn ngon rau trong vườn cũng sạch và tốt hơn. Mấy dây bí và những bông bí vàng cứ như thế ở với nhà tôi mấy chục năm rồi, hết vạt này là mọc lên vạt khác; cho nên vạt bí đối với tôi hóa thành gần bó yêu thương; đặc biệt, bông bí gắn với tuổi thơ tôi nhiều kỷ niệm đẹp.

Ngày nhỏ tôi rất thích bông bí. Ngày ấy vô tư, tôi hay chọn bông bí nào to và đẹp nhất hái vào đêm cấm lọ hoa đặt trước khung cửa sổ. Nhiều khi bị mẹ mắng, vì hái nhầm bông cái, bông sẽ kết thành trái bí sau này. Cũng có lần mẹ bảo ra hái bông bí về nấu canh, tôi tiếc bông hoa vàng ươm không hái, trưa làm đồng về nhà chỉ có nổi canh toàn nước với mấy cọng rau dền, mẹ chỉ cười mà không nổi giận. Hồi ấy, khi anh em được ba mẹ phân công nhiệm vụ ở nhà, bao giờ tôi cũng chọn công việc tưới nước, làm cỏ cho vạt bí. Vì khi ấy tôi tha hồ chải chuốt cho từng ngọn bí xanh mướt, từng bông bí vàng tôi thương. Bây giờ ngồi nghĩ lại, tự dung thấy vui, thương một thời khờ dại, người ta hay bảo, bông bí vàng có đáng chi đâu...

Ai bảo bông bí vàng không đẹp. Với tôi bông bí lúc nào cũng thuần khiết một màu, đơn sơ nhưng đầm ấm, giản dị nhưng cũng rất đổi cao sang. Bông bí vàng không phải là hoa dâng hương sắc cho đời; mà chỉ chọn cho mình một thiên chức bình thường hơn, là góp cho bữa ăn thêm một hương vị. Với riêng tôi, bông bí vàng là những ký ức êm đềm của tuổi thơ, đầm ấm mãi một miền kỷ niệm, về một thời khờ dại vô tư bên cha mẹ ruộng vườn... ■



Vò tương, Vại nhút quê mình

LÊ LAM HỒNG

1 “Tương cà là gia bản” – một “châm ngôn” của vùng đất “chó ăn đá, gà ăn sỏi” quê tôi. Nắng thì muốn nung chảy con người; rét thì rét cắt da cắt thịt. Chính khí hậu khắc nghiệt, chính đời sống vật chất kham khổ tự bao đời đã tạo nên tính cách con người – thể hiện rõ nhất là trong nếp sống, trong cách ăn uống, cách sinh hoạt hàng ngày của người dân trung du xứ Nghệ.

2 Vò tương thường đặt trước sân để phơi nắng được thuận tiện. Nguyên liệu gồm đậu nành, muối và mồi làm tương. Cơm nếp trải ra để nguội; rải ra nia và đập bằng lá nhãn, để trong nhà nơi khuất gió. Ba ngày sau mồi xanh, mồi đỏ nổi lên. Đậu nành rang lên, cho vào cùng mồi cơm nếp bóp vụn. Đổ nước muối vào cho ngập hỗn hợp này. Muốn thử độ mặn nhạt thì cho quả trứng gà vào. Trứng nổi lên là tương mặn, cần điều chỉnh bớt; trứng chìm xuống là tương nhạt, cần tăng độ mặn vào phù hợp. Khi trứng nổi chừng hai phần ba vò tương là được. Dùng ngô rang lên, giã nhỏ làm thính rắc thêm vào cho thơm.

Xong xuôi, lấy lá chuối khô bịt kín miệng vò, đặt chiếc nón cời lên che mưa che nắng và phơi tương. Khoảng mười ngày sau thì tương sẽ chín... Mở lớp lá chuối ra, một mùi thơm ngào ngạt bốc lên. Nước tương màu vàng óng ánh dưới ánh mặt trời. Cá sông kho tương, xắt lá nghệ non thêm vào thì dậy lên một mùi thơm hấp dẫn. Hoặc nước tương dùng để chấm rau lang, rau muống luộc. Hoặc món cà (loại cà bát, trái lớn) luộc lên, xẻ làm ba, làm bốn để ngập vào tương ăn vừa thơm vừa giòn. Món tương khó quên khiến người xa quê luôn nhớ về để mà trải lòng mình nơi đất khách quê người thiếu mùi quê thân thuộc:

“Anh đi anh nhớ quê nhà

Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương”.

3 Nhút là món ăn dân dã của người miền quê trung du. Nguyên liệu gồm xơ mít, bắp chuối rừng xắt nhỏ; cà pháo, măng nứa trộn chung cùng với thính ngô. Đổ nước muối vào cho ngập hết, dùng cục

đá dần lên cái vị tre cho mọi thứ chìm trong nước muối. Đậy kín vại nhút bằng lá chuối khô, đập lên bằng chiếc nón rách và đặt ở sau hè. Có những vùng quê làm nhút ngon nức tiếng gần xa. Nguyên liệu chỉ có xơ mít non xắt nhỏ hoặc chỉ có bắp chuối rừng, bổ sung thêm củ riềng đập giập vào đáy vại. Vì vậy có câu tục ngữ “Nhút Thanh Chương, tương Nam Đàn” chỉ hai vùng quê có nghề “truyền thống” ấy.

Nhút có vị chua chua, sần sật của xơ mít, của bắp chuối hòa lẫn mùi riềng, mùi thính thơm dịu. Tương, nhút là thực phẩm sạch “chính hiệu”, không sử dụng bất kỳ hóa chất độc hại nào trong quá trình làm ra sản phẩm. Nhút Anh Sơn, nhút Thanh Chương, tương Nam Đàn của vùng quê xứ Nghệ giờ đã có thương hiệu; có mặt khắp mọi miền đất nước.

Những người con xa quê, tuy nơi đất khách quê người có biết bao món ngon vật lạ, nhưng hương vị sâu đậm của tương, của nhút quê nhà khó mà quên được!

Mỗi lần về quê, tôi thường xuống chợ mua nhút về làm các món ăn để thỏa nỗi nhớ nhà. Nhút có thể ăn sống, có thể xào cùng thịt lợn và chế ra nhiều món ăn hấp dẫn khác. Vại nhút, vò tương quê nghèo đã nuôi lớn bao người con quê hương; nuôi lớn bao ông tướng, ông tá; nuôi lớn bao ông cống, ông nghề...

4 Vò tương, vại nhút đã vắng dần trong mỗi gia đình. Về quê giờ chỉ còn ông bà già cùng các cháu. Thanh niên nam nữ lớn lên là “hành phương Nam” tìm việc làm; gởi cháu lại để ông bà chăm nom. Công việc làm tương, làm nhút tương chừng đơn giản nhưng phải “mát tay”; có hiểu biết các quy trình mới có vò tương, vại nhút ngon, hấp dẫn...

Đâu rồi cái thời mẹ mở vò tương, múc từng bát đưa vào kho cá, kho chạch? Đâu rồi cái thời đến bữa ăn, ra sau hè giờ nón ra, vắt nhút vào ăn cơm trưa, cơm chiều?

Một nét sinh hoạt đặc trưng trong đời sống hàng ngày lẽ nào vắng bóng vại nhút, vò tương nơi góc sân, nơi sau hè đọng đầy bao kỷ niệm? ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Tôi vẫn nhớ, hồi tôi còn học phổ thông, hàng năm, vào giữa tháng Bảy âm lịch, liên tiếp trong khoảng một tuần trước sau ngày rằm, mỗi ngày mẹ tôi đều cắm một đóa hoa hồng vào chiếc ly đặt lên bàn học của tôi. Mẹ bảo, để tôi nhớ mẹ. Vì nhà chỉ có hai mẹ con, tôi cảm ơn mẹ và trả lời, “Lúc nào mà con không nhớ mẹ?”. Nhưng cũng nhiều lần tôi thắc mắc với ý chế bai, khi thì hỏi mẹ sao mà chỉ có một bông hồng duy nhất, lúc nói rằng bông mẹ mua không được tươi, có bạn tôi lại phụng phịu bảo sao mẹ không thay cho con bằng một loại bông hoa nào khác... Mẹ tôi chỉ cười mà chẳng nói gì. Khi tôi lên Sài Gòn học đại học, thỉnh thoảng đi thăm tôi đúng vào dạo rằm tháng Bảy, ngoài những món quà quê, mẹ cũng mang thêm cho tôi một đóa hồng. Tuy thương mẹ, nhưng vốn là một đứa vô tâm, tôi cũng chỉ nghĩ đó là một thói quen kỳ lạ của mẹ. Nhận hoa thì cảm ơn mẹ, nhưng tôi không thấy có gì ý nghĩa.

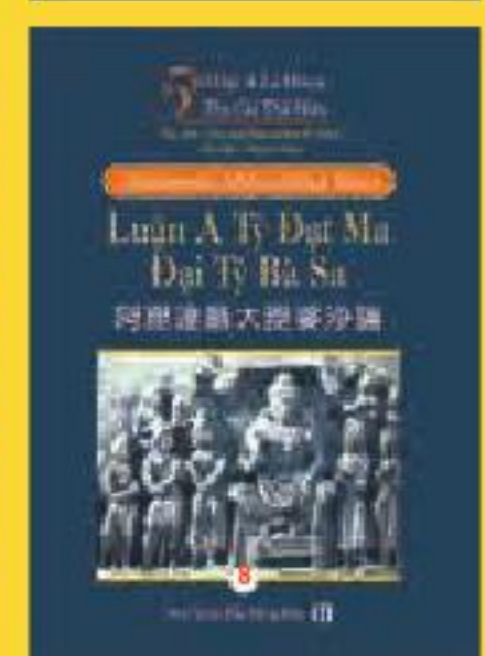
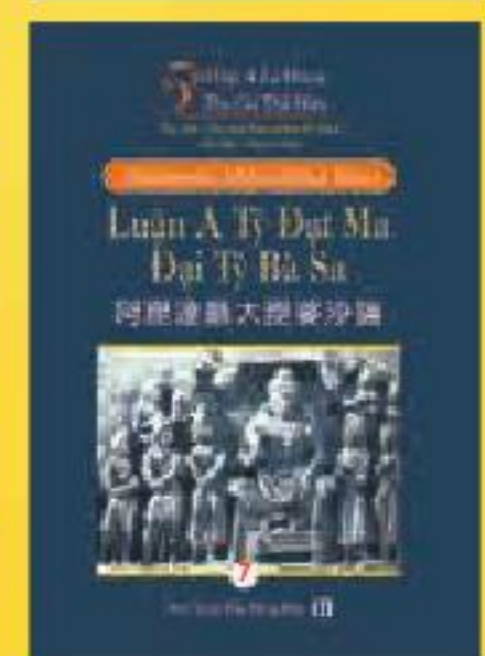
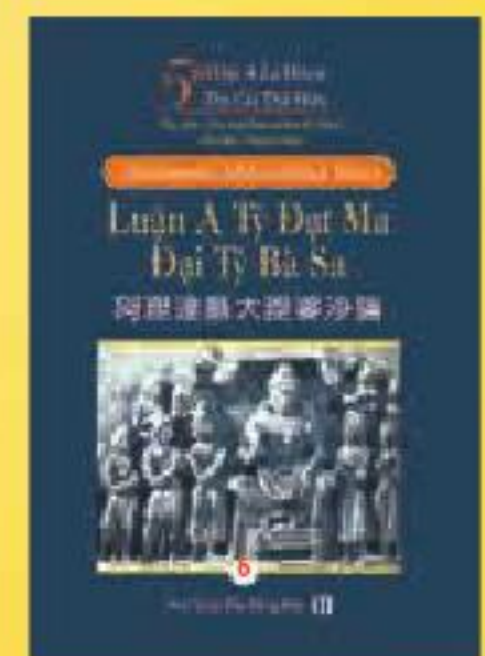
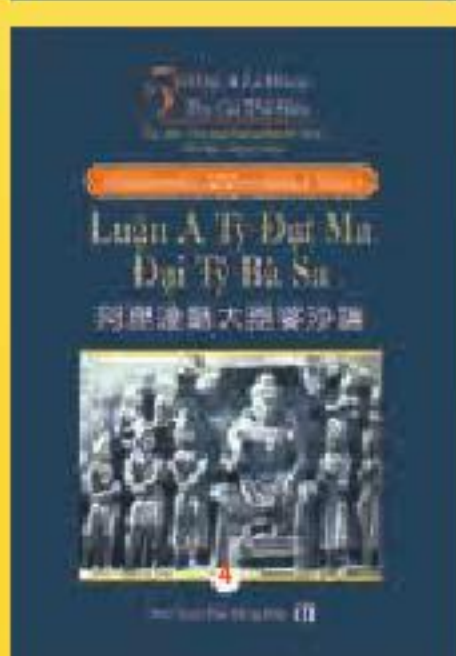
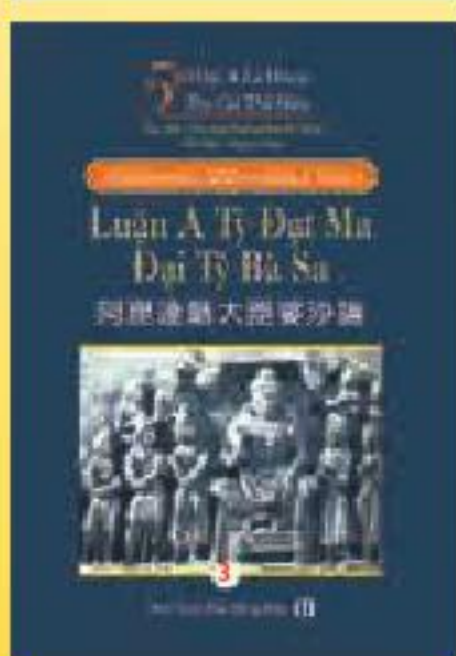
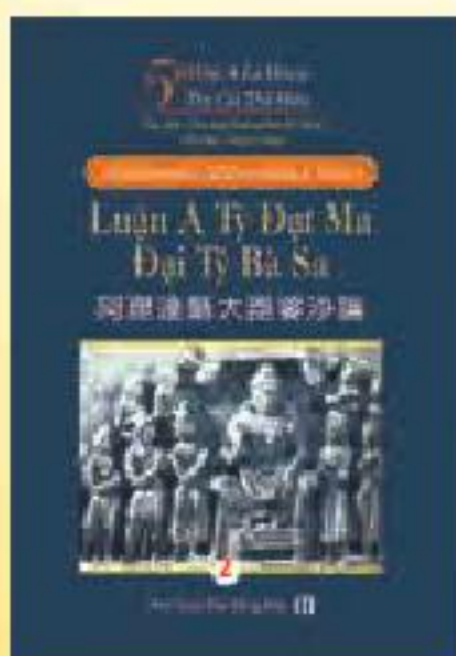
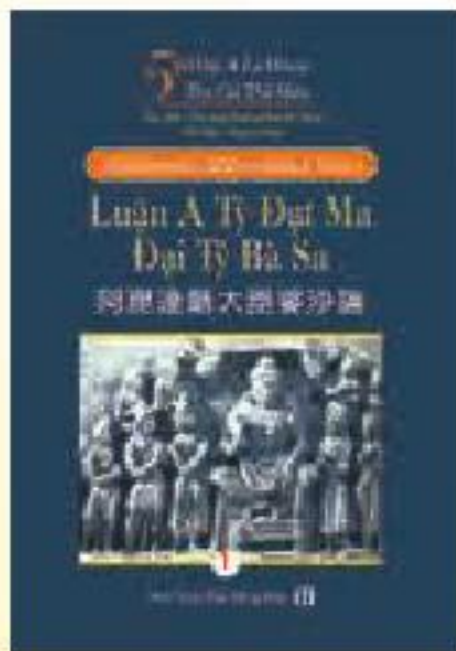
Thế rồi tôi tốt nghiệp đại học. Không tìm được việc làm ở thành phố, tôi về quê sống với mẹ và chọn một công việc bình thường để phụ mẹ mưu sinh, vì chỉ ba năm sau thì mẹ tôi cũng về hưu. Tiếp tục ở bên cạnh mẹ, tôi lại được mẹ tặng một bông hồng mỗi dịp rằm tháng Bảy. Nhưng chỉ sau tám năm tôi trở về quê sống bên cạnh mẹ, mẹ tôi đã bất ngờ ra đi sau một cơn đột quỵ. Lại sắp đến rằm tháng Bảy, tôi thành tâm thắp một nén hương lên bàn thờ mẹ, nhớ lại những đóa hoa hồng mà mẹ đã tặng tôi ngày tôi còn đi học. Mẹ ơi, con đã thọ nhận ơn đức sinh thành dưỡng dục và tình thương bao la của mẹ; sự hy sinh tận tụy của mẹ mà con biết không thể nào đền đáp được.

Trần Thị Thanh An, Châu Thành, Tiền Giang

Con trai tôi năm nay lên bảy tuổi, hết hè này vào lớp Hai. Cháu rất kén ăn, hầu như ăn cái gì thằng bé cũng bỏ bữa. Sáng thứ Bảy vừa qua (ngày 5-7-2014), sau khi đón con đi học tiếng Anh thiếu nhi ở nhà cô giáo về, tôi đưa cháu vào Công viên Phú Lâm chơi. Đi ngang một quầy bánh mì, cháu đòi mua; chiều con, tôi mua cho cháu một ổ bánh mì trứng theo đúng ý nó. Vậy mà hai mẹ con vừa đi được một quãng dọc theo con đường bê-tông, sau khi gặm hai ba miếng gì đó, thằng bé kêu lên, “Bánh mì dở ẹc”. Tôi chưa kịp phản ứng, nó đã liệng ổ bánh mì xuống thảm cỏ bên cạnh. Ngay lúc ấy có một cậu bé quãng mười một mười hai tuổi đi tới; thấy vậy, cậu bé cúi xuống nhặt ổ bánh lên rồi quay lại hỏi con tôi, “Bánh vậy mà sao em liệng đi?”. Thấy cậu bé quàng một cái túi trên vai và cầm xấp vé số trên tay, tuy ăn mặc gọn gàng nhưng đáng vẻ tiền tụi, tôi xúc động, hỏi: “Cháu có đói không?”. Cậu bé lễ phép trả lời, “Thưa cô, ngay lúc này cháu không đói. Nhưng nếu em không ăn thì cháu nhặt để dành. Nhiều lúc cháu đói mà chẳng có gì ăn”. Thấy tôi lặng yên, cậu bé bỏ miếng bánh mì dở vào cái túi rồi cúi đầu chào và bỏ đi. Con tôi ngẩn ngơ nhìn. Thấy vậy, tôi dẫn con vào ngồi ở một chiếc ghế đá ven đường, ôn tồn giảng giải cho cháu biết sự quý giá của thức ăn. Tôi bảo, “Con lúc nào cũng có thức ăn, nhưng anh ấy chẳng lớn hơn con bao nhiêu, đã phải tự lo cuộc sống và nhiều khi đói mà chẳng có gì để ăn”. Thằng bé ra chiều ngẫm nghĩ. Từ hôm ấy, tôi để ý thấy con tôi cố ăn hết phần ăn của nó, không bỏ bữa thức ăn nữa. Tôi hy vọng con tôi nhờ vậy mà biết quý trọng đúng mức sản phẩm lao động của xã hội. Tôi thực sự biết ơn cậu bé bán vé số hôm ấy, hành vi của cậu đã giúp con tôi thay đổi. Xin cảm ơn cậu bé và cái duyên khiến mẹ con tôi chứng kiến hành vi của cậu.

Châu Thị Thanh Loan, đường An Dương Vương, quận 6, TP.HCM

Luận A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa **Trọn bộ 8 tập đóng hộp, 200 quyển, 5.415 trang**



“Các Bộ phái phát triển về sau tiếp tục xây dựng Giáo nghĩa cho Bộ phái của mình cũng đều dựa trên 3 bộ phận **uẩn xứ giới** ấy. Cho đến các nhà Du Già Hành (Yogàcàrin) về sau cũng vậy. So sánh hệ thống giáo nghĩa được phổ biến trong **Luận A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa** và **Luận Du Già Sư Địa** sẽ thấy rõ điều này. **Đây có thể nói là hai bộ Bách khoa toàn thư** của 2 trường phái Phật giáo khác nhau, trong đó mỗi bên đều nỗ lực y trên Phật ngôn để khám phá toàn bộ bản chất và ý nghĩa tồn tại của nhân sinh cùng thế giới”.

(*Tuệ Sỹ. Tăng Nhất A-hàm – Tổng Mục Lục. 2011. Trang 15*)

Luận A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa (Abhidharma – mahavibhāṣā – śāstra). Đây là bộ luận đồ sộ nhất hiện có trong Hán tạng. Tác giả của Luận là 500 vị A-la-hán. Nói rõ hơn: *Luận A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa* là một Bộ Luận Thích. 500 vị A-la-hán, dưới sự chỉ đạo của Tôn giả *Thế Hữu* (Vasumitra), trải qua 12 năm, đã chú giải quảng diễn Bộ Luận *A Tỳ Đạt Ma Phát Trí* của Tôn giả *Ca Đa Diễn Ni Tử* (Kātyāyaniputra) một Đại Luận sư kiệt xuất của Phái Hữu Bộ, sống vào khoảng 300 năm sau Phật diệt độ (ĐTK/ĐCTT, Tập 26, N° 1544, Pháp sư Huyền Tráng Hán dịch, 20 quyển). Tôn giả *Thế Hữu* biên tập, tổng duyệt, để thành *Luận A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa*, được xem là thành quả tiêu biểu của lần kết tập kinh điển thứ tư – theo Phật giáo Bắc truyền, tổ chức tại nước Ca Thấp Di La, do vua Ca Nị Sắc Ca bảo trợ, vào khoảng 400 năm sau Phật diệt độ.

CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DĐ: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pàli và Sanskrit.

Dinh dưỡng và bệnh tim mạch ở người cao tuổi

BS CK1 TRẦN THỊ MINH NGUYỆT
Thành viên HĐQT Công ty Nutifood

Ở người cao tuổi, các hoạt động chuyển hóa và dinh dưỡng có nhiều biến đổi theo chiều hướng suy yếu tất cả các cơ quan như tiêu hóa kém, thận giảm khả năng thanh lọc, hệ thần kinh suy yếu.... Đặc biệt, người lớn tuổi rất dễ mắc các bệnh tim mạch như thiếu năng tuần hoàn não và tim, cao huyết áp, xơ vữa động mạch, nhồi máu cơ tim, tai biến mạch máu não... là những bệnh nguy hiểm đến tính mạng cũng như ảnh hưởng chất lượng sống của người cao tuổi.

Dinh dưỡng ở người cao tuổi ngoài việc chú ý phù hợp với sự suy yếu của các cơ quan tiêu hóa, hấp thụ còn hết sức lưu tâm các bệnh nền hay gặp ở độ tuổi này, đặc biệt là các bệnh về tim mạch, giúp người cao tuổi ổn định sức khỏe để sống vui khỏe.

TRÁNH ĂN QUÁ NO

Người ở độ tuổi 65, lưới tuần hoàn ở hệ thống gan giảm 40-45% so với người

25 tuổi. Tính đàn hồi ở thành mạch giảm, lòng động mạch bị hẹp lại, tăng sức cản dòng máu, giảm cung cấp máu đến các nơi, đòi hỏi tim phải tăng sức co bóp, trong khi hệ tuần hoàn nuôi cơ tim cũng bị giảm gây ảnh hưởng dinh dưỡng của cơ tim. Việc ăn quá no tạo một sự căng thẳng, một gánh nặng quá tải cho hệ tuần hoàn đang suy giảm của người bệnh, bản thân dạ dày căng sau bữa ăn no cũng cản trở về mặt cơ học lên hoạt động tuần hoàn, hô hấp... có thể gây những hậu quả lớn ở người đang mắc bệnh tim mạch. Hơn nữa, ăn nhiều, ăn quá no còn gây béo phì. Do đó nên ăn vừa phải, chia thành nhiều bữa nhỏ, tránh ăn quá no trong một bữa.

GIẢM ĐƯỜNG VÀ MUỐI TRONG BỮA ĂN

Nhiều nghiên cứu cho thấy đường có liên quan sự phát triển bệnh xơ vữa động mạch do gia tăng tích tụ mỡ, béo phì, tăng triglyceride máu... trong lúc muối ảnh hưởng nghiêm trọng đến bệnh nhân

tăng huyết áp, suy tim. Do đó, người cao tuổi, đặc biệt người mắc bệnh tim mạch cần phải hạn chế muối và đường trong khẩu phần. Không ăn nhiều bánh, kẹo, nước ngọt, không ăn các loại khô, mứt, dưa muối... Người cao tuổi không nên ăn muối quá 1 muỗng cà phê (khoảng 6g) mỗi ngày, nếu đã mắc bệnh tim mạch thì không quá ½ muỗng cà phê (3g) hoặc ít hơn tùy mức độ, giai đoạn bệnh.





ĂN NHIỀU ĐẬU, MÈ, ĐẬU PHỘNG VÀ CÁ

Người có tuổi hấp thụ đạm giảm, khả năng tổng hợp đạm ở gan cũng kém hơn lúc trẻ nên dễ xảy ra thiếu đạm. Đậu, mè, đậu phộng chứa nhiều đạm để hấp thụ và chứa chất béo tốt cho cơ thể, trong đó có các acid béo không no như linoleic rất quan trọng trong phòng chống tăng cholesterol. Người cao tuổi nên ăn nhiều món ăn từ đậu nành như tàu hũ, tương, sữa đậu nành, tào phớ... nên ăn thêm mè, đậu phộng và ăn cá tối thiểu 3 bữa mỗi tuần. Các loại cá béo như cá hồi, cá trích, cá thu, ngừ... nhiều đạm và acid béo không no (omega 3) tốt cho hệ tim mạch, dầu cá có tác dụng giảm triglycerid, giảm nguy cơ đột tử do tim.

HẠN CHẾ THỨC ĂN NHIỀU CHẤT BÉO

Sử dụng thịt nạc, loại bỏ tất cả những phần mỡ nhìn thấy trước khi chế biến và lượng mỡ được tạo ra trong quá trình đun nấu. Không ăn nước xào, nước ninh xương ống, nước luộc thịt... Không ăn

da, đầu, cổ, cánh, chân các loại gia cầm, phủ tạng động vật... Nên chế biến thức ăn bằng hấp, luộc hơn là chiên, quay... Dùng dầu thực vật, nhưng phải hạn chế. Không ăn quá 2 - 3 quả trứng một tuần và phải ăn cách ngày.

ĂN NHIỀU RAU QUẢ TƯƠI, THỨC ĂN GIÀU CHẤT XƠ

Ở người cao tuổi sức co bóp dạ dày giảm, nhu động ruột giảm, dẫn đến nguy cơ táo bón. Khi táo bón kéo dài, vi sinh vật gây thối rữa phát triển, tạo nhiều hơi trong ruột gây đầy bụng, cơ hoành bị đẩy lên gây khó thở, trở ngại cho hoạt động của cơ tim, chưa kể việc rặn đi cầu khi táo bón là một việc gắng sức ở người bệnh, có thể gây đột quỵ rất nguy hiểm. Do đó, cần ăn nhiều rau xanh, củ quả để kích thích nhu động ruột, ngăn ngừa táo bón, đồng thời cung cấp nhiều vitamin, khoáng chất cần thiết cho cơ thể. Các chất xơ trong rau quả còn có tác dụng tăng thải cholesterol thừa trong cơ thể, giúp phòng ngừa và cải thiện xơ vữa động mạch.

UỐNG SỮA MỖI NGÀY

Sữa là loại thực phẩm giàu dưỡng chất, dễ sử dụng, thích hợp cho người cao tuổi, người bệnh, nên chọn các loại sữa không chứa cholesterol, được bổ sung các dưỡng chất tốt cho hệ tim mạch.

HẠN CHẾ RƯỢU, BIA, THUỐC LÁ

Với hệ tim mạch, rượu gây tổn thương cơ tim, tăng kích thước tim, giảm khả năng đẩy máu của tim, gây suy tim.

Hút thuốc lá là yếu tố nguy cơ hàng đầu đối với bệnh mạch vành, hút thuốc lá không những gây tổn thương màng trong các động mạch mà còn gây tăng nhịp tim và huyết áp, tăng nhu cầu oxy của các cơ tim. Các oxid carbon do hút thuốc lá sinh ra làm giảm khả năng vận chuyển oxy của máu, hút thuốc lá còn là nguồn sản sinh các gốc tự do, tăng độ kết dính của tiểu cầu và làm giảm các lipoprotein có lợi (HDL – High Density Lipoprotein).

(Nguồn: SÀIGÒN giải phóng
thứ Bảy số 1211)



CÔNG TY TNHH-TM HOA TIÊN

D13/2 Trần Nãi, P.Bình Khánh, Q.2, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
 - Linh vật phong thủy
 - Trang trí nội thất
- Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn



CÔNG TY CP MỸ THUẬT HUỲNH GIA SG

ĐC: 27 đường số 1, Khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức

- Thi công tạo mẫu các tôn tượng Phật, phù điêu, theo yêu cầu bằng nhiều chất liệu.
- Sản xuất các tôn tượng Phật, bài vị, hủ cốt, phù điêu bằng chất liệu pulyc composite.
- Thiết kế thi công trọn gói các công trình chùa, có nhiều kinh nghiệm xây dựng các tôn tượng kích cỡ lớn.

- **Liên hệ:** Anh Huỳnh Như Ý
- **Số điện thoại:** 0944 992 779 - 0944 991 889
- **Web:** Dieukhachhuynhgiassg.com.vn



TIB CHAY



Từ tháng 7-2014, **nhà hàng Tib chay**
sau 15 năm hoạt động, đã chuyển dời sang địa điểm
89-91 Phan Kế Bính, P.Đa Kao, Q.1, TP.HCM

có không gian thoáng rộng và lịch sự để phục vụ tốt hơn với lượng khách đông đảo.

Đặc biệt:

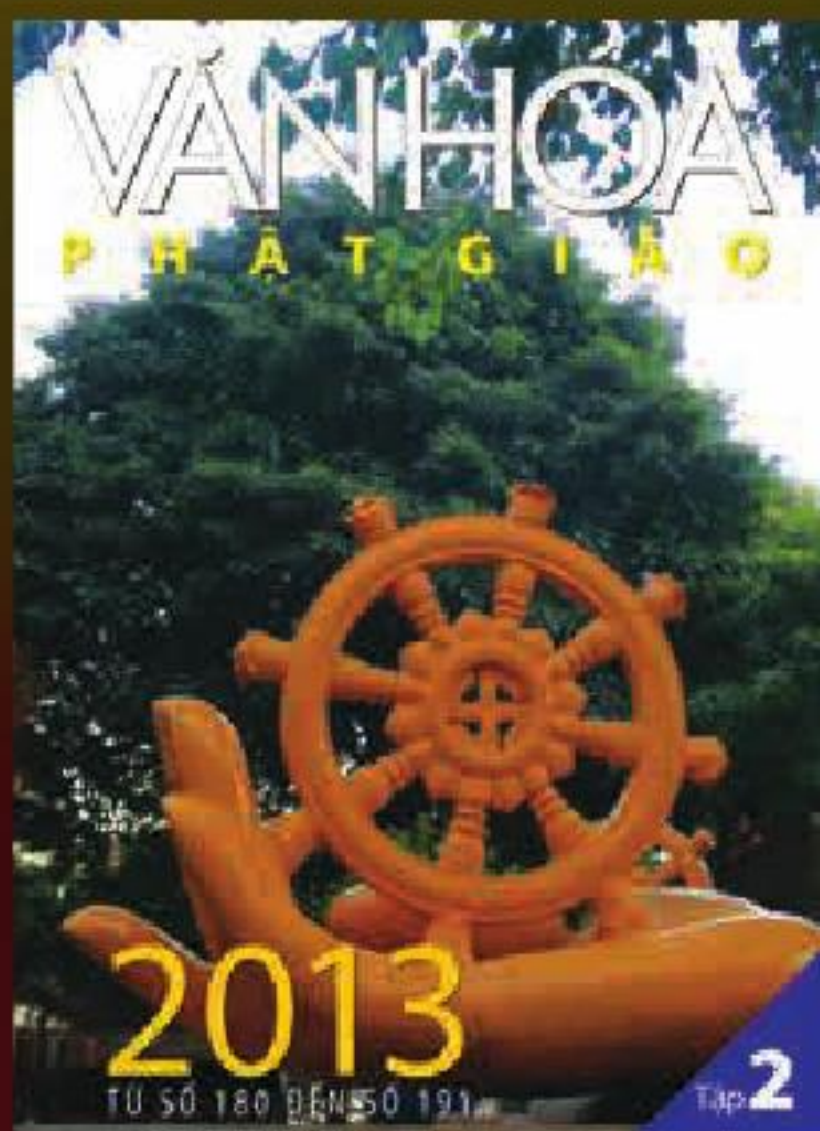
- Có thêm các món ăn mới, giá bán không đổi và phục vụ *phở chay - bún chay* vào mỗi buổi sáng.
- Giảm giá 15% khi khách cắt mẫu quảng cáo này đem đến, trong thời gian từ 5-7-2014 đến 5-8-2014.

Giờ mở cửa: Từ 7 giờ đến 22 giờ

ĐT: (08) 39115455 - Fax: (08) 3827 9390

Website: www.tibrestaurant.com.vn - Email: tibrestaurant@tibrestaurant.com.vn

Trân trọng kính mời



Đang phát hành

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

đóng bộ **Tập 2 năm 2013**,
từ số 180 đến số 191
giá: **210.000đ/cuốn**

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:
Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại
toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ	2011 (2 tập): 420.000VNĐ
2009 (2 tập): 360.000VNĐ	2012 (2 tập): 420.000VNĐ
2010 (2 tập): 380.000VNĐ	2013 (2 tập): 420.000VNĐ



DIÊU TƯỜNG ÂM **NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO**



NHẤT NIỆM TRÀ

"Chỉ một ấm trà chứa tròn pháp giới, chỉ một chén trà đựng hết non sông,
ý thiên tâm ngộ chỉ người uống trà vẫn còn ngồi đó, hương thơm vị nồng ngát cả trà âm"

Khai trương Không Gian Trà Nghệ
Tháng 08/2014

DIÊU TƯỜNG ÂM NAM KỲ
382B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM.
ĐT: (08) 38 484558

DIÊU TƯỜNG ÂM 3/2
212 Ba Tháng Hai, P.12, Q.10, Tp.HCM.
ĐT: (08) 38 684 913
www.dieutuongam.com





DHARMA GARDEN

website: www.phapuyen.com - email: lienhe@phapuyen.com



NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

Email: nhasach@phapuyen.com

QUÁN CHAY - DHARMA FOODS

Email: quanchay@phapuyen.com

1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 35 035 579 - 0933 878 956

2 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 650 - 0919 190 177

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 818 - 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ, quả lưu niệm, pháp phục Tăng Ni, cư sĩ...

ăn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ấn tổng

y phục: nhận may pháp phục và đồng phục



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Công ty TNHH SX-TM

QUANG NGHỆ

QUANG NGHE CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

□ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

□ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738,228 - 38656,506 - Fax: (08) 3865,6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

Kinh, sách văn hóa phẩm về lĩnh vực Phật Giáo

Pháp phục Tăng Ni, áo tràng Phật tử...

Phật cụ pháp khí, hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ...

Nhân thực hiện in, ấn tổng kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

ĐC: 380/2B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

ĐD: 0902 404 748 (chị Thuận) - 0972 898 818 (chị Hoi)

CÔNG TY TNHH

SÀI GÒN PHÚ KIM

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lư:

• Móc khóa, quả lưu niệm
• Quả tượng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466
(08) 3880 9766



Email: saigonphukim@gmail.com - Website: www.sgpk360.com

Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM



Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng.

Phục vụ điếm tâm, cà phê, nước giải khát...

Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân

Nhân đãi tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

ĐT: (08) 36 021 025 - Email: veg.hoakhai@gmail.com



Chúc Mừng

Chúng tôi rất vui và xin chúc mừng **Cơ sở đúc đồng truyền thống Nguyễn Văn Sở** vừa tròn 60 năm trong sự nghiệp đúc đồng và phát triển Làng nghề đúc đồng truyền thống Huế. Năm nay tuổi hạc của cụ Sở đã trên 82 và cụ đã truyền dạy kinh nghiệm quý báu trong nghề đúc cho người con trưởng Nguyễn Văn Phương (63 tuổi) và cháu nội là Nguyễn Văn Lộc. Hiện nay **nhệ nhân Nguyễn Văn Phương đang điều hành Cơ sở đúc đồng truyền thống Nguyễn Văn Sở** và tiếp tục phát huy truyền thống nghề đúc với rất nhiều tôn tượng Đức Phật, chuông, đại hồng chung cho các chùa trong và ngoài

nước cùng nhiều hàng mỹ nghệ tinh xảo phục vụ cho cộng đồng (được biết: anh Nguyễn Văn Sinh chỉ là rể trong họ của cụ Sở, chứ không phải là con của cụ như nhiều người lầm tưởng).

Chúng tôi trân trọng kính chúc **cụ Nguyễn Văn Sở thượng thọ - Cơ sở đúc đồng truyền thống** luôn phát triển và đảm bảo uy tín về chất lượng tốt, mỹ thuật và nghệ thuật đúc các tôn tượng Phật, chuông và đại hồng chung để mãi mãi xứng đáng với lòng tin yêu của chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử trong cả nước.

Trị sự Tạp chí VHPG

CƠ SỞ ĐÚC ĐỒNG TRUYỀN THỐNG NGUYỄN VĂN SỞ NỔI NGHIỆP LÀ CON TRAI TRƯỞNG NGUYỄN VĂN PHƯƠNG

Địa chỉ: Kiệt 257/16 Bùi Thị Xuân, TP.Huế, ĐT: 0945 717935 - 0914 550871



Nghệ nhân Nguyễn Văn Phương bên sản phẩm mới (chuông 3 tấn)

Làng đúc đồng truyền thống Huế nằm ở địa bàn phường Phường Đúc và một phần của phường Thủy Xuân (thôn Hạ 2 và thôn Thượng 4); đã chế tác rất nhiều sản phẩm bằng đồng được kết tạo nên từ khối óc và bàn tay tuyệt vời của các nghệ nhân Phường Đúc đã trở thành những kiệt tác di sản trong kho tàng văn hóa vật thể kinh đô Huế như: Vạc đồng ở Đại Nội, Cờu đỉnh đặt trước Thế Miếu, chuông chùa Thiên Mụ, Cờu vị thần công đặt trước Ngọ Môn, các tôn tượng Đức Phật và đại hồng chung cùng với rất nhiều vật dụng mỹ nghệ bằng đồng rất tinh xảo như lư, đèn đồng...

Hiện nay các nghệ nhân lớp hậu bối được truyền thừa với tay nghề khéo léo và tài hoa đã tiếp nối bậc tiền bối cũng như đạt đến đỉnh cao về kỹ thuật và nghệ thuật của Làng đúc đồng truyền thống Huế; xin điển hình như cụ Nguyễn Văn Sở, pháp danh Nguyên Tại, tuy tuổi hạc đã cao (82 tuổi), cụ vẫn minh mẫn và chân truyền cho con cháu kinh nghiệm quý báu của làng nghề và anh Nguyễn Văn Phương, pháp danh Nguyên Diệu (63 tuổi) là con trai trưởng, thay cụ tiếp tục điều hành **Cơ sở đúc đồng truyền thống Nguyễn Văn Sở** ở kiệt 257/16 Bùi Thị Xuân, TP.Huế; luôn đảm



Các bạn thợ vui mừng bên đại hồng chung vừa hoàn thành

bảo uy tín đúc đồng đạt về chất lượng, mỹ thuật và nghệ thuật, được chư tôn đức các chùa gần xa tín nhiệm.

Nghệ nhân Nguyễn Văn Phương và người con trai là anh Nguyễn Văn Lộc có thiện duyên trong nghề đúc đồng truyền thống, đã chế tác rất nhiều tôn tượng Đức Phật và đúc những quả chuông.

- *Tại Huế:* Đúc thành công quả chuông 1,5 tấn - chùa Từ Đàm, 2 quả chuông mỗi quả nặng 1,5 tấn - chùa Quang Minh, quả chuông 2 tấn đang làm - chùa Thiên Minh (riêng đại hồng chung chùa Thiên Mụ được làm từ đời ông nội cụ Sở) và nhiều chùa khác trong tỉnh Thừa Thiên...

- *Các tỉnh và thành phố bạn:* Tiếng lành đồn xa, lan tỏa đến các chùa, tịnh xá và cơ sở chúng tôi cung kính cung đón HT.Thích Giác Toàn, Phó Chủ tịch HĐTS, viện chủ tịnh xá Trung Tâm đặt quả chuông 1,5 tấn và TT.Thích Lệ Trang, trụ trì Tổ đình Hội

Phước đặt quả chuông 3 tấn; và nhiều quả chuông 1 tấn đặt làm từ các chùa: Linh Ứng (Hà Nội), Liễu Quán (Củ Chi - TP.HCM), Niết Bàn (Bà Rịa - VT), Linh Quang (Định Quán) và quả chuông 0,5 tấn ở chùa Pháp Linh (Đồng Nai). Đặc biệt, tịnh xá Ngọc An (Long An) đặt: các tôn tượng Đức Phật Thích Ca cao 3m, Bồ-tát Địa Tạng cao 2m và quả chuông nặng 500kg...

Nghệ nhân Nguyễn Văn Phương cùng con trai và các bạn thợ **Cơ sở đúc đồng truyền thống Nguyễn Văn Sở** đã tích tạo phước điền cho đạo và làm tốt cho đời; điểm tô nét đẹp tinh hoa văn hóa đặc sắc của nghề đúc đồng truyền thống Huế; song hành là những tác phẩm để lại dấu ấn lịch sử cho Phường Đúc rất đáng trân trọng và thiết thực tạo niềm tin yêu của chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử trong và ngoài nước.

NGUYỄN BÔNG

Đón đọc

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Số 206

Số đặc biệt mừng Đại lễ Vu lan

Phát hành ngày 1 - 8 - 2014

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH: HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay – trà đạo
Bồ Đề Tâm
89B Nguyễn Khuyến, Quận Đống Đa
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
Thôn 7, Lý Trạch, Bố Trạch - QB
Cô Nguyễn Phước (Trịnh Hương)
ĐT: 0523 851 776 - 0915 272 598

THỪA THIÊN-HUẾ
Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG
Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

Quầy báo
110 Lê Lợi, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113894929 - 0168242401
(Khánh Chi)

QUẢNG NGÃI
Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH
Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiền Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng
Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA
Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 – 0168 2552 374

NINH THUẬN
Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

DAKLAK
Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 – 0913 434 138

LÂM ĐỒNG
Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU
Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG
Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ
Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 – 07103827685

TIỀN GIANG
Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 – 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG
Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 – 070. 834 654
(Chú Tư Nờ)

TP. HỒ CHÍ MINH
Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG